

# VĂN HÓA

## PHẬT GIÁO

Một mình

Tr. 28

Tìm cha

Tr. 47

Phỏng vấn  
Nhịp ảnh gia...

Tr. 6



# MUA ỐNG NHỰA HOA SEN CÀO LIỀN TAY TRÚNG NGAY AIR BLADE

Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019

## 90 Air Blade



Đơn hàng  
1 triệu đồng  
nhận ngay  
1 phiếu cào

## 90 iPhone X



## 90.000

Thẻ cào điện thoại



## TỔNG GIÁ TRỊ GIẢI THƯỞNG (\*)

# 20 TỶ

Thông tin chi tiết vui lòng liên hệ



(028) 399.77897

(028) 399.77899

[www.hoasengroup.vn](http://www.hoasengroup.vn)

(\*TỔNG GIÁ TRỊ GIẢI THƯỞNG 20 TỶ ĐỒNG LÀ DÀNH CHO 2 CHƯƠNG TRÌNH:  
Chương trình "MUA ỐNG NHỰA HOA SEN - CÀO LIỀN TAY TRÚNG NGAY AIR BLADE" - dành cho khách hàng là người tiêu dùng;  
Chương trình "MUA ỐNG NHỰA HOA SEN - TRÚNG Ô TÔ CAMRY" - dành cho khách hàng là Nhà phân phối & Đại lý.  
Các giải thưởng như trên nằm trong chương trình dành cho khách hàng là người tiêu dùng.

Hình ảnh giải thưởng mang tính minh họa



## ỐNG NHỰA HOA SEN

Dẫn nguồn hạnh phúc

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



uPVC



PP-R



HDPE





# Trong số này

**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM**  
**TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO**  
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập  
**THÍCH HẢI AN**

Phó Tổng Biên tập Thường trực  
*kiêm* Thư ký Tòa soạn  
**TRẦN TUẤN MÃN**

Phó Tổng Biên tập  
**THÍCH MINH HIỀN**

Trình bày  
**MAI PHƯƠNG NAM**

Tòa soạn  
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,  
Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-028) 38484 335 - 0938305930  
Email: toasoanvhp@gmail.com

Tên tài khoản:  
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo  
Số tài khoản:  
0071001053555 Ngân hàng Vietcombank,  
Chi nhánh TP.HCM

Phát hành và Quảng cáo  
liên hệ: Kim Sa, Dd 0938305930

Giấy phép hoạt động báo chí của  
Bộ Thông tin và Truyền thông  
Số 1878/GP. BTTTT  
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú  
Q.1, TP. Hồ Chí Minh

<b>Sương mai</b>	3
<b>Giới luật là ngọn đuốc soi đường (Nguyễn Cảnh)</b>	4
<b>Phòng vấn Nhiếp ảnh gia Trần Thế Phong (Văn Hóa Phật Giáo)</b>	6
<b>Phật học trung đẳng (Nguyễn Khuê)</b>	8
<b>Tổng quan về Giới học (Thích Trung Định)</b>	9
<b>Tình thức giữa quần mê (Diệu Hạnh)</b>	12
<b>Khéo rõ biên tế “sanh” và “tận” của mắt (Nguyễn Thế Đăng)</b>	16
<b>Mối quan hệ giữa mẹ và thai nhi theo quan điểm Phật giáo (Thích Nữ Nguyên Tuệ)</b>	18
<b>Hòa thượng Thích Thanh Hanh và Phong trào Chấn hưng Phật giáo thế kỷ XX (Thích Minh Hiếu)</b>	22
<b>Vai trò của Tăng đoàn Phật giáo trong thế kỷ XXI (Venerable Dhammapala, Phạm Chánh Cần dịch)</b>	24
<b>Một mình (Cao Huy Hóa)</b>	28
<b>Tâm sự của một Phật tử theo chủ nghĩa Marx (Nguyễn Hữu Đức)</b>	30
<b>Độc sách xưa nhớ chuyện quốc thế... (Nguyễn An)</b>	33
<b>Vị thế đất nước dịch chuyển sau bước chân (Lê Hải Đăng)</b>	36
<b>Cuộc chống Pháp của nhân dân Nam Kỳ có phải là kháng mệnh triều đình? (Cao Văn Thức)</b>	38
<b>Bàn thêm về hai chữ “Phong kiến” ở Việt Nam (Tôn Thất Thọ)</b>	42
<b>Nhạc thiếu nhi của Trịnh Công Sơn (Nguyễn Văn Toàn)</b>	44
<b>Tim cha (Trần Thị Linh Chi)</b>	47
<b>Ai hát nầy nghe (Nguyễn Anh Kết)</b>	50
<b>Thơ (Trần Thương Tính, Đỗ Tấn Thảo, Tịnh Bình, Nguyễn Minh Thuận, Huỳnh Thị Mộng Tuyền, Trường Khánh, Huỳnh Thị Kim Cương)</b>	52
<b>Anh em tôi (Lê Thị Xuyên)</b>	54
<b>Chùa Phật giáo ở Bắc Triều Tiên (Phạm Bá Thủy)</b>	57
<b>Đường tới kinh thành xưa (Trần Đức Tuấn)</b>	60
<b>Bìa 1: Vắng khách. Ảnh: Trần Thế Phong</b>	

# Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Trong tháng vừa qua, có một số vị thân hữu đến thăm Văn Hóa Phật Giáo với nhĩ ý chúc mừng Tạp chí nay đã có được một Ban bảo trợ để nâng đỡ về mặt tài chánh. Quả thực, cũng nhờ hoạt động bảo trợ mà vài số báo gần đây, lượng phát hành của VHPG có tăng đáng kể. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn nghĩ rằng Tạp chí không thể nào phát triển trong một thời gian ngắn. Việc phát hành Tạp chí chỉ có thể có hiệu quả nếu Ban Trị sự Phật giáo các tỉnh thành và Ban Trị sự Phật giáo các quận huyện có quan tâm giúp đỡ. Nếu như có **một** trong **mười** tự viện thường xuyên đặt mua **một cuốn báo** thì với khoảng 16.000 tự viện trong cả nước, chúng tôi cũng phát hành thêm được 1.600 cuốn báo mỗi số. Ước mơ này hiện vẫn xa vời... Mong sao thời gian để chuyện này trở thành hiện thực không xa lắm.

Chúng tôi vẫn xác định rằng dù khó khăn thế nào thì vẫn phải cố gắng duy trì hoạt động của Văn Hóa Phật Giáo. Hiện nay, chuẩn bị mừng tròn 15 năm hoạt động, hồi tưởng lại, chúng tôi đã trải qua nhiều phiền não. Nhớ ngày mới ra mắt số đầu tiên, chúng tôi đã nghe được nhiều lời gièm pha, rằng giỏi lắm thì tạp chí cũng chỉ cầm cự được chừng năm bảy số là phải ngưng hoạt động. Khoảng chục năm trước, cũng đã có dư luận cho rằng VHPG chuẩn bị đóng cửa. Thậm chí lúc ấy đã có một tập san in ấn thật đẹp được phát hành với tuyên bố rằng đó là tập san thay thế cho VHPG vì VHPG sắp đóng cửa, thế nhưng, chẳng bao lâu sau, chính tập san này phải ngưng hoạt động. Lại có một tin đồn khác mà đến nay thỉnh thoảng vẫn được nhắc lại, rằng khi VHPG mới được thành lập, Báo Giác Ngộ phải cử một thành viên biên tập sang giúp VHPG cho đến khi VHPG đứng vững thì rút thành viên ấy về. Chúng tôi khẳng định rằng tin đồn này hoàn toàn bịa đặt. Gần đây, cũng xuất hiện một số dư luận rằng VHPG khó tồn tại được lâu hơn. Đây cũng là tin đồn ác ý.

Đôi lời tâm sự, kính chúc  
quý độc giả luôn được thân  
tâm an lạc.

Văn Hóa Phật Giáo



Tinh cần giữa phóng dật,  
Tỉnh thức giữa quần mê.  
Người trí như ngựa phi,  
Bỏ sau con ngựa hèn.

*(Kinh Pháp cú, 29)*

# Giới luật

## *là ngọn đuốc soi đường*

NGUYỄN CĂN

**Đ**ể bảo hộ sự thanh tịnh và hòa hợp trong Tăng đoàn cũng như để giữ gìn bản thân vị Tỳ-kheo không cho hư hỏng, tránh gây mất niềm tin Tam bảo của tín thí, Đức Phật đã đề ra giới luật.

Trong việc giữ gìn giới luật, người tu hành tự nguyện giữ giới pháp một cách nghiêm mật để cho thân tâm thanh tịnh. Nương vào giới luật để gạn lọc thân tâm, hành giả đoạn trừ mọi lậu hoặc, ngăn ngừa nghiệp bất thiện. Nói như ngôn ngữ trong các bài giảng pháp "... Nhờ đó mà thân tâm được thúc liễm, đạo hạnh được tăng trưởng, đời sống không bị nhiễm ô trần tục". Từng cá nhân như vậy hợp lại, thành một tập thể trang nghiêm thanh tịnh. Đây chính là điểm khác biệt của Tăng đoàn Phật giáo so với tổ chức của các hội chúng khác. Chính tự lực của từng hành giả sẽ tác động đến Tăng thân và khi Tăng thân vững mạnh sẽ tạo tha lực hỗ trợ hành giả dũng mãnh tinh tấn trong quá trình tu học.

Xác định giới pháp là thầy, trong kinh *Đại Bát Niết-bàn*, Phật dạy: "*Này Anan, pháp và luật Ta đã giảng dạy và trình bày, sau khi Ta diệt độ thì pháp và luật ấy sẽ là Đạo sư của các người*" (*Trường bộ kinh II*).

Ở một phần khác, Phật dạy: "*Này các Tỳ-kheo, nay Ta dạy các người: các pháp hữu vi là vô thường, hãy tinh tấn lên chớ phóng dật*". Giới hạnh không chỉ thực hành những qui định trong giới bản mà còn là công phu gạn lọc, kiểm soát, ngăn ngừa các nghiệp sát, dâm, đạo, vọng. Từ đó tạo điều kiện cho thiền định được vững chãi, phát triển trí tuệ được dễ dàng.

Trong kinh *Di giáo*, Phật lại nói: "*Các thầy Tỳ-kheo, sau khi Như Lai diệt độ phải trân trọng tôn kính tịnh giới... phải biết tịnh giới là đức thầy cao cả của các người. Nếu Như Lai có ở đời thì cũng không khác gì tịnh giới ấy*" (HT.Trí Quang dịch).

Nói về các nghiệp "dâm" mà một số hành giả phạm phải, chúng ta nghe trong kinh văn khi Phật nói với

A-nan, "... Ông A-nan, nếu không đoạn lòng dâm mà tu thiền định thì cũng như nấu cát, nấu đá muốn cho thành cơm; dầu trải qua trăm nghìn kiếp cũng chỉ gọi là cát nóng, đá nóng, vì có sao? Vì đó là giống cát, giống đá, không phải là bản thân của cơm vậy. Ông đem thân dâm câu diệu quả của Phật, dầu được diệu ngộ, cũng chỉ là gốc dâm, cội gốc đã thành dâm, thì phải trôi lăn trong tam đồ, chắc không ra khỏi, còn đường nào tu chứng Niết-bàn Như Lai. Chắc phải khiến cho thân tâm đều đoạn hết giống dâm, cho đến tính đoạn cũng không còn nữa, thì mới trông mong chứng quả Bồ-đề của Phật... Sau khi tôi diệt độ rồi, trong đời mạt pháp, có nhiều những hạng yêu mị tà đạo ấy sôi nổi trong thế gian, chúng lên núp gian dối, tự xưng là thiện tri thức, mỗi người tự xưng đã được đạo pháp thượng nhân, lừa gạt kẻ không biết, doạ dẫm khiến cho mất lòng chính tín; chúng đi qua đến đâu, cửa nhà người ta đều bị hao tổn tan nát". (Trích kinh *Thủ-lăng-nghiêm*, quyển sáu. Dịch giả:

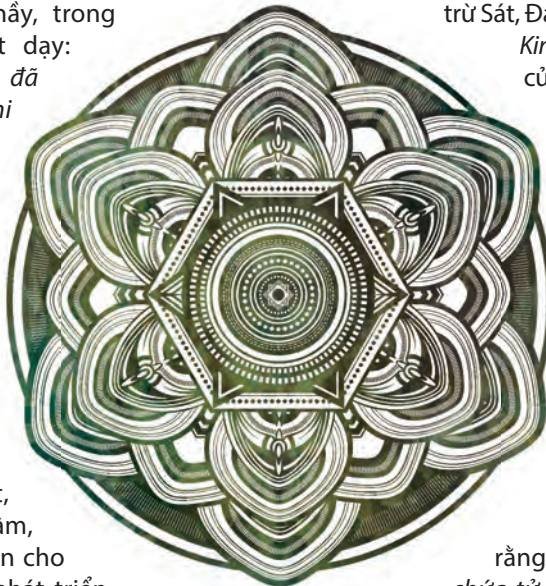
Tâm Minh Lê Đình Thám - Chỉ bày bốn pháp đoạn trừ Sát, Đạo, Dâm, Vọng)

Kinh *Trường bộ* có nêu ra năm lợi ích của việc giữ gìn giới luật như sau:

1. Người có giới đức sẽ hưởng được gia tài pháp bảo nhờ tinh tấn.
2. Người có giới đức được tiếng tốt đồn xa.
3. Người có giới đức không sợ hãi rụt rè khi đến các hội chúng đồng đức.
4. Người có giới đức khi chết tâm không rối loạn.
5. Người có giới đức sau khi mạng chung được sinh về thiện thú, thiên giới.

Kinh *Tăng chi III*, Đức Phật dạy rằng: "... *Biển cả không bao giờ dung chứa tử thi. Cũng vậy, nếu Tỳ-kheo nào không giữ được hạnh thanh tịnh thì Tăng đoàn sẽ không sống chung với kẻ ấy, hãy nhanh chóng tự hợp lại loại kẻ ấy ra. Dù kẻ ấy có ngồi giữa Tăng chúng cũng xa rời Tăng chúng, và Tăng chúng cũng không bảo vệ được kẻ ấy*".

Giáo hội không thể quán xuyên quản lý tất cả Tăng sĩ ở những địa phương khác nhau. Chúng ta không có hay chưa có những môi trường mạnh mẽ để Tăng



Ni sinh trưởng dưỡng phạm hạnh. Cũng chưa có hệ thống xét duyệt đạo đức thường xuyên hay bất kỳ nên có những sự cố xảy ra rồi mà Giáo hội chưa biết hay xử lý kịp thời. Trưởng lão Thích Thông Lạc từng nhận định: "... nhìn tu sĩ Phật giáo hiện giờ, biết Phật giáo suy hay thịnh, mất hay còn. Không phải ở số đông tu sĩ Phật giáo; không phải ở chỗ Phật giáo được chấp nhận là quốc giáo; không phải Giáo hội Phật giáo được tổ chức như một quốc gia có tổ chức hẳn hoi, có các trường học từ sơ, trung, cao đẳng để tu sĩ học tập có cấp bằng cử nhân, tiến sĩ... Cũng không phải ở chỗ xây cất chùa to, tháp lớn, kiến trúc kiên cố vĩ đại mà ở chỗ tu sĩ phải sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn, sống phòng hộ sáu căn với sự phòng hộ giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt. Nói tóm lại, vị Tỳ-kheo phải giữ gìn giới luật nghiêm túc thì Phật giáo mới còn và hưng thịnh, còn chúng Tỳ-kheo phá giới thì Phật giáo mất và không hưng thịnh. Lời di chúc năm xưa của Đức Phật còn vang mãi trong tai chúng ta rằng giới luật còn là Phật giáo còn, giới luật mất là Phật giáo mất" (Thích Thông Lạc - *Giới luật là pháp tu căn bản của Phật giáo để thoát khổ* - Người Phật tử cần biết, tập 3, Nxb Thế Giới, 2011).

Cách đây hơn 80 năm, Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám trong tạp chí *Viên Âm* từng phân loại Tăng chúng tóm tắt như sau:

- a. Hạng lợi dụng Phật pháp;
- b. Hạng lơ đãng không biết tu hành, lấy những lối cúng cấp làm nghề riêng;
- c. Hạng ưa thanh nhàn chỉ vui thú lâm tuyền, quên trách nhiệm của Tăng đồ.
- d. Hạng tu vì tư lợi, mình chỉ biết tự giải thoát.
- e. Hạng thực hành Chánh pháp.

Trên cơ sở đó, ông đề nghị xây dựng lại, chỉnh đốn tăng-già với những việc cụ thể như:

**- Đối với trong sơn môn**

- a. Lập một Ban luật sư để kiểm sát giới hạnh của tăng chúng. Ghi rõ kẻ nào phá giới, sẽ bị tâu sớ không được đắp điển y. Nếu không có sổ hay ban luật sư không cho phép mà đắp điển y thì bị truy tố về tội giả dối.
- b. Tổ chức những Ban thầy cúng. Thầy cúng không được đắp điển y mà chỉ là ưu-bà-tắc mang y màu nâu hay màu xám. Các ông thầy nếu không giữ đủ giới thì cho vào hạng ấy...

**- Về phương diện chư thiện tín**

- a. Không nên nhận những người đã phá giới là thầy tu đạo Phật.
- b. Phải hủy những điệp quy y thọ giới của các ông thầy đã phá giới cấp cho, vì không có giá trị.
- c. Công bố những sư phạm giới có bằng cứ của các bậc Tăng-già.
- d. Bảo hộ, cúng dường các thầy tu giữ giới luật.
- e. Không dự những việc không hợp với Phật pháp dầu là họ có lập chùa, đúc tượng vì nó chỉ là những



lối buôn bán Phật pháp để kiếm tiền kiếm rượu. [Hiện nay ở nước ta một số đại gia đặc biệt phía Bắc đang xây chùa cực to, tượng thật lớn nhưng để làm gì thì chúng ta chưa rõ, ít ra về phương diện tu học và phổ biến Chánh pháp].

Cư sĩ Tâm Minh khẳng định "*Hộ trì giới luật là xây nền tảng cho đạo Phật, hoằng dương Chánh pháp*".

B' Su Danglu trong "*Đạo Phật ngày mai*" từng kêu gọi "*Muốn bảo vệ đạo Phật một cách hữu hiệu, mỗi người Phật tử phải xây một ngôi chùa cho chính bản thân mình. Vào thế kỷ XI, có một vị thiền sư tên Ngô Ấn, đã thực hành và truyền dạy pháp môn Tam bản "Dĩ thân vi Phật, dĩ khẩu vi Pháp, dĩ tâm vi thiên" (Dùng thân làm Phật, dùng miệng làm pháp, dùng tâm làm thiên), Giáo lý Tam bản dạy chấm dứt sự truy cầu rong ruổi bên ngoài và trở lại với ngôi chùa thân khẩu ý"* (B' su Danglu - *Đạo Phật ngày mai*, Lá Bối, 1970).

Trong bài viết này, chúng tôi chỉ nhấn mạnh rằng sự hưng thịnh và tồn vong của Phật giáo hôm nay không nằm ở những khu du lịch tâm linh hàng trăm hecta hay những ngôi chùa nguy nga, những lễ hội rình rang đậm màu mê tín mà nằm ở các Tăng sĩ giữ gìn giới luật, làm gương cho tín chúng. Làm thế nào ở những ngôi chùa, dù to hay nhỏ, luôn là những tự viện thanh quy với những vị Tăng sĩ đạo hạnh nghiêm cẩn hay luôn cố gắng như thế, hướng dẫn Phật tử sống an lạc tin yêu. ■



Phòng vấn Nhiếp ảnh gia

# Trần Thế Phong

VĂN HÓA PHẬT GIÁO



Văn Hóa Phật Giáo được nhiếp ảnh gia Trần Thế Phong, một thân hữu kỳ cựu, mời đến dự cuộc triển lãm ảnh và phát hành sách ảnh của anh với chủ đề “Nhịp sống Sài Gòn”, khai mạc vào ngày 14-9-2019 tại 184 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, quận 1, TP.HCM. Nhân tiện, chúng tôi có làm một cuộc phỏng vấn ngắn.

**Hỏi:**

Đến nay anh đã thực hiện được bao nhiêu cuộc triển lãm ảnh? Xin nêu vài cuộc triển lãm đáng nhớ?

**Đáp:**

Cuộc triển lãm này là triển lãm cá nhân lần thứ 13. Và tập sách ảnh này là tập thứ 8, chủ đề *Nhịp sống Sài Gòn*, chủ yếu nói về Sài Gòn hôm nay, một đô thị hiện đại, đã cuốn hút và để lại nhiều ấn tượng, kỷ niệm đẹp cho các du khách trong và ngoài nước. Trước đó tôi cũng thực hiện nhiều cuộc triển lãm cá nhân và mỗi cuộc triển lãm đều có một chủ đề. Có thể nhắc lại, cuộc triển lãm ảnh năm 2006 có chủ đề “*Bão Chan Chu*”, năm 2008 có chủ đề “*Những nẻo đường tuổi thơ*”, năm 2011 có chủ đề “*Gánh*”...

Nhiếp ảnh gia Trần Thế Phong





Hoa xuân trên bến Bình Đông (2015)

**Hỏi:**

*Trong hoạt động nhiếp ảnh của mình, anh đã có được những giải thưởng nào?*

**Đáp:**

Tôi cũng có may mắn được nhiều giải thưởng. Năm 2005, bức ảnh “Hoàng hôn trên cầu Mỹ Thuận” của tôi được trao Huy chương Vàng của Hội Nghệ thuật Nhiếp ảnh TP.HCM và Huy chương Bạc của Bộ Văn hóa-Thông tin. Đến nay, tôi đã được trao tặng trên 200 giải thưởng đủ loại; đáng kể là các giải thưởng của Hội Nghệ sĩ Nhiếp ảnh Việt Nam và Hội Nghệ thuật Nhiếp ảnh TP.HCM, các giải thưởng báo chí TP.HCM và quốc gia; ngoài ra, tôi có hân hạnh nhận giải thưởng Grand Prix tại Nhật Bản, bốn lần nhận huy chương của *Asahi Shimbun* và ba lần nhận huy chương tại Áo.

**Hỏi:**

*Xin hỏi riêng đôi chút về bản thân anh. Trước khi trở thành nhiếp ảnh gia chuyên nghiệp, anh đã học hỏi, nghiên cứu như thế nào?*

**Đáp:**

Tôi bắt đầu cầm máy lúc vừa 20 tuổi. Ban đầu, tôi theo học với nhiếp ảnh gia Nguyễn Phụng Hiệp, một người thầy bình dị, tận tâm, đáng kính. Sau khi nắm vững kỹ thuật cơ bản, tôi có thời gian vác máy cùng một số đồng nghiệp mưu sinh. Trong thời gian đó tôi học hỏi thêm qua việc trao đổi với các đồng nghiệp. Tôi chú ý “đọc” nhiều tác phẩm nhiếp ảnh của những người đi trước. Sau đó tôi mới bước vào lĩnh vực sáng tác ảnh.



Chào ngày mới (2019)



Chợ Bến thành (2011)

**Hỏi:**

*Lại một chút riêng tư. Anh có thân hình rắn chắc, cân đối, khỏe mạnh. Được biết anh ăn chay trường đã lâu. Anh ăn chay vì lý do sức khỏe hay để tránh bớt sát sanh?*

**Đáp:**

Vì cả hai. Ban đầu tôi ăn chay để tránh bớt việc sát sanh, nhưng sau thấy rằng ăn chay chẳng những không ảnh hưởng đến sức khỏe mà còn giúp tôi minh mẫn, có nhiều suy nghĩ chín chắn và biết quan tâm đến sự sống, tôn trọng sự sống. Chính vì thế, tôi đã ăn chay trường suốt 31 năm nay. Mặt khác, quan trọng hơn, tôi cũng vẫn là một Phật tử thuần thành; nhờ ăn chay, tôi tăng trưởng lòng từ bi và giữ được giới sát sanh, một trong năm giới trọng của Phật giáo.

VHPG: Xin cảm ơn anh về cuộc phỏng vấn “bỏ túi” này.

# Giới thiệu sách Phật học trung đẳng

NGUYỄN KHUÊ

Lời tòa soạn: *Giáo sư NGUYỄN KHUÊ, một thân hữu của tạp chí Văn Hóa Phật Giáo, từng nhiều năm giảng dạy tại Đại học Văn Khoa Sài Gòn và Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.Hồ Chí Minh. Nhân sách Phật học Trung đẳng tập 1 và tập 2 - bằng Hán văn của Thiện Nhân do Giáo sư Nguyễn Khuê dịch - vừa được tái bản, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu cùng quý độc giả qua Lời Nói Đầu của dịch giả.*

VHPG

Sách *Sơ đẳng Phật học giáo khoa thư* bằng Hán văn do Cư sĩ Thiện Nhân biên soạn, Đại sư Thái Hư giám định, thường được đem giảng dạy ở các chùa, các trường Phật học, vừa như một giáo trình Phật học, vừa như một giáo trình Phật học, vừa như một sách dạy chữ Hán. Trước nay, theo như chúng tôi được biết, đã có các bản Việt dịch sau đây hiện đang lưu hành:

Trước hết là bản dịch của Hòa thượng Thích Hành Trụ, bản này được in lại nhiều lần; ấn bản năm 1995 do Thành hội Phật giáo TP.Hồ Chí Minh xuất bản. Thứ đến là bản dịch của Tỳ-kheo Thích Thiện Thông, Hòa thượng Thích Thiện Siêu đề tựa, 1993 (không ghi nhà xuất bản). Và gần đây, bản dịch của Sư cô Hạnh Minh, Nxb Tôn Giáo, 2002.

Gần hai mươi năm nay, chúng tôi đã dùng sách *Sơ đẳng Phật học giáo khoa thư* để dạy Hán văn tại một số chùa, tại trường Trung cấp Phật học và lớp Cao đẳng Phật học TP.Hồ Chí Minh, trường Cao cấp Phật học nay là Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.Hồ Chí Minh.

Trên sách sơ đẳng nói trên là *Trung đẳng Phật học giáo khoa thư* cũng do Cư sĩ Thiện Nhân biên soạn, Đại sư Thái Hư giám định. Cho đến nay, chúng tôi chưa thấy có bản Việt dịch nào được chính thức xuất bản. Nhiều Tăng, Ni sinh yêu cầu chúng tôi biên dịch sách này để có tài liệu học tập, ngõ hầu nâng cao trình độ Hán văn.

Bắt tay vào việc biên dịch, chúng tôi không tìm được bản gốc sách *Trung đẳng Phật học giáo khoa thư*, mà chỉ có:

- Bản photo không có trang ghi nhà xuất bản và năm in. Bản này chia làm hai phần: thượng sách gồm có 40 bài nói về Phật học sử Ấn Độ và hạ sách cũng có 40 bài nói về Phật học sử Trung Quốc.

- Bản in lại của Viên Chiếu từng thư, Phật lịch 2544 (2000). Bản này chỉ có thượng sách.

Mỗi bài học gồm có: bài chữ Hán, phiên âm quốc ngữ, dịch nghĩa, nghĩa từ và ngữ pháp.

- Về dịch nghĩa: Chúng tôi dịch sát nguyên tác để người học tiện đối chiếu câu văn tiếng Việt với câu văn chữ Hán. Ngoài nguyên chú của tác giả, chúng tôi còn soạn thêm một số chú thích, nếu xét thấy cần thiết, để giúp người học hiểu rõ nội dung của bài.

- Về nghĩa từ: Chữ Hán có rất nhiều nghĩa. Chúng tôi chỉ cho nghĩa dùng trong bài và một vài nghĩa thông dụng khác. Nghĩa từ được giải thích bằng chữ Hán để người học làm quen với các tự điển và từ điển Trung Quốc, và cũng được phiên âm, dịch ra tiếng Việt.

- Về ngữ pháp: Mỗi bài Hán văn trong sách này có nhiều vấn đề ngữ pháp cần giảng giải, phân tích, nhưng không thể đề cập cùng một lúc, bởi lẽ như thế sẽ làm cho phần ngữ pháp trở nên rườm rà và quá dài. Ở mỗi bài, chúng tôi chỉ chọn vài ba vấn đề để giải thích; những vấn đề còn lại sẽ lần lượt được đề cập ở các bài sau.

Kinh nghiệm giảng dạy cho chúng tôi biết nhiều người học chữ Hán đã lâu, nhưng bị mất căn bản về ngữ pháp, vì vậy chúng tôi không ngại đề cập những điều rất sơ đẳng. Mặt khác, sách này cũng nhằm vào những người tự học, nên chúng tôi cố gắng giải thích càng rõ ràng để hiểu càng tốt. Những vấn đề ngữ pháp được phân bố đều cho các bài học sao cho có tính hệ thống và hoàn chỉnh.

Chắc hẳn sách này không tránh khỏi những điều bất cập. Rất mong được các bậc tôn túc lượng thứ và chỉ giáo.

Tiết Trung thu năm Ất Dậu (2005)  
NGUYỄN KHUÊ



# Tổng quan về Giới học

THÍCH TRUNG ĐỊNH

Những quy tắc đạo đức có một vị trí rất quan trọng trong hầu hết các tôn giáo. Pháp luật hay các quy ước là điều cần thiết đối với bất cứ thành viên nào trong xã hội. Trong mỗi gia đình nếu không có quy tắc, gia đình đó sẽ xảy ra bất đồng; một quốc gia, nếu không có phép nước, thì quốc gia đó sẽ rối loạn. Trong Phật giáo cũng vậy, giới luật đóng một vai trò vô cùng đặc biệt. Giới được xem là mạng mạch của đời sống Tăng-già. Vì vậy, trong đời sống sinh hoạt của Tăng đoàn hầu hết các quy tắc đặt ra là để phòng hộ, ngăn chặn các hành vi, lời nói bất thiện của vị Tỳ-kheo do tham lam, sân hận hay si mê chi phối. Giới là để chế ngự các bất thiện pháp, phụng hành các thiện sự, và thanh tịnh các tâm hành.

Giới là một trong Tam vô lậu học giới, định và tuệ. Con đường Thanh tịnh (Visuddhimagga) hay Con đường Giải thoát (Vimuttimagga) đưa chúng sanh đến bờ an vui giải thoát. Lý do giới được đặt ở đầu tiên và đặc biệt nhấn mạnh là vì giới là nền tảng của tất cả các thành tựu tâm linh. Chính Đức Phật đã xác tín với môn đệ của mình rằng giới luật là nền tảng của sự tiến bộ tâm linh. “*Nhân giới sanh định, nhân định phát tuệ*”. Sự hoàn hảo trong giới đánh dấu giai đoạn đầu tiên trong sự phát triển đời sống tinh thần của người đệ tử Phật. Những lời khích lệ của Đức Phật với chúng đệ tử trong vấn đề tuân thủ giới luật được tìm thấy nhiều trong Kinh tạng Nikāya, đôi khi Đức Phật dạy cho từng cá nhân nhưng có khi Ngài giáo giới cho toàn bộ đại chúng. Điều này cho thấy rằng giới luật là nền tảng căn bản của nếp sống thiền môn. Công việc đầu tiên của người tu tập là phải thọ trì giới pháp để thực hành, nhằm điều chỉnh lại các oai nghi chánh hạnh theo tinh thần giới luật, gạt bỏ những thói hư tật xấu để hoàn thiện tư cách tác phong của người xuất gia học đạo.

## Ý nghĩa giới học

Để nói về giới, cả hai ngôn ngữ Pāli và Phạn đều dùng thuật ngữ sīla. Về Phạn bản, tác giả Arthur Anthony Macdonell định nghĩa: “*Giới là thói quen hay tập quán, phong tục, sự thu thúc, đặc tính, hành vi, sự ứng xử tốt*

*hay thói quen, tính cách cao thượng, ngay thẳng, quy tắc đạo đức...*”. Về Pāli, ngài Buddhadata Mahathera định nghĩa: “*Giới là sự tự nhiên, thói quen, đạo đức, thực hành, giới luật*”. Giới theo nguyên nghĩa của nó là tự nhiên, là thói quen. Do vậy, giới vốn là thực tại với quy luật vận hành, nếu hành động trái với quy luật tự nhiên thì gặp trở ngại. Qua đó, ta hiểu rằng giới là chuẩn mực để đánh giá hành động đúng hay sai, điều gì nên làm và điều gì không nên làm, để thoát khỏi mọi trói buộc khổ đau. Giới được định nghĩa là phòng phi chỉ ác và chỉ ác tác thiện. Như *Đại Trí độ luận* nói: “*Dứt ác không làm trở lại gọi là giới*”<sup>2</sup>.

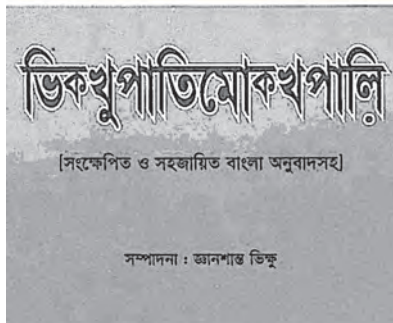
Từ điển của Rhys Davids cắt nghĩa, giới (sīla) có gốc từ ngữ căn Sil. Ngữ căn Sil có hai nghĩa: Upadhāranā (luân lý, đạo đức của Phật giáo, cách cư xử, tư cách đạo đức) và samādhi (định, thiền). Do vậy mới có thuật ngữ Định cộng giới, và Đạo cộng giới, vì khi ở trong thiền định tam nghiệp luôn thanh tịnh thì đó là giữ giới<sup>3</sup>.

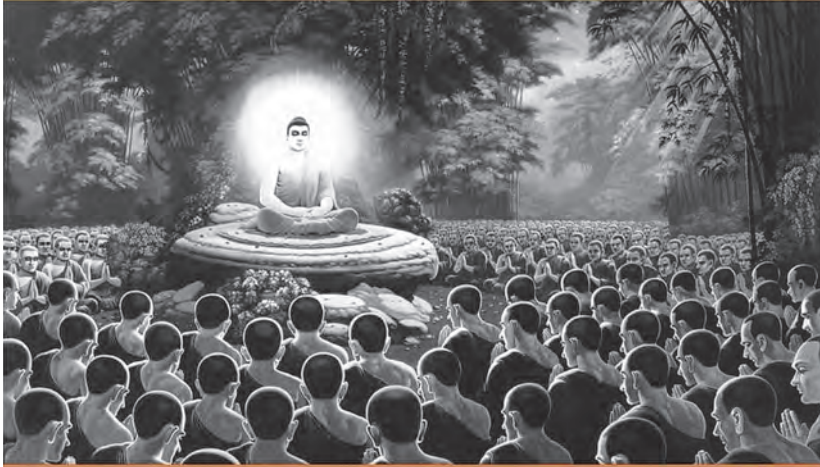
Giới cũng được dịch là “*thanh lương*”, nghĩa là mát mẻ, vì giới có công năng dứt ba nghiệp quấy ác thiêu đốt. *Thanh tịnh đạo luận* giải thích rằng: “*Sự tránh xa cực đoan mê đắm dục lạc được nêu bằng giới. Giới là phương tiện để vượt khỏi các đọa xứ, để phòng sự vi phạm những điều*

*ô nhiễm và thanh lọc những ô nhiễm do tà hạnh*”<sup>4</sup>.

Giới được gọi như thế là vì nó có nghĩa của sự kết hợp, kết hợp có hai nghĩa: một là phối hợp, chỉ sự không bất nhất trong ba nghiệp thân, khẩu, ý nhờ đức hạnh, hai là nâng lên, nghĩa là giới là nền tảng cho các thiện pháp<sup>5</sup>. Thuật ngữ “*giới*” bao gồm các nội dung tương tự khác như sự kiểm chế và bất hại. Các chức năng của giới có hai ý nghĩa: 1) hành động để ngăn chặn hành vi sai trái; và 2) thực hành hoàn thiện các việc lành. Biểu hiện của nó là một sự kết hợp của hai đức tính tầm và quý. Vì tầm và quý là nhân gần của giới. Khi tầm quý có mặt thì giới phát sinh và tồn tại, ngược lại nếu không có tầm quý thì sẽ hành động như cầm thú.

Giới còn có hai nghĩa: Tác trì và chỉ trì. Giới tác trì dựa trên thực tế phát triển điều lành; và giới chỉ trì là dựa trên tránh làm việc ác. Nói cách khác, tất cả các quy tắc đạo đức, là những hình thức tích cực, đều bao gồm





# ປາຕິໂມກ

---

## Patimokkha

www.ສງງ໌ມVOICE.COM

trong giới tác trì. Tất cả các giới luật bao gồm tránh những tệ nạn, giết hại, trộm cắp... là các hình thức tiêu cực có thể được bao gồm trong giới chỉ trì.

Chữ Giới trong Giới bổn Ba-la-đề-mộc-xoa có nghĩa là Biệt giải thoát hay Xứ xứ giải thoát, Tùy thuận giải thoát. Biệt giải thoát là giải thoát từng phần: giữ giới nhiều thì giải thoát nhiều, giữ giới ít thì giải thoát ít. Tùy thuận giải thoát là giải thoát tùy thuộc vào quả hữu vi hay vô vi của người hành trì.

Trong *Thanh tịnh đạo luận*, ngài Phật Âm định nghĩa: “Giới là gì? Đó là các pháp khởi từ Tư tâm sở hiện hữu với một người từ bỏ sát sanh... hay nơi một người thực hành viên mãn các học giới”. *Luận thư Vô ngại giải* phân tích: “Giới là gì? Có giới là Tư tâm sở, có giới là các tâm sở thọ, tưởng, hành, có giới là sự chế ngự, có giới là không vi phạm”<sup>6</sup>.

Kinh *Di giáo*, trong phần trì giới, có liệt kê các mục như sau: 1. Kiểm chế tâm; 2. Ăn uống điều độ; 3. Tiết chế ngủ nghỉ; 4. Kiểm soát sự nóng giận; 5. Kiểm chế tính tự buông thả; 6. Bỏ đi tính xu nịnh; 7. Giảm thiểu dục vọng; 8. Biết đủ.

Nói chung, giới có nghĩa là “chế ngự” theo năm cách như sau: Chế ngự với sự chế ngự của giới bổn Ba-la-đề-mộc-xoa; chế ngự bằng tinh giác; chế ngự bằng tri kiến; chế ngự bằng kham nhẫn; chế ngự bằng tinh tấn. Giới có nghĩa là “kết hợp”, vì nó kết hợp ba nghiệp thân, khẩu, ý, hướng đến con đường thánh thiện. Giới có nghĩa là “nền tảng” vì nó làm cơ sở cho các thiện pháp phát sinh. Giới còn có nghĩa là thanh lương, vì nó làm cho người giữ giới cảm thấy thân tâm mát mẻ<sup>7</sup>.

Các định nghĩa trên giúp chúng ta hiểu rõ vai trò và ý nghĩa của giới luật. Người thực hành giới sẽ đạt được ba mục tiêu: không làm các điều ác (chư ác mạc tác), làm các việc lành (chúng thiện phụng hành), giữ tâm ý thanh tịnh, loại bỏ hết các lậu hoặc (tự tịnh kỳ ý)<sup>8</sup>. Đó cũng là mục tiêu tối thượng của bất cứ ai thực hành theo Phật giáo.

Do vậy, trong lời bài kinh cuối cùng trước lúc Thế Tôn diệt độ, Ngài ân cần căn dặn chúng đệ tử rằng: “Này

*các Tỷ-kheo, sau khi Ta diệt độ, các thầy phải trân trọng tôn kính tịnh giới, như người mù mà được mắt sáng, nghèo mà được ngọc quý. Phải biết tịnh giới là đức thầy cao cả của các thầy. Nếu Ta ở đời thì cũng không khác gì tịnh giới ấy*”. Người xuất gia luôn lấy giới luật làm cương lĩnh tu tập để chuyển hóa thân tâm, trang nghiêm huệ mạng. Tăng đoàn phát triển đều do nương vào giới luật để thiết lập sự hòa hợp và thanh tịnh. Như vậy, giới luật nhằm ổn định quy củ thiên môn, là áo giáp phòng chống giặc phiền não, là đạo quân tiên phong mở cánh cửa giải thoát. Ta vẫn thấy rằng cả hai truyền thống Phật giáo Nam tạng cũng như Bắc tạng đều xác quyết tầm quan trọng của giới luật.

### Ba-la-đề-mộc-xoa (Patimokkha)

Ba-la-đề-mộc-xoa chứa các giới điều của Giới bổn Tỷ-kheo và Giới bổn Tỷ-kheo-ni, còn gọi là giới cụ túc. Thuật ngữ này được dịch là “biệt giải thoát”. Do đó, nó liên quan đến nhiệm vụ của Phật giáo để giải thoát cá nhân con người ra khỏi khổ đau mà người đó phát nguyện thọ trì và thực hành theo tông chỉ của giới bổn ấy. Theo nguyên nghĩa thì Ba-la-đề-mộc-xoa là hướng tới sự giải thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử.

Theo Đại phẩm thuộc tạng Luật, Ba-la-đề-mộc-xoa có nghĩa là sự khởi đầu, người đứng đầu (hoặc mở lối), cái quan trọng nhất, phẩm chất khéo léo, hay thiện xảo; ý nói thiện xảo trong sự phòng hộ. Thuật ngữ này không chỉ đơn giản là bao gồm các giới điều để tuân thủ, mà còn của một bài giảng trong đó Đức Phật liệt kê các nguyên tắc cơ bản chung cho các giáo lý của tất cả chư Phật. Do đó, từ nguyên của thuật ngữ Ba-la-đề-mộc-xoa đều biểu thị một tập hợp các nguyên tắc cơ bản để thực hành đạo đức tâm linh<sup>9</sup>. Các học giả như Rhys Davids, Oldenberg và sau này là Childers đều cùng quan điểm rằng Ba-la-đề-mộc-xoa có nghĩa là “gánh nặng được trút bỏ xuống, để đón nhận sự tự do giải thoát”. Trong *Thanh tịnh đạo luận*, ngài Phật Âm cũng định nghĩa tương tự, nhấn mạnh đến ý thức của

hành giả được miễn trừ sự trừng phạt của địa ngục và nỗi khổ đau trong luân hồi sinh tử<sup>10</sup>.

Xét theo nguồn Pali, Ba-la-đề-mộc-xoa có ba nghĩa:

- Ba-la-đề-mộc-xoa được định nghĩa là cái khởi đầu, là bộ mặt, nó là nguyên tắc của các phẩm chất tốt.

- Bất cứ ai tuân thủ các quy tắc của giới bốn Ba-la-đề-mộc-xoa, người đó sẽ được giải thoát khỏi khổ đau trong tam đồ ác đạo, vì vậy nó được gọi là Ba-la-đề-mộc-xoa.

- Nó là phẩm chất cao nhất, tuyệt vời nhất, là giới cư túc, đưa người lên Bậc trên<sup>11</sup>.

S. Dutt cho rằng Ba-la-đề-mộc-xoa nghĩa là "sự thu thúc". Ông coi đó là một mối quan tâm bên ngoài của Tăng đoàn nhằm gắn kết các thành viên đệ tử của Đức Phật vào trong sự thanh tịnh hòa hợp. Trong khi, Rhys Davids và Stede nói rằng nó có nghĩa là "ràng buộc, bắt buộc, nhiệm vụ". Tức để cho các Tỷ-kheo ý thức hơn trong hành vi cử chỉ của mình. Tiến sĩ E.J. Thomas cho rằng Ba-la-đề-mộc-xoa còn có nghĩa là 'ràng buộc', buộc chặt lại với nhau như một chiếc áo giáp; ý nói người chiến sĩ ra trận mà có áo giáp thì không sợ gươm dao, cũng vậy người xuất gia khoác lên mình chiếc áo giáp của giới bốn Ba-la-đề-mộc-xoa thì không sợ giặc phiền não tham, sân, si khuấy rối. Do đó Tỷ-kheo có nghĩa là Bồ ma (làm ma chúng khiếp sợ) và phá ác (diệt giặc ác) là vậy, nên nó có nghĩa là "sự liên kết, bắt buộc"<sup>12</sup>.

Giới bốn Ba-la-đề-mộc-xoa được đúc kết thành các quy tắc và đã được chư Tỷ-kheo đọc tụng hai lần trong một tháng vào dịp lễ Bố-tát được tổ chức vào ngày Sóc, Vọng.

### Luật (vinaya)

Luật tạng được tạo thành từ các nguyên tắc kỷ luật đặt ra cho việc điều chỉnh các hành vi của các đệ tử của Đức Phật. Nó chứa các quy tắc và quy định về việc quản lý của Giáo hội Tăng-già, và các quy tắc áp dụng cho các hành vi trong cuộc sống hàng ngày của Tăng. Những quy định về việc tiếp nhận đệ tử gia nhập vào Tăng đoàn; những nghi thức sám hối, giải tội; những quy định về pháp an cư, nhà ở, quần áo, thuốc chữa bệnh, và các thủ tục pháp lý trong trường hợp ly giáo, cũng được bao gồm trong đó. Tất cả những quy định này đều do Đức Phật ban hành trong những dịp khác nhau và kết thành bộ Luật tạng đầy đủ<sup>13</sup>.

Luật vốn được dịch từ thuật ngữ "vinaya" (thuộc cả ngôn ngữ Pali lẫn Sanskrit) không thể chuyển tải đầy đủ hương vị của từ này, vì nó có nghĩa đen là "cái gì đó được dẫn dắt". Dẫn ra khỏi những gì? Dẫn ra khỏi khổ đau, đau khổ của tất cả các trải nghiệm trong vòng sinh tử luân hồi. Vì vậy, Luật làm giải thoát những người thực hành theo nó, giải thoát tam nghiệp thân khẩu ý trói buộc chúng sanh trôi lăn trong sinh tử. Trong khi đó mục đích của luật là nhằm ngăn chặn các bất thiện pháp từ bên ngoài vào hay bên trong khởi lên; mặt

khác nó làm thanh tịnh tâm từ các pháp nhiễm ô, tạo điều kiện cắt đứt phiền não, lậu hoặc.

Ý nghĩa thực tế của từ "vinaya" là thoát ra, bãi bỏ, tiêu hủy hoặc loại bỏ một cách công khai về những hành vi gây cản trở sự tiến bộ trên con đường thực hành Chánh pháp. Nó có công dụng như những hướng dẫn cần thiết để nghiêm trì giới cấm, đồng thời là những phương thức xử lý hữu hiệu các sự vi phạm giới pháp. Nếu nói một cách tách bạch thì luật bao hàm cả giới, còn "giới" chỉ là một bộ phận của "luật". Nhưng nói một cách khái quát thì giới và luật tuy gọi khác nhau mà cùng chung một tính chất, vì thế nên có tên ghép là giới luật.

Tóm lại, giới học là chi phần vô cùng quan trọng trong tam vô lậu học. Thành tựu giới là bước đi đầu tiên mở cánh cửa đi vào giác ngộ, giải thoát. Giới còn được xem là mạng mạch, huyết quản của Phật pháp. Vì "Giới luật là thọ mạng của Phật pháp, giới luật còn thì Phật pháp còn, giới luật diệt thì Phật pháp diệt". Hành giả tu học mà không đứng trên đất của giới thì các bước tiếp theo sẽ khó để thành tựu. Thực hành giới là thiết lập một đời sống đạo đức căn bản, và thành tựu thiền định và trí tuệ đưa đến an lạc giải thoát, niết-bàn. "Giới là để chế ngự, chế ngự là để khỏi hối hận, không hối hận là để được hân hoan, hân hoan để được hỷ, hỷ để được khinh an, khinh an để được lạc, lạc để được định, định để được chánh kiến, chánh kiến để được vô dục, vô dục để được ly tham, ly tham để giải thoát, giải thoát để có giải thoát tri kiến, giải thoát tri kiến để đi đến vô thủ trước Niết-bàn"<sup>14</sup>. ■

### Ghi chú:

1. Harcharan Singh Sobti, *Nibbāna in Early Buddhism*, Delhi: Eastern Book Linkers, 2011.

2. Thích Thiện Siêu (dịch), *Đại Trí độ luận*, tập 1, chương 22, Giải thích nghĩa của giới tướng, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1997.

3. T.W. Rhys Davids and William Stede, *Pāli-English Dictionary*, Motilal Banarsidass, Delhi, 2003.

4&5&6&7&14. Thích nữ Trí Hải (dịch), *Thanh tịnh đạo luận*, chùa Pháp Vân ấn hành, 1992.

8. N. V. Banerjee (trans.), *The Dhammapāda*, verse 183, Delhi: Munshiram Manoharlal Publishers Pvt. Ltd., 1989, p.103.

9. *The Buddhist Monastic Code I*, The Patimokkha Rules, Translated & Explained by Thanissaro Bhikkhu, The Abbot Metta Forest Monastery P.O. Box 1409, Valley Center, CA 92082 U.S.A, 1994.

10&12. I.B. Horner, M.A, *The Book of the Discipline (Vinaya-Piṭaka)*, vol.1, Suttavibhaṅga, London: The Pali Text Society, 1982.

11. W.Pachow, *A Comparative Study of the Prāṭimokṣa*, Delhi: Motilal Banarsidass, 2000.

13. Bimala Churn Law, *A History of the Pāli Literature*, Delhi: Idica Book, 2000.



# Tỉnh thức giữa quàn mê

## DIỆU HẠNH

**Đ**ức Phật là bậc thức tỉnh (Buddho) giữa thế gian, thức tỉnh về sự thật khổ đau và lẽ sống đi ra khỏi khổ đau nhân sinh. Giữa lúc nhân loại còn mê say trong các huyền cảnh trần thế thì Siddhattha đã tỉnh ra cơn mê sâu muộn thế gian. Bản kinh *Mahà Sakyamuni Gotama* thuộc *Tương ưng bộ* ghi nhận những dấu hiệu đi đến thức tỉnh của Thế Tôn:

*“Này các Tỷ-kheo, trước khi giác ngộ, chưa thành chánh giác, khi còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: ‘Thực sự thế giới này rơi vào khổ đau, bị sanh, bị già, bị chết, bị đoạn diệt và bị tái sanh. Thế nhưng từ nơi đau khổ này, sự thoát khỏi già chết không được biết đến. Không biết bao giờ sự giải thoát già chết mới được biết đến!’*

*Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ: ‘Do cái gì có mặt, già chết có mặt? Do duyên gì, già chết sanh khởi?’ Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy về vấn đề này, Ta thành tựu trí tuệ hiểu biết như sau: ‘Do sanh có mặt nên già chết có mặt. Do duyên sanh nên già chết sanh khởi!’*

*Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ: ‘Do cái gì có mặt, sanh có mặt? Do duyên gì, sanh sinh khởi?’ Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy về vấn đề này, Ta thành tựu trí tuệ hiểu biết như sau: ‘Do hữu có mặt nên sanh có mặt. Do duyên hữu nên sanh sinh khởi... Do thủ có mặt nên hữu có mặt, do ái có mặt nên thủ có mặt, do thọ có mặt nên ái có mặt, do xúc có mặt nên thọ có mặt, do lục nhập có mặt nên xúc có mặt, do danh sắc có mặt nên lục nhập có mặt, do thức có mặt nên danh sắc có mặt, do hành có mặt nên thức có mặt, do vô minh có mặt nên hành có mặt, do duyên vô minh nên hành sanh khởi. Như vậy vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này!’ Tập khởi, tập khởi, này các Tỷ-kheo, suy tư về các pháp chưa từng được nghe trước đây, ở trong Ta, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh!’*

Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ: 'Do cái gì không có mặt, già chết không có mặt? Do cái gì diệt nên già chết diệt?' Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy về vấn đề này, Ta thành tựu trí tuệ hiểu biết như sau: 'Do sanh không có mặt nên già chết không có mặt. Do sanh diệt nên già chết diệt.' Tương tự như vậy, Ta thành tựu trí tuệ hiểu biết về sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục nhập, danh sắc, thức, hành, vô minh. Như vậy do vô minh diệt nên hành diệt, hành diệt nên thức diệt, thức diệt nên danh sắc diệt, danh sắc diệt nên lục nhập diệt, lục nhập diệt nên xúc diệt, xúc diệt nên thọ diệt, thọ diệt nên ái diệt, ái diệt nên thủ diệt, thủ diệt nên hữu diệt, hữu diệt nên sanh diệt, sanh diệt nên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này'. Đoạn diệt, đoạn diệt, này các Tỷ-kheo, suy tư về các pháp chưa từng được nghe trước đây, ở trong Ta nhân sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh<sup>1</sup>.

Trầm tư quán sát sâu sắc về nỗi khổ sanh, già, bệnh, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não của kiếp nhân sinh khiến tâm Đức Phật đi đến hoàn toàn tỉnh thức, hoàn toàn giác ngộ, thoát ly mọi hệ lụy sanh, già, bệnh, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não của muôn kiếp tái sinh, gọi là chúng đắc tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Với trí tuệ thẩm sát, Ngài chứng ngộ lý duyên sanh và lý duyên diệt của mọi hiện hữu, thấy rõ căn nguyên của khổ đau sanh, già, bệnh, chết và cách thức diệt trừ khổ đau tái sanh; tất cả nằm ở chỗ con người. Theo Đức Phật, thiếu hiểu biết về khổ mà rơi vào ái luyến thích thú hiện hữu thì khổ phát sinh. Có trí tuệ sáng suốt buông bỏ tâm luyến ái đối với hiện hữu thì khổ chấm dứt. Đó là sự chứng ngộ lớn của bậc Đại giác về nhân sinh; từ đây đạo giải thoát được mở ra cho toàn thể loài người, cho những ai sẵn sàng lắng nghe. Thế nào là tỉnh thức giữa quần mê?

Bậc Giác ngộ tuyên bố:

"Này các Tỷ-kheo, có hai sự tầm cầu này: Thánh cầu và phi Thánh cầu. Này các Tỷ-kheo, thế nào là phi Thánh cầu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tự mình bị sanh lại tìm cầu cái bị sanh, tự mình bị già lại tìm cầu cái bị già, tự mình bị bệnh... tự mình bị chết... tự mình bị sầu... tự mình bị ô nhiễm lại tìm cầu cái bị ô nhiễm.

Này các Tỷ-kheo, cái gì theo các Người gọi là bị sanh? Này các Tỷ-kheo, vợ con là bị sanh; đây tớ nam, đây tớ nữ là bị sanh; dê và cừu là bị sanh; gà và heo là bị sanh; voi, bò, ngựa đực, ngựa cái là bị sanh; vàng và bạc là bị sanh. Này các Tỷ-kheo, những chấp thủ ấy bị sanh, và người ấy lại nắm giữ, tham đắm, mê say chúng, tự mình bị sanh lại tìm cầu cái bị sanh.

Và này các Tỷ-kheo, cái gì theo các Người gọi là bị già? Này các Tỷ-kheo, vợ con là bị già; đây tớ nam, đây tớ nữ là bị già; dê và cừu là bị già; gà và heo là bị già; voi, bò, ngựa đực, ngựa cái là bị già; vàng và bạc là bị già. Này các Tỷ-kheo, những chấp thủ ấy là bị già, và người ấy lại nắm giữ, tham đắm, mê say chúng, tự mình bị già lại tìm cầu cái bị già.

Và này các Tỷ-kheo, cái gì theo các Người gọi là bị bệnh? Này các Tỷ-kheo, vợ con là bị bệnh; đây tớ nam, đây tớ nữ là bị bệnh; dê và cừu là bị bệnh; gà và heo là bị bệnh; voi, bò, ngựa đực, ngựa cái là bị bệnh. Này các Tỷ-kheo, những chấp thủ ấy là bị bệnh, và người ấy lại nắm giữ tham đắm, mê say chúng, tự mình bị bệnh lại tìm cầu cái bị bệnh.

Và này các Tỷ-kheo, cái gì các Người gọi là bị chết? Này các Tỷ-kheo, vợ con là bị chết; đây tớ nam, đây tớ nữ là bị chết; dê và cừu là bị chết; gà và heo là bị chết; voi, bò, ngựa đực, ngựa cái là bị chết. Này các Tỷ-kheo, những chấp thủ ấy là bị chết, và người ấy lại nắm giữ, tham đắm, mê say chúng, tự mình bị chết lại tìm cầu cái bị chết.

Và này các Tỷ-kheo, cái gì theo các Người gọi là bị sầu? Này các Tỷ-kheo, vợ con là bị sầu; đây tớ nam, đây tớ nữ là bị sầu; dê và cừu là bị sầu; gà và heo là bị sầu; voi, bò, ngựa đực, ngựa cái là bị sầu. Này các Tỷ-kheo, những chấp thủ ấy là bị sầu, và người ấy lại nắm giữ, tham đắm, mê say chúng, tự mình bị sầu lại tìm cầu cái bị sầu.

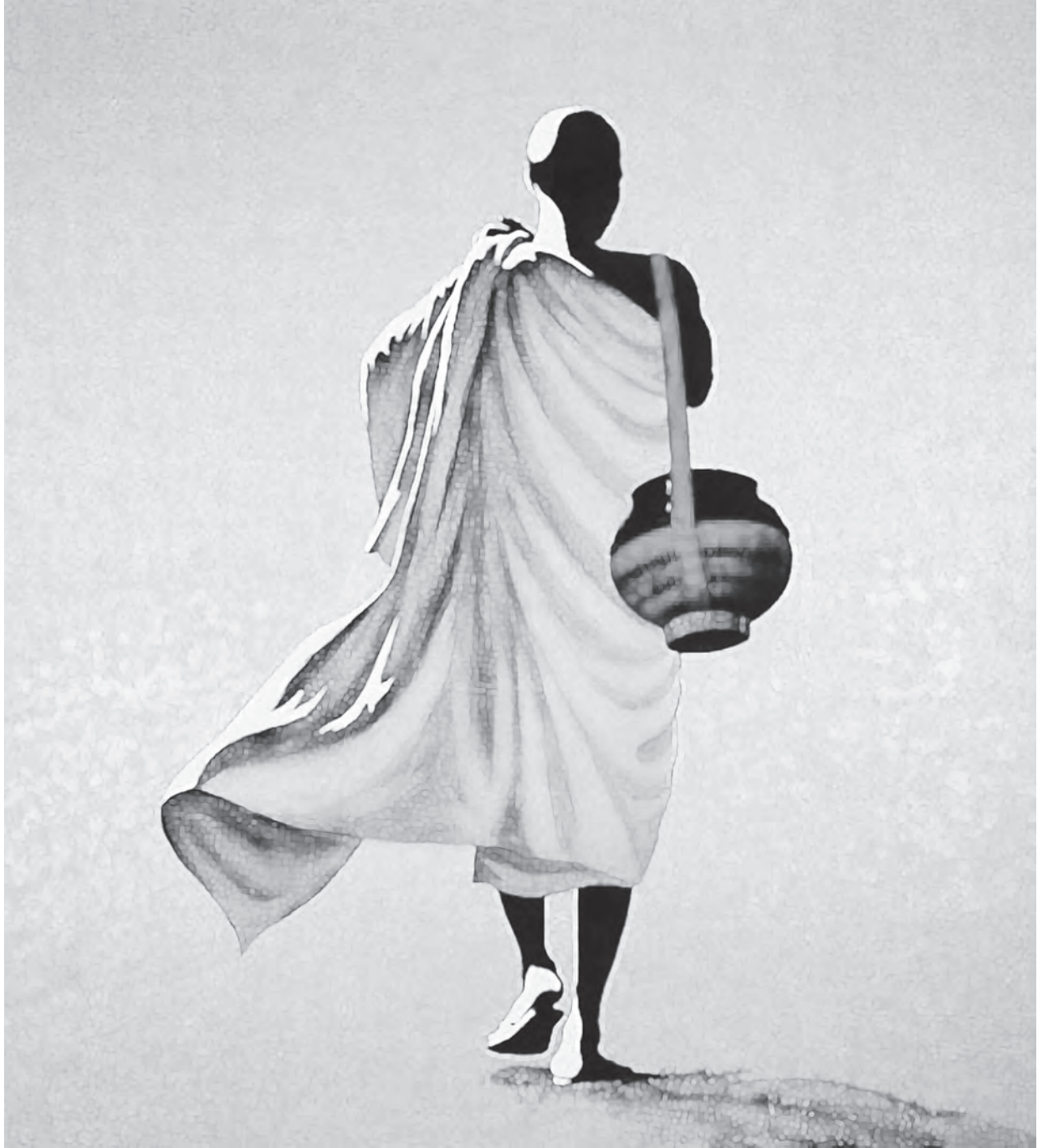
Và này các Tỷ-kheo, cái gì theo các Người gọi là bị ô nhiễm? Này các Tỷ-kheo, vợ con là bị ô nhiễm; đây tớ nam, đây tớ nữ là bị ô nhiễm; dê và cừu là bị ô nhiễm; gà và heo là bị ô nhiễm; voi, bò, ngựa đực, ngựa cái là bị ô nhiễm; vàng và bạc là bị ô nhiễm. Và này các Tỷ-kheo, những chấp thủ ấy là bị ô nhiễm, và người ấy lại nắm giữ, tham đắm, mê say chúng, tự mình bị ô nhiễm lại tìm cầu cái bị ô nhiễm.

Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là phi Thánh cầu.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh cầu? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tự mình bị sanh, sau khi biết rõ sự nguy hại của bị sanh, tìm cầu cái vô sanh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị già, sau khi biết rõ sự nguy hại của bị già, tìm cầu cái không già, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị bệnh... tìm cầu cái không bệnh... tự mình bị chết... tìm cầu cái bất tử... tự mình bị sầu... tìm cầu cái không sầu... tự mình bị ô nhiễm, sau khi biết rõ sự nguy hại của ô nhiễm, tìm cầu cái không ô nhiễm, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, như vậy, gọi là Thánh cầu"<sup>2</sup>.

Như vậy, nhận ra lối sống mê lầm tự mời gọi khổ đau bởi sanh, già, bệnh, chết, sầu, ô nhiễm (phi Thánh cầu) và chấp tri lẽ sống sáng suốt đi ra khỏi khổ đau, không sanh, không già, không bệnh, không chết, không sầu, không ô nhiễm (Thánh cầu) tức là bắt đầu tỉnh ra cơn mê sâu muộn của kiếp nhân sinh, gọi là tỉnh thức giữa quần mê. Đây là cụm từ chỉ cho những người khéo tác ý lời Phật dạy, quyết tâm đi theo con đường giác ngộ của Phật với một ý chí mạnh mẽ thể hiện qua nếp sống viễn ly - thân viễn ly, tâm viễn ly, hữu viễn ly -, cần cầu vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn, gọi là xuất gia. Những người này đã tỉnh ra:

"Ta bị sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não áp bức, bị khổ áp bức, bị khổ chi phối. Tuy vậy ta mong có thể thấy được sự chấm dứt toàn bộ khổ uẩn này"<sup>3</sup>.



Thân viễn ly nghĩa là buông bỏ, rời xa đời sống gia đình cùng với người thân và các tài sản sở hữu thế gian, chấp trì đời sống Phạm hạnh mà kinh Phật gọi là từ bỏ tài sản nhỏ hay từ bỏ tài sản lớn, từ bỏ bà con quyến thuộc nhỏ hay từ bỏ bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, và xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Tâm viễn ly nghĩa là thực tập buông bỏ, rời xa các tập quán mê chấp sai lầm của tâm thức thông qua nếp sống Bát Thánh đạo hay con đường Giới-Định-Tuệ, khiến cho tâm rời xa các cấu uế tham-sân-si, thoát ly các phiền não lậu hoặc, đạt đến giải thoát không chấp thủ.

Hữu viễn ly tức là vận dụng thuần thực tâm viễn ly để cắt đứt tham ái và vô minh, gốc rễ của khổ đau tái sanh, thực chứng vô sanh, Niết-bàn, không còn chịu luân hồi khổ đau trong các cõi dục giới, sắc giới và vô sắc giới.

Nói khác đi, những ai nhận ra lợi ích của giáo pháp Đức Phật, bắt đầu thực tập chuyển hóa đời sống của mình theo Bát Thánh đạo hay con đường Giới-Định-Tuệ với một ý thức nỗ lực nhiếp phục các tập quán mê lầm trói buộc của thế giới sinh tử luân hồi thì được gọi là tỉnh thức giữa quần mê. Vị ấy được gọi là Thánh đệ tử có Chánh kiến và Chánh tinh tấn, tức nhận rõ sự khổ tái sanh, nguyên nhân khổ đau, sự diệt khổ và con đường đưa đến sự diệt khổ, chấp trì lối sống viễn ly, “không tìm cầu dục lạc, dầu là dục chư Thiên, chỉ ưa thích ái diệt”<sup>4</sup>.

Vị ấy được mô tả:

*Tỉnh cần giữa phóng dật,  
Tỉnh thức giữa quần mê;  
Người trí như ngựa phi,  
Bỏ sau con ngựa hèn*<sup>5</sup>.



Do tỉnh ra cơn mê sâu muộn của sự kiện tái sanh, nhận ra sự thật hư huyền của kiếp nhân sinh, vị Thánh đệ tử trở nên tỉnh thức giữa cuộc đời, không còn mơ tưởng chuyện thế gian, không còn ham muốn theo đuổi các mục tiêu danh lợi trần thế, tâm tư thiên về xả ly, chấp trì lối sống thiếu dục tri túc, nỗ lực vun trồng giới đức, trường dưỡng tâm thức và phát triển trí tuệ hướng đến mục đích giác ngộ.

Vị ấy được gọi là tinh cần giữa phóng dật, tỉnh thức giữa quần mê, vì giữa khi nhiều người khác để mặc cho các căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) rong ruổi theo các trần cảnh (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) thì vị Thánh đệ tử chuyên tâm uốn nắn đời sống của mình theo kỷ cương và thiện pháp, thể hiện qua lối sống biết tầm quý (luôn luôn có tâm lý xấu hổ và sợ hãi đối với các ác pháp), thực tập thân hành, khẩu hành, ý hành thanh tịnh (không sát sanh, không lấy của không cho, không tà hạnh trong các dục, không nói láo, không nói hai lưỡi, không nói lời độc ác, không nói lời phù phiếm, không tham dục, không sân hận, có chánh kiến), nuôi sống trong sạch (thực thi nếp sống tri túc giản dị, không mưu sinh bằng các phương tiện bất chánh), thường xuyên nhiếp hộ các căn (giữ cho mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý tránh tiếp xúc với các đối tượng gây rối loạn và ô nhiễm tâm thức), tiết độ trong ăn uống (ăn uống có chừng mực, có giác sát, không tạo thói quen mê đắm), chú tâm cảnh giác (chú tâm gột rửa, không để cho các bất thiện pháp sinh khởi quấy rầy tâm thức trong đời sống tu tập), chánh niệm tỉnh giác (chú tâm tỉnh thức trong mọi sinh hoạt hằng ngày).

Vị Thánh đệ tử ấy cũng được gọi là tinh cần giữa phóng dật, tỉnh thức giữa quần mê, vì trong khi mọi người khác còn khao khát tìm cầu các lạc thú thế gian thì vị ấy lặng lẽ tìm đến những nơi cô tịch để thực tập tâm viễn ly, nỗ lực thanh lọc nội tâm thông qua Thiền định, tinh tấn thực hành tăng thượng tâm, chuyên cần nâng cao sự giác tỉnh sáng suốt của tâm thức qua tiến trình tu tập chuyển hóa nội tâm. Vị ấy lần lượt thực nghiệm các cấp độ định tâm, cảm nhận “hỷ lạc do ly dục sanh” ở Thiền thứ nhất, “hỷ lạc do định sanh” ở Thiền thứ hai, “xả niệm lạc trú” ở Thiền thứ ba, “xả niệm thanh tịnh” ở Thiền thứ tư; tìm thấy thanh thân an lạc trong đời sống hành Thiền, tâm tư thiên về viễn ly, không còn bị các vọng niệm thế gian làm cho quay cuồng điên đảo.

Vị ấy cũng được tán thán là tinh cần giữa phóng dật, tỉnh thức giữa quần mê, do vị ấy chuyên tâm phát triển trí tuệ và thể hiện nếp sống trí tuệ trong đời sống hằng ngày. Giữa khi nhiều người khác còn thích thú mê say trong các lý thuyết bàn về vũ trụ và nhân sinh thì vị Thánh đệ tử định tâm nhìn thẳng vào sự thật tự nội, tập trung quán sát về Ngũ uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức), thấy rõ sự thật duyên sinh, vô thường, khổ, vô ngã của mọi hiện hữu, buông bỏ các tập quán mê chấp

sai lầm của tâm thức, không còn bám víu chấp trước một vật gì ở trên đời. Vị ấy sống ở thế gian với tâm giải thoát, tuệ giải thoát; khi mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân cảm xúc, ý nhận thức các pháp, vị ấy không khởi niệm phân biệt, không nắm giữ bất kỳ đối tượng nào, tâm không rơi vào thuận ứng và nghịch ứng, không yêu thích cái này và ghét bỏ cái kia, đạt đến giải thoát, an nhiên tự tại, không bị các pháp thế gian trói buộc, làm cho lo âu sầu khổ.

Vị ấy được mô tả có đời sống tỉnh thức như thế này:

*Khi xúc chạm việc đời,  
Tâm không động, không sâu,  
Không uể nhiên, an ổn,  
Là điềm lành tối thượng<sup>6</sup>.*

Nhìn chung, tỉnh thức giữa quần mê là lẽ sống trí tuệ tỏa ra từ nhân duyên học nghe lời Phật dạy, nhận ra thâm ý sâu xa của lời Phật dạy, chuyên tâm hành sâu lời Phật dạy, chứng ngộ đạo lý giải thoát và thể hiện đạo lý giải thoát trong đời sống hằng ngày. Đó là tiếng nói của Giới-Định-Tuệ, của chánh trí ngay trong hiện tại, của tâm giải thoát, tuệ giải thoát hiện diện giữa thế gian, giữa mọi biến động bất an của cuộc đời. Đó là hướng đi của vô minh diệt, hành diệt, thức diệt, danh sắc diệt, lục nhập diệt, xúc diệt, thọ diệt, ái diệt, thủ diệt, hữu diệt, sanh diệt, già chết diệt, không còn sầu, bi, khổ, ưu, não đời này và đời sau. Kinh *Pháp cú* có mấy câu kệ sau đây ngợi ca về lẽ sống tỉnh thức giữa quần mê:

*Vui thay, chúng ta sống,  
Không hận, giữa hận thù;  
Giữa những người thù hận,  
Ta sống, không hận thù.  
Vui thay chúng ta sống,  
Không bệnh, giữa ốm đau;  
Giữa những người bệnh hoạn,  
Ta sống, không ốm đau.  
Vui thay chúng ta sống,  
Không rộn, giữa rộn ràng;  
Giữa những người bận rộn,  
Ta sống, không rộn ràng.  
Vui thay chúng ta sống,  
Không gì gọi của ta;  
Ta sẽ hưởng hỷ lạc,  
Như chư thiên Quang Âm<sup>7</sup>. ■*

#### **Chú thích:**

1. C.A.F. Rhys Davids, *The Book of the Kindred Sayings*, tập I, tr.6-7.
2. Kinh Thánh cầu, *Trung bộ*.
3. Đại kinh Ví dụ lời cây, Kinh Catuma, *Trung bộ*.
4. *Kinh Pháp cú*, kệ số 187.
5. *Kinh Pháp cú*, kệ số 29.
6. Kinh Điềm lành tối thượng, Kinh Tập, *Tiểu bộ*.
7. *Kinh Pháp cú*, kệ số 197-200.



# Khéo rõ biên tế “sanh” và “tận” của mắt

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

**K**inh *Pháp hội Xuất hiện Quang minh* đề cập nhiều đến con mắt và cái thấy của con mắt là tánh Không và quang minh, mặc dầu những giác quan khác và những đối tượng của chúng được nói cũng tương tự như mắt: “Đều như mắt mà nói”. Cái thấy đúng đắn của mắt gọi là chánh kiến.

*Nếu người nơi mắt, tiền-hậu tế  
Thường thông đạt rõ không mê lầm  
Người này thoát khỏi lưới tà ma  
Người ấy mến thích kinh điển này.  
Nếu người nơi mắt, hữu-vô biên  
Thường thông đạt rõ không mê lầm  
Người này thoát khỏi lưới tà ma  
Người ấy mến thích kinh điển này.  
Nếu người nơi nhãn tướng thành hoại  
Mà thường thông đạt không mê lầm  
Người này giải thoát lưới tà ma  
Người ấy mến thích kinh điển này.  
Cho đến tai, mũi, lưỡi, thân, tâm  
Sắc, thanh, hương, vị, và xúc, pháp  
Địa, thủy, hỏa, phong cùng thể tánh  
Sự vật, chúng sanh, và với khổ  
Uẩn, giới, thể sanh, thanh, danh, đế  
Tham, sân, si, mạn, ái, phú, kiêu  
Xan, tật, siểm, cuồng, phẫn và hận  
Nên biết mỗi mỗi đều như vậy.*

Biên là biên giới, bờ mé. Tế là biên giới, bờ mé, phạm vi. Thông thường, người bình thường chúng ta nghĩ rằng con mắt là một thực thể liên tục, cái thấy của con mắt là một thực thể liên tục, chỉ có cảnh đổi thay, nhưng mắt là một thực thể thường hằng. Mắt là thường hằng, cái thấy của mắt là thường hằng, do đó “cái tôi” có con mắt, “cái tôi” đang thấy là một thực thể thường hằng. Đây là một ý tưởng, một quan niệm mê lầm.

Bằng định tâm (thiền định) và quán sát (thiền quán), chúng ta nhận ra rằng con mắt và cái thấy của nó có biên giới trước và sau, có bờ mé giữa hữu biên và vô biên, có tướng thành và hoại. Chủ nhân của con mắt và cái thấy, do đó cũng phải có bờ mé trước và sau, bờ mé giữa hữu biên và vô biên, có tướng thành và hoại. Sở dĩ có các biên giới, có thành hoại là bởi vì do các nhân duyên mà sanh ra. Nếu như con mắt và cái thấy là do các nhân duyên sanh, thì cái tôi cũng do các nhân duyên sanh ra. Tất cả đều là duyên sanh, tất cả đều không có tự tánh, nên tất cả là tánh Không.

Kinh nhiều lần nói đến duyên sanh:

*Phật lại nói nhân duyên  
Xa lìa khỏi đoạn, thường  
Chẳng tự chẳng tha làm  
Do các duyên mà sanh...*

Và “do các duyên mà sanh” nên “tất cả đều không tịch” và “rõ thấu tánh nhãn Không, lia cấu thường thanh tịnh”.

*Nếu biết nhãn vô ngã  
Thì nên pháp Sa-môn  
Người ấy sẽ chứng được  
Xuất hiện quang như vậy.  
Nếu biết nhãn tận tế  
Thì biết nhĩ sanh tế  
Do biết nhĩ sanh tế  
Nên thành pháp Sa-môn.  
Nếu chẳng thể biết khắp  
Biên tế của nhãn tánh  
Thì cũng chẳng biết khắp  
Biên tế của nhãn sanh  
Người ấy chẳng được thành  
Xuất hiện quang như vậy.*

Nhãn tận tế là biên giới chấm dứt của mắt. Nhĩ sanh tế là biên giới nơi sanh khởi của tai. Mắt, tai, mũi, lưỡi,

thân, tâm đều có những giới hạn chỗ chấm dứt và chỗ khởi sanh.

Thấy được biên giới chỗ sanh khởi và chỗ chấm dứt của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm là thoát khỏi mê lầm rằng chúng là liên tục hiện hữu thường hằng. Và cũng giải thoát khỏi vọng tưởng rằng cái tôi là một thực thể hiện hữu thường hằng, bởi vì cái tôi chỉ được lầm tưởng là có khi có mặt các giác quan. Cái tôi không thể đứng một mình, không thể tự hiện hữu. Nó chỉ hiện hữu với tư cách là tôi thấy, tôi nghe, tôi xúc chạm, tôi suy nghĩ.

Thấy được sanh tế và tận tế của mắt, tai cho đến thân, tâm, đó gọi là trí huệ tánh Không; và trí huệ tánh Không xuất hiện thì ánh sáng xuất hiện:

*Nếu siêng tu thật trí  
Rời hẳn những chướng nẻo  
Thuận theo công hạnh ấy  
Sẽ được quang xuất hiện.*

Qua mắt, tai cho đến thân, tâm, người ta có thể chứng biết rõ ràng tánh Không và quang minh:

*Như Lai khéo biết rõ  
Biên tế tận, sanh (của) nhân  
Tự tánh thường không tịch  
Không đến cũng không đi  
Không trụ không xứ sở  
Thâm nhập vào thật tế  
Mắt Phật không chướng ngại  
Quang minh chiếu thể gian.*

Khi thấy rõ được biên giới khởi sanh và chấm dứt của các pháp, quán chiếu sâu hơn nữa, người ta sẽ thấy các pháp khởi sanh là sanh từ tánh Không và chấm dứt là diệt tận trong tánh Không. Khởi sanh từ tánh Không, hiện hữu trong tánh Không, và chấm dứt trở lại tánh Không, nên các pháp chính là tánh Không. Khởi sanh, hiện hữu, và chấm dứt chỉ là vọng tưởng mê lầm trong tánh Không.

Các pháp là tánh Không, "tự tánh thường không tịch, không đến cũng không đi, không trụ không xứ sở". Thâm nhập vào thật tế tánh Không như vậy, vị ấy sẽ đạt đến "mắt Phật không chướng ngại, quang minh chiếu thể gian".

Bài kệ của Nguyệt Quang đồng tử thưa hỏi Đức Phật:

*Rõ sanh vô sanh, tận vô tận  
Biết nhân tánh lia, không đến đi  
Pháp cam lồ soi sáng thể gian  
Do đâu phóng quang minh sắc vàng.  
Biết nhân khởi tác thường không tịch  
Không đi không đến, không chỗ trụ  
Giống như dương diệm, bọt trong nước  
Nhân duyên gì thị hiện mỉm cười  
Nhĩ tỷ thiệt thân và ý căn  
Sắc thanh hương vị xúc và pháp*

*Cho đến âm thanh và danh thân  
Phải biết tất cả cũng như vậy  
Thân Phật kim cương thường bất hoại...*



Tánh "lia" ("ly") là một từ để chỉ tính cách của tánh Không, mà một nghĩa trong đó là "không ô nhiễm".

Nhân có khởi tác, đầy chỉ là chân lý quy ước, tương đối. Nhưng trong chân lý tối hậu, tuyệt đối thì "nhân thường không tịch". Bên ngoài, hiện tướng của nhân là có khởi tác, có sanh và tận, có đến và đi, nhưng trong bản tánh, trong nền tảng, trong nguồn cội của nhân, thì "tự tánh thường không tịch, nhân tánh lia, không đến không đi, không chỗ trụ". Thế nên "sanh" chỉ là hiện tướng bên ngoài,

nền tảng của nó thật ra là vô sanh. Cho nên sanh tức là vô sanh, tận tức là vô tận, chuyển tức là vô chuyển:

*Rõ sanh vô sanh, tận vô tận  
Biết nhân tánh lia không đến đi  
Như Lai chứng biết tận vô tận  
Nên nơi tham dục không ô nhiễm  
Như Lai chứng biết chuyển vô chuyển  
Nên nơi tham dục không ô nhiễm...*

Sanh mà vô sanh, vô sanh mà sanh; tận mà vô tận, vô tận mà tận, đây là nghĩa như huyền như mộng: "Giống như dương diệm, bọt trong nước":

*Như Lai biết rõ ràng pháp tánh  
Như huyền như mộng như dương diệm  
Tôi nguyện cũng nên trí như vậy  
Lợi ích tất cả các thể gian.*

Con đường Bồ-tát là đi theo Đức Phật để đạt đến đại trí đại bi như Phật. Đại trí là trí biết tánh Không, không sanh không tận như mộng như huyền. Đại bi là ở đời làm "lợi ích tất cả các thể gian".

*Như Lai khéo tu trong chánh quán  
Trời người thể gian không ai bằng  
Tôi nguyện cũng nên trí như vậy  
Được thành ba cõi Đại bi tôn.  
Như Lai đầy đủ trí thù thắng  
Giữa các thể pháp không ô nhiễm  
Tôi nguyện cũng nên trí như vậy  
Được thành ba cõi Đại bi tôn...*

Con đường Bồ-tát không phải là lia bỏ thể gian, mà chính ở nơi thể gian với các giác quan, nhưng nhờ tánh Không của các giác quan ấy mà "giữa các thể pháp không ô nhiễm". Giữa ba cõi thể gian, giữa các pháp thể gian mà bản tánh vốn là "lia", Bồ-tát hoàn thành được Đại Trí và Đại Bi. ■



# Mối quan hệ giữa mẹ và thai nhi theo quan điểm Phật giáo

THÍCH NỮ NGUYỄN TUỆ

## Ảnh hưởng của người mẹ đối với thai nhi

Thế giới hiện đại khoa học phát triển cùng những phương tiện kỹ thuật cho ta thấy tầm ảnh hưởng của người mẹ tác động lên thai nhi. Giữa người mẹ và thai nhi có một sự liên kết đặc biệt và thú vị. Trong thời kỳ mang thai, mẹ và con có sự hợp nhất với nhau về thể chất, sinh lý và tinh thần. Tâm trạng của người mẹ mang thai tự đồng hóa với đứa con trong bụng, khoa học đã chứng minh *"Thai phụ bị stress kéo dài, nghiêm trọng thường sinh non, em bé rất cáu kỉnh. Điều này là do stress làm tiết nội tiết tố, khiến giảm lượng oxy dẫn đến làm tăng nhịp tim đập và mức độ hoạt động của thai"*<sup>1</sup>.

Cụ thể: *"Những nghiên cứu sinh lý học hiện đại đã phát hiện ra, tâm trạng của người mẹ sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến lượng nội tiết, mà các vật chất trong nội tiết sẽ theo máu thấm vào bên trong cơ thể thai nhi, khiến thai nhi tiếp nhận những ảnh hưởng xấu hoặc tốt. Nếu thai phụ mang tâm trạng căng thẳng, lo âu hay buồn rầu thì tuyến tố thượng thận và hormone của vỏ tuyến thượng thận sẽ tăng cao rồi theo máu thấm vào bên trong cơ thể thai nhi khiến tim đập nhanh hơn, thai nhi có những cử*

*động bất thường, số lần động thai thậm chí có thể tăng gấp bốn lần, nghiêm trọng hơn khiến thai bị dị dạng"*<sup>2</sup>.

Maria Montessori phân tích yếu tố trước khi thụ thai: *"Sự sống bắt đầu ở thời điểm cá thể được thụ thai. Nếu quá trình thụ thai đến từ hai sinh thể thuần khiết, chứ không phải những người nghiện rượu hay nghiện thuốc phiện... thì cá thể được sinh ra sẽ thoát khỏi một số khó khăn di truyền nhất định trong đời. Sự phát triển tốt của bào thai phụ thuộc vào quá trình thụ thai"*<sup>3</sup>.

Về khía cạnh nhận thức, trong tác phẩm *"Tìm lại chính mình"*, Menis Yousry đã đưa ra nhiều lập luận rằng trong trường hợp người mẹ không muốn giữ lại bào thai hay có những xung đột, khó chịu trong thời gian mang thai thì đứa trẻ trong bụng có thể cảm thấy ngôi nhà đầu tiên của nó không an toàn. Bụng mẹ là trải nghiệm đầu tiên và là ngôi nhà đầu tiên mà đứa trẻ chưa chào đời biết đến, nếu môi trường đó bị ảnh hưởng bởi cảm xúc lo lắng, sự hắt hủi bên trong của người mẹ thì đứa trẻ trước tiên sẽ có cảm giác thế giới là một nơi không thân thiện. Những ý nghĩ và cảm xúc của người mẹ khi mang thai có thể in sâu vào tinh thần của đứa con chưa chào đời đến mức chúng có thể tồn

tại trong suốt cuộc đời của đứa trẻ. Từ những cảm xúc này quy định, định hướng đời sống cảm xúc của đứa trẻ và từ đó có thể tạo ra các mối đe dọa. Nếu trong quá trình phát triển, đứa bé trong bụng mẹ cảm thấy không an toàn thì nó cũng có một dự đoán vô thức rằng thế giới mà nó sắp chào đời cũng giống như thế giới mà nó đã trải nghiệm trong bụng mẹ. Đứa trẻ sẽ hướng tới một tính cách nhất định trong cách nhìn nhận người khác và cuộc sống ở bên ngoài của nó sẽ khó khăn hơn<sup>4</sup>. Trong "Sân phụ tập", Trương Diệu Tôn đời Thanh có nói: "Thai nhi trong bụng mẹ, lấy khí của mẹ làm khí, lấy huyết của mẹ làm huyết, mẹ thở cũng thở, mẹ hít cũng hít, mẹ nhân từ thì khí huyết trong sạch mà sanh con tánh thuần, ác tâm thì khí huyết vẫn đục mà sanh con tánh xấu..."<sup>5</sup>.

Larissa G. Duncan và Nancy Bardacke đã nghiên cứu về sự ảnh hưởng của mẹ đối với con và các mối quan hệ như sau: "Ngoài mối liên quan đến kết quả sinh nở bất lợi, căng thẳng của mẹ là một yếu tố quan trọng trong nguyên nhân của trầm cảm sau sinh, xung đột vợ chồng tăng sau sinh và chất lượng của sự gắn bó giữa mẹ và con. Hơn nữa, căng thẳng nuôi dạy con cái có liên quan đến một loạt các đặc điểm nuôi dạy con không lành mạnh, rất phổ biến ở những bậc cha mẹ ngược đãi, bỏ bê và có liên quan đến kết quả bất lợi lâu dài đối với con cái, bao gồm cả bệnh tật và tử vong"<sup>6</sup>.

Sự tác động của người mẹ lên thai nhi là điều đã được khoa học ngày nay nghiên cứu, kiểm chứng. Em bé chia sẻ tất cả những cảm xúc của mẹ, nên muốn em bé được thoải mái, vui vẻ nhất thì mẹ lúc nào cũng phải sống trong tâm trạng vui vẻ. Tùy theo tâm trạng của mẹ mà cơ thể sẽ tiết ra các loại hormone khác nhau, chẳng hạn như hạnh phúc thì cơ thể sẽ tiết ra dopamine, lúc sợ hãi là adrenaline, lúc được âu yếm là gonadotropin. Các hormone này sẽ đi qua dây rốn truyền vào máu em bé. Do đó hễ mẹ vui thì em bé sẽ vui, mẹ lo lắng bất an thì em bé cũng sẽ bất an. Đức Đại-lai Lạt-ma từng nhắc đến trong quyển "Trái tim Phật đạo" rằng: "Khi cha mẹ là những người nhiệt tâm, an lạc và điềm tĩnh, nói chung con cái họ cũng sẽ phát triển những thái độ và hành vi đó"<sup>7</sup>.

Tác giả Lê Nguyên Phương cho rằng: "Giây phút đầu đời giữa mẹ và con cũng có thể xem như điểm đầu trong 'hành trình chuyển nghiệp' của mẹ cho con. Những người phụ nữ gặp căng thẳng hay bị trầm cảm trong thời gian mang thai thường có độ hormone cortisol cao trong máu hơn các bà mẹ khỏe mạnh bình an. Việc tiếp xúc với lượng cortisol cao trong máu khiến cho trẻ bị sinh non, nhẹ cân và kém phát triển, chính đứa trẻ cũng mang lượng hormone này trong máu cao hơn trẻ bình thường. Điều này khiến chúng dễ trở nên căng thẳng, tinh khí khó chịu hơn, khó dỗ dành hơn. Không chỉ vậy, khi lớn lên, chúng có nguy cơ gặp nhiều khó khăn về các mặt giao tiếp xã hội và cảm xúc, đặc biệt là các chứng rối loạn tính cách"<sup>8</sup>.

Khoa học hiện nay đã chứng minh nhưng điều đó đã được Đức Phật tuyên bố cách đây hàng thế kỷ. Kinh "Trường thọ diệt tội": "Ở giữa hai nơi, ruột non ruột già, giống như địa ngục, bị hai tầng đá, đè ép thân thể, nếu mẹ ăn nóng thì con như ở địa ngục nóng, Mẹ ăn thức lạnh, như địa ngục lạnh"<sup>9</sup>. Kinh Đại Bửu Tích cũng nêu rõ: "Người mẹ ăn nhiều hay ăn ít, ăn ngon ăn dở, ăn khô ăn ướt, ăn đắng cay mặn chua nóng lạnh, hoặc dầm dục, đi gấp nhảy nhót, nằm lâu ngồi lâu, thân thai đều cảm thọ khổ não"<sup>10</sup>.

Khi nói đến vấn đề này, Tiến sĩ Thích Nhật Từ nhận định: "Mọi sự biến đổi về thể chất và tinh thần người mẹ đều là nhân tố tác động qua lại với con cái. Mọi sự đau buồn của mẹ sẽ ảnh hưởng, thậm chí có thể loại trừ đứa con thân yêu vô tội đang từng giờ từng ngày lớn lên trong lòng mẹ. Hờn giận sẽ chứa đựng mầm thuẫn, lòng tin sẽ bị mất và là nguồn gốc sinh ra tội lỗi. Ảnh hưởng này ở trẻ sinh ra bị mắc bệnh tự bế (autism, tự kỉ...), gặp ở trẻ trai gặp bốn lần trẻ gái, biểu hiện phát triển trí tuệ chậm, ít linh hoạt, phản ứng chậm. Theo Trung tâm Nghiên cứu tâm lý ở trẻ em thấy 1/3 trẻ em đến khám có vấn đề tâm lý khi mẹ mang thai, mức độ tùy thuộc vào đời sống sinh học tâm lý và cảm xúc của mẹ"<sup>11</sup>.

Những nghiên cứu trên là cơ sở của thai giáo, giáo dục, định hướng tính cách và làm nền tảng cho sự phát triển toàn diện của trẻ sau này.

### **Ảnh hưởng thai nhi đối với người mẹ**

Các nhà khoa học thường chỉ nói một chiều cá tính của người mẹ ảnh hưởng đến người con, không thấy họ nói đến tiến trình ảnh hưởng cá tính của thai nhi truyền sang người mẹ như trong kinh Phật đã nói. Có chăng cũng chỉ nhắc đến sự thay đổi căn bản trên hình thể do thai tác động lên người mẹ như tác phẩm "Quãng đời trong bụng mẹ": "Ảnh hưởng giữa mẹ và thai bao giờ cũng ảnh hưởng hai chiều. Nghiên cứu xem thai đã ảnh hưởng trở lại mẹ như thế nào đã làm các nhà khoa học từ ngạc nhiên tới chỗ say mê, vì không ngờ cái thai bé tí lại có thể gây biến đổi to lớn đến thế... nét mặt bà mẹ có thai thay đổi, sự thay đổi về nội tiết, thành bụng sẽ dần ra, dáng đi thay đổi, phù chân..."<sup>12</sup>. Sự biến đổi như trên cũng không nói lên được điều gì, bởi đây là sự biến đổi căn bản mà hầu như các thai phụ đều biểu hiện.

Theo John Medina cho rằng các nhà nghiên cứu khoa học biết rất rõ sự thay đổi của cơ thể người mẹ mang thai như thế nào, nhưng cho đến giờ vẫn chưa giải thích được tại sao thai phụ lại có những ham thích như thế. Sự thay đổi được xem xét cụ thể như sau: Bà bầu có những trải nghiệm kỳ lạ về sở thích hay việc ghét đồ ăn thức uống khi bước vào thai kỳ, ví dụ, đột nhiên thích những món bình thường vẫn kinh hãi và ghê sợ những món bình thường vẫn mê mẩn. Có người đột nhiên yêu thích ba tháng liền món phở cuốn với nước chanh, có người



dâm nghiện các món mà thường ngày không thích đựng tới. Và các nhà khoa học lại tìm tòi lý do, họ cho rằng đây là tín hiệu của em bé thông báo nhu cầu dinh dưỡng của mình, hay cơ thể thiếu sắt của bà mẹ là lý do... nhưng tất cả dữ liệu quá mong manh<sup>13</sup>.

Miriam Stoppard cũng cho rằng “... *khẩu vị lúc mang thai người mẹ sẽ thêm ăn các món ăn kỳ lạ và chán ghét các món ăn thường ngày vẫn ưa thích*”<sup>14</sup>.

Đây là sự khác biệt rất rõ giữa thai giáo thông thường và thai giáo dựa trên quan điểm Phật giáo - mục đích chuyển nghiệp và gieo hạt giống tốt lành cho cả mẹ và thai nhi. Đứa con trong bụng làm thay đổi cả tính tình người mẹ, người mẹ đó trước đây có thể không thêm món này, món nọ nhưng bây giờ lại thêm; hay tính tình có sự thay đổi. Ít ai chú ý đến vấn đề này bởi hầu hết họ không nghĩ đến sự tác động ngược lại của thai nhi lên người mẹ theo hai chiều tích cực và tiêu cực. Dựa trên kinh điển Phật giáo, có thể kể nhiều trường hợp làm minh chứng.

Thứ nhất: Hoàng hậu Maya là một điển hình. Bà thích thực hiện các hoạt động nhân từ, đạo đức, và từ thiện xã hội gấp nhiều lần so với trước đây. Bởi hạt giống của Ngài Tất-đạt-đa là hạt giống từ bi, tuệ giác và tình thương. Chính yếu tính này đã tác động làm cho bào thai được thay đổi ở mức độ tích cực, làm Bà phát triển thêm những tính tốt sẵn có trong tâm. Kinh “*Hy hữu vị tăng hữu pháp*” tán thán Hoàng hậu Māya khi đang mang thai Thái tử Siddhārtha: “*Khi Bồ-tát nhập mẫu thai, này Ananda, Mẹ Bồ-tát không khởi dục tâm đối với một nam nhân nào, Mẹ Bồ-tát giữ giới một cách*

*an nhiên, không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói láo, không uống rượu... Khi Bồ-tát nhập mẫu thai, Mẹ Bồ-tát không bị bệnh tật gì, Bà sống với tâm hoan hỷ, với tâm khoan khoái...*”<sup>15</sup>.

Suốt thời gian thánh mẫu Māya mang thai thái tử Siddhārtha, vốn là người nhân từ, Bà lại trở nên nhân từ hơn; Bà phát tâm bố thí, cúng dường, làm nhiều việc phước thiện. Sự thay đổi cá tính từ tốt trở thành tốt hơn của hoàng hậu Māya, phần lớn là do ảnh hưởng từ thánh hạnh của cái thai trong bụng.

Trường hợp Xá-lợi-phất cũng tương tự, Ngài được sinh ra trong một gia đình thuộc dòng Bà-la-môn. Thân phụ của Tôn giả đã từng là một luận sư nổi tiếng của đạo Bà-la-môn. Thân mẫu Tôn giả, trong thời gian mang thai Tôn giả thì tâm trí trở nên linh mẫn khác thường, trí tuệ vượt trội đến nỗi ông em ruột của bà là Câu-hi-la, vốn dĩ cũng là một tay nghị luận đương thời, mà cũng phải chịu thua Bà. Bởi vậy, ông rất lấy làm hổ thẹn, phải bỏ nhà mà đi. Ông biết rằng chị mình đã chịu ảnh hưởng của cái bào thai, và đứa bé đang nằm trong bụng mẹ kia, sau này nhất định sẽ là một bậc có trí tuệ hơn người<sup>16</sup>. Đó là sự ảnh hưởng về mặt tích cực.

Kinh *Tạp A-hàm* cũng nêu rõ vài trường hợp như thế: “*Bà-la-môn tên là A-kỳ-ni-đạt-đa, thông đạt kinh luận Tỳ-đà. Bà-la-môn này sẽ cưới vợ, sau đó có chúng sanh trung ấm sẽ đến làm con. Lúc vào thai mẹ, người mẹ rất thích luận nghị cùng người. Bà-la-môn này liền hỏi các ông thầy tướng. Thầy tướng trả lời rằng: ‘Vì chúng sanh ở trong thai này sẽ thông đạt tất cả các luận thuyết, cho nên khiến*

người mẹ sanh ra tâm ưa thích luận nghị với người như vậy: Như vậy, khi đủ ngày tháng, ra khỏi thai mẹ, trở thành một đồng tử thông đạt tất cả các thứ kinh luận”<sup>17</sup>.

“Trong ấp Ba-liên-phất này sẽ có đại thương chủ tên là Tu-đa-na, có chúng sanh trung ấm đến nhập thai mẹ. Chúng sanh kia khi vào thai mẹ, khiến cho người mẹ chất trực, nhu hòa, không có tâm niệm tà, các căn trầm lặng. Bấy giờ thương chủ liền hỏi các ông thầy tướng. Thầy tướng trả lời rằng: Vì chúng sanh ở trong thai cực kỳ lương thiện cho nên khiến cho người mẹ như vậy”<sup>17</sup>.

Về mặt tiêu cực, có thể nêu ra trường hợp vua A-xà-thế (Ajātasattu). Khi mang thai A-xà-thế, người mẹ thêm lạ lùng một món kỳ lạ; đó là thêm mút vài giọt máu trong bàn tay mặt của vua Bình Sa. Vì quá thương con, nhà vua đã lấy dao rạch tay để hoàng hậu hút máu mình. Các nhà tiên tri cho rằng đứa con sẽ là người thù của cha sau này, do tác động lên người mẹ mà khát máu cha. Do đó có tên là Ajātasattu - có nghĩa là kẻ thù chưa sanh. Sau này chính Ajātasattu đã giết chết cha mình<sup>18</sup>. Tất cả ảnh hưởng trên, theo giáo lý nhà Phật, là do ảnh hưởng từ nghiệp của đứa bé làm người mẹ sanh tâm tham đắm các mùi vị bất tịnh, thích ăn những thức ăn cấu bẩn. Do tâm sân của thai nhi ảnh hưởng khiến người mẹ có những cơn nóng giận vô cớ. Do tâm tham của thai nhi, trong thời gian mang thai tâm sinh lý của người mẹ có những khát khao hơn lúc bình thường.

Kinh Đại Bửu Tích lý giải: “Nếu đứa con ấy đời trước từng chứa hợp các nghiệp đọa lạc làm cho thân ấy tay chân tung hoành chẳng chuyển trở được, do nghiệp ác nên chết trong bụng mẹ. Lúc ấy người mẹ chịu nhiều đau khổ hoặc phải chết. Nếu đứa con ấy đời trước tu nghiệp thiện tạo nhưn trường thọ. Lúc sắp sanh ra mẹ con an ổn không có các nạn khổ như trên”<sup>19</sup>.

Tương tự trong kinh Vu-lan: “Nếu con hiếu thuận thì ra êm xuôi, mẹ không đau đớn gì. Con mà ngỗ nghịch thì cào thì đập, làm mẹ đau đớn như xé như cắt”<sup>20</sup>. Đây là một biểu hiện vật lý, nếu như quá trình giáo dục của người đó không tốt, họ sẽ có khuynh hướng đi theo quán tính nghiệp đã gieo trồng, mà đôi lúc không cưỡng lại nổi. Cá tính được dính kèm khi con người có mặt dưới hình thức là một phôi thai.

### Kết luận

Giữa người mẹ và thai nhi có một sự liên kết đặc biệt và thú vị. Đứa trẻ trong bào thai chịu tác động của người mẹ là điều đã được chứng minh trong khoa học; nhưng những tác động ngược lại của thai nhi lên mẹ là nét độc đáo, cần được nghiên cứu, thẩm định. Những cơ sở này trở thành nền tảng quan trọng cho sự phát triển về thể chất lẫn tâm lý của đứa trẻ không chỉ là một chặng đường mà còn cả cuộc đời. Do có những ảnh hưởng hai chiều giữa người mẹ và thai nhi, ta phải ý thức về trách nhiệm của mình với vấn đề chuyển hóa

nghiệp lực của đứa bé ngay từ khi còn trong bụng thông qua người mẹ.

Trên cơ sở đó, người mẹ khi mang thai muốn đứa con được như ý nguyện của mình nên gieo vào thai nhi những thói quen tốt thông qua đạo đức, nhân cách người mẹ. Nhờ sự giáo dục, gieo trồng hạt giống tập thành liên tục đó mà hạt giống bản chất bất thiện của thai nhi sẽ được lấn át, chuyển hóa, hạt giống tốt đẹp được tăng trưởng.

Do vậy “nghiệp quả xấu từ vô tỷ quá khứ có thể được cải biến bằng những ý chí và hành động lành mạnh trong đời sống hiện tại, để làm nẩy mầm cho nghiệp báo tốt trong tương lai”<sup>21</sup>. ■

### Chú thích:

1. Robert V. Kail & John C. Cavanaugh (2006), *Nghiên cứu về sự phát triển con người*, Nguyễn Kiên Trường dịch, Nxb Văn Hóa - Thông Tin, HN, tr.88

2. Phùng Đức Toàn (2013), *Phương án 0 tuổi - chiếc nôi ương hạt giống tài năng*, Nxb Lao Động - Xã Hội, HN, tr.64

3. Maria Montessori (2013), *Trí tuệ thẩm thấu*, Thanh Vân dịch, Nxb Lao Động - Xã Hội, HN, tr.253

4. Menis Yousry (2018), *Tim lại chính mình*, Nguyễn Bích Lan dịch, Nxb Phụ Nữ, HN, tr.23.

5. Cao Khiết (2007), *Nghệ thuật giáo dục thai nhi*, Nguyễn Thị Hà dịch, Nxb Đà Nẵng, TP.HCM, tr.176

6. Larissa G. Duncan - Nancy Bardacke (2010), <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC2837157/>.

7. Nguyễn Cẩm (2009), *Ảnh hưởng giáo dục Phật giáo với người mẹ*, trích trong “Vu lan mùa hiếu hạnh”, nguyệt san Giác Ngộ, PL: 2553, số 161, tr.37.

8. Lê Nguyễn Phương (2017), *Đạy con trong hoang mang - hành trình chuyển hóa chính mình để giáo dục trẻ thơ*, Nxb Tổng Hợp TP.HCM, tr.27.

9. *Kinh Trường thọ diệt tội*.

10. *Kinh Đại Bửu Tích*.

11. Thích Nhật Từ (2015), *Chết đi về đâu*, tái bản lần 3, Nxb Phương Đông, TP.HCM, tr.52.

12. Nguyễn Thiện - Phương Dung (1977), *Quãng đời trong bụng mẹ*, Nxb Khoa Học - Kỹ Thuật, HN, tr.110,111

13. John Medina (2018), *Luật trí não dành cho trẻ*, Nguyễn Kim Diệu dịch, HN: Nxb Thế Giới, tr.82

14. Miriam Stoppard (2005), *Cầm nang mang thai và chăm sóc con*, Nguyễn Lê Đình dịch, Nxb Trẻ, TP.HCM, tr.67

15. *Kinh Trung bộ*.

16. Tinh Vân (2012), *Thập đại đệ tử truyền*, Như Đức dịch, Nxb Tôn Giáo, HN, tr.5

17. *Kinh Tạp A-hàm*.

18. Narada Maha Thera (2013), *Đức Phật và Phật pháp*, Phạm Kim Khánh dịch, Nxb Tôn Giáo, HN, tr.194.

19. *Kinh Đại Bửu Tích*.

20. *Kinh Vu lan Báo ân* (2004).

21. Nguyễn Điều (2007), *Khoa học về sự tái sanh theo nhà Phật*, Nxb Tôn Giáo, HN, tr.87.



# Hòa thượng Thích Thanh Hanh và phong trào Chấn hưng Phật giáo thế kỷ XX

THÍCH MINH HIỂU

**H**òa thượng Thanh Hanh sinh năm 1840 tại làng Thanh Liệt, huyện Thanh Trì (trước thuộc tỉnh Hà Đông, đến năm 1961 được sáp nhập vào thủ đô Hà Nội). Xuất thân trong một gia đình thi lễ, ngài được cha mẹ đặt tên là Bùi Thanh Đàm, sau xuất gia được thầy tổ đặt pháp danh là Thích Thanh Hanh. Nhờ có sẵn thiên tư, lại được cha rèn thầy dạy, nên việc học của ngài tiến bộ nhanh chóng. Tuy nhiên, ngài lại không thích đời trần tục mà lại có ý muốn đi tu.

Năm lên mười tuổi, ngài xin cha mẹ được xuất gia tại chùa Hòe Nhại - Hà Nội. Năm 18 tuổi, ngài được Sư phụ thể phát cho sang chùa Vĩnh Nghiêm - tỉnh Bắc Giang để tham học Phật pháp, dưới sự chỉ dẫn của Hòa thượng Tâm Viên. Năm 20 tuổi, ngài thọ Cụ túc giới tại Đại giới đàn chùa Vĩnh Nghiêm. Sau đó, ngài vẫn tiếp tục ở lại chùa tu hành nghiên cứu giáo lý, trở thành một nhân vật rường cột của Tổ đình.

Năm 30 tuổi, Hòa thượng được y chỉ sư là Tổ Tâm Viên cử vào tỉnh Ninh Bình để hoằng truyền đạo pháp qua việc dạy học cho các Tăng Ni ở chùa Bích Động. Sau ngài lại được chư tôn đức tỉnh Ninh Bình cử đi giảng dạy ở các chùa khác trong tỉnh như chùa Phương Ban, chùa Phúc Chính, chùa Hoàng Kim... Đến đâu, ngài cũng một lòng tha thiết mong mỏi làm sao có thể hoằng dương Chánh pháp; ngài lấy việc giáo hóa Tăng Ni làm mục đích chính của mình; bởi vì, đối với ngài làm tất cả mọi việc lợi lạc cho tín đồ là trách nhiệm và sứ mạng của người xuất gia.

Gần 30 năm ở Ninh Bình hoằng dương Chánh pháp, đến năm 1900 sau khi Hòa thượng Tâm Viên và sư huynh là Hòa thượng Thanh Tuyên viên tịch, được sự thỉnh cầu

của sơn môn hệ phái nên ngài đã trở về Vĩnh Nghiêm. Chư tôn đức trong sơn môn hệ phái Vĩnh Nghiêm bấy giờ suy cử ngài tiếp tục kế thừa, trụ trì và phát triển tổ đình; lúc này ngài đang ở tuổi 61. Từ đó, Tăng chúng và tín đồ thường gọi ngài là Tổ Vĩnh Nghiêm.

Tổ đình Vĩnh Nghiêm - Đức La là nơi Hòa thượng tha phương cầu học, và cũng là nơi gắn liền với sự nghiệp hoằng dương Phật pháp của ngài những năm đầu thế kỷ XX. Nơi đây, hằng năm ngài đều mở các lớp học, mở khóa an cư kiết hạ cho Tăng Ni và các lớp giáo lý cho tín đồ, nhằm trao truyền kiến thức để các thế hệ sau có thể duy trì mạng mạch, thay Phật tuyên dương giáo pháp của chư Phật, chư Tổ. Nói cách khác, sự nghiệp của ngài gắn liền với đào tạo Tăng tài, hoằng dương giáo pháp, làm nền tảng cho Tăng Ni đời sau nương theo đó để tiếp tục phát triển Phật giáo. Không những thế, Hòa thượng còn đóng góp công lao rất lớn đối với phong trào Chấn hưng Phật giáo lúc bấy giờ, thống nhất lại tất cả các sơn môn về một mối, khiến cho Phật pháp được xương minh và hưng thịnh.

Nói đến phong trào Chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam vào thế kỷ XX, Hòa thượng Khánh Hòa - người khởi xướng phong trào - đã chỉ rõ: *"Ôi thôi! Tăng đồ hủ bại, Phật giáo suy vi; chung quy do Tăng chúng thất học mà ra nông nổi"*. Sự lạc hậu, thất học, suy thoái về đạo đức của Tăng-già thời đó đã được một số tờ báo đăng tải, phản ánh rất rõ ràng. Bởi vậy, muốn chấn hưng Phật giáo, cần phải thiết lập được một nền giáo dục học đường, khác với cách giáo dục Phật giáo truyền thống.

Năm 1920, hòa cùng không khí chấn hưng Phật giáo trong cả nước, Hòa thượng Thanh Hanh đã nói: "Từ



khi bản tăng xuất gia đầu Phật cho đến bây giờ (tháng 1 -1936), một lòng vì đạo, những mong thiếu long Phật pháp để cứu độ quần mê. Song le gặp phải thời kỳ mạt pháp, đạo Phật khó nổi chấn hưng, nên đành phẫn ở núi rừng, tu theo các Tổ để mong giải thoát cái thân giả dối này. Tưởng rằng không may mà lại hóa may, tôi không nghĩ lại gặp cơ hội đạo Phật hưng thịnh thế này, khắp Bắc Trung Nam ba kỳ đầu đầu cũng nghe tiếng chấn hưng Phật giáo”, vì thế ngài đã rất quan tâm đến việc chấn hưng Phật giáo, đặc biệt sau đó vận động, quy tụ đưa các sơn môn về một mối, thống nhất thành lập Việt Nam Phật giáo Tổng hội. Ngài có công rất lớn trong việc thành lập Bắc Kỳ Phật giáo hội, cũng như sự ra đời của báo *Đuốc Tuệ* năm 1935 và sự dung hòa với báo *Tiếng Chuông Sớm*. Hoạt động của ngài và Tăng hữu cho mục đích cao cả đó đã vang dội tận miền Nam.

Năm 1929, Hòa thượng Khánh Hòa đã cử Hòa thượng Thiện Chiếu ra Bắc gặp các sơn môn để bàn việc thành lập Việt Nam Phật giáo Tổng hội. Nhưng vì cơ duyên chưa thuận nên việc không thành. Sau đó miền Nam, rồi miền Trung lần lượt thành lập các hội Phật giáo. Miền Bắc đến ngày 05/12/1934, Bắc Kỳ Phật giáo hội mới chính thức được thành lập. Hội đã thỉnh cầu và suy tôn Hòa thượng Thanh Hanh lên ngôi vị Thiền gia Pháp chủ. Tuy tuổi ngài lúc đó đã 94, sức khỏe đã giảm sút nhiều, nhưng vì ước nguyện mấy chục năm nay của ngài đã thành sự thật, nên ngài vẫn vui vẻ nhận lãnh nhiệm vụ nặng nề ấy. Lễ suy tôn, tổ chức rất long trọng tại chùa Quán Sứ ngày 23/12/1934, Hòa thượng đã kêu gọi Tăng Ni hãy theo pháp Lục hòa Phật dạy mà bỏ đi dị biệt của cá nhân, tông phái mình để cùng nhau dốc lòng chấn hưng Phật giáo.

Tuy vậy, sự bất đồng ý kiến của một số sơn môn với Bắc Kỳ Phật giáo hội vẫn xuất hiện. Đó là việc hai chùa Linh Quang (Bà Đá) và Hồng Phúc cho phát hành tờ *Tiếng Chuông Sớm* vào giữa năm 1935; lúc đó tờ *Đuốc Tuệ*, cơ quan ngôn luận của Hội Bắc Kỳ Phật giáo chưa xuất hiện. Sự bất đồng ý kiến kéo dài từ giữa cho đến cuối năm 1935, nặng nề nhất là việc hai Tổ đình Linh Quang và Hồng Phúc phối hợp với các chùa chi nhánh tại Hà Nội và các tỉnh để tổ chức Bắc Kỳ Phật giáo Cổ sơn môn. Thật sự, việc thống nhất các sơn môn có truyền thống hàng trăm năm là một việc làm không hề dễ, vì phần lớn các sơn môn đã quen theo lối sinh hoạt cũng như quy định mỗi sơn môn có chút khác biệt, nên khó có thể đồng thuận hòa giải. Thế nhưng, với đạo hạnh đức độ của Hòa thượng Thanh Hanh, ngài đã tìm đủ mọi cách để đưa tới sự hòa giải. Ngài đã đích thân thường xuyên lui tới các Tổ đình trên để khuyên răn, thuyết phục và đả thông quan điểm bất đồng; nhờ vậy sự bất đồng ý kiến trước đó dần dần đã được xóa bỏ và

đi đến sự cộng tác. Đầu tháng Chạp năm 1935, tờ *Đuốc Tuệ* ra mắt độc giả. Báo *Tiếng Chuông Sớm* liền viết bài chào mừng và đăng những bài có tinh thần hòa giải và cởi mở. Lúc này, cả ba miền Bắc, Trung, Nam lần lượt các hội Phật giáo được thành lập.

1. *Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học* (sau này đổi thành *Hội Phật học Nam Việt*), hội thành lập năm 1931, trụ sở đặt tại chùa Linh Sơn - Sài Gòn, đây là tổ chức ra đời sớm nhất của phong trào Chấn hưng Phật giáo bấy giờ, do Hòa thượng Khánh Hòa thành lập, hội này cho ra đời tạp chí *Từ Bi Âm* làm cơ quan ngôn luận của hội.

2. *Hội An Nam Trung Kỳ Phật học*, thành lập năm 1932 tại chùa Trúc Lâm - Huế do Hòa thượng Giác Tiên làm chứng minh, cư sĩ Lê Đình Thám làm hội trưởng. Cơ quan ngôn luận của Hội là tạp chí *Viên Âm*. Năm 1940, hội thành lập Đoàn Thanh niên Phật học Đức dục, tiếp đến là tổ chức Gia đình Phật hóa phổ, sau này đổi tên thành Gia đình Phật tử.

3. *Hội Phật giáo Bắc Kỳ*, thành lập năm 1934, do Hòa thượng Thanh Hanh làm chứng minh, cư sĩ Nguyễn Năng Quốc làm hội trưởng, trụ sở đặt tại chùa Quán Sứ - Hà Nội. Cơ quan ngôn luận là báo *Đuốc Tuệ*.



Sau bao năm tận tụy phục vụ Đạo pháp, đào tạo Tăng tài, góp sức cho phong trào chấn hưng Phật giáo, hòa giải những ý kiến dị biệt, đưa các sơn môn miền Bắc về chung một mái nhà Phật giáo, công đức của ngài vô cùng to

lớn. Lần đầu tiên trong lịch sử Phật giáo Việt Nam, cả ba miền Bắc - Trung - Nam có sự đổi mới về tổ chức hệ thống đào tạo Tăng tài. Đây là một bước ngoặt trong công tác đào tạo Tăng tài của Phật giáo Việt Nam.

Cuộc đời của Hòa thượng Thanh Hanh là một tấm gương sáng cả về đức trí lẫn giáo dục cho Tăng Ni nhiều thế hệ. Cả cuộc đời đóng góp cho đạo pháp và dân tộc, duyên đã mãn, nghiệp đã viên, vào ngày mồng 08 tháng Chạp năm 1935, ngài đã an nhiên thân thần viên tịch, hưởng đại thọ 96 tuổi và 76 năm hạ lạp. Hiện nay, bảo tháp xá-lợi của ngài được môn đồ tứ chúng xây dựng cúng dường tại khuôn viên vườn tháp chùa Vĩnh Nghiêm tỉnh Bắc Giang, tôn tượng của ngài được bài trí ở nhà thờ tổ đệ nhị của tổ đình. Và rất nhiều ngôi chùa trong sơn môn hệ phái đã xây tháp thờ vọng, cung an di ảnh để tưởng nhớ và noi theo gương hạnh của ngài trong đời sống tu tập. ■

#### Chú thích:

1. Kỳ yếu Hội thảo khoa học Hòa thượng Khánh Hòa và phong trào chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam (20/5/2017), *Hòa thượng Khánh Hòa người tiên phong trong phong trào chấn hưng Phật giáo*, TP.HCM, tr.15.

\* Ảnh của tác giả



# Vai trò của Tăng đoàn Phật giáo trong thế kỷ XXI

VENERABLE DHAMMAPALA  
PHẠM CHÍNH CẦN dịch

**T**ừ việc nghiên cứu những bài giảng sớm nhất của Đức Phật trong Luật tạng, chúng ta có thể thấy rằng ban đầu, Ngài chỉ giảng dạy những giáo pháp thật cần thiết cho việc đạt đến Niết-bàn. Những giáo lý như Tứ Diệu đế, Bát Chánh đạo, Tam Pháp ấn (vô thường, khổ, vô ngã), Niệm xứ, Thất Giác chi đều giúp ích cho những người tìm kiếm sự hướng dẫn tâm linh để theo được con đường Thánh. Nhiều vị đệ tử đầu tiên được nghe những giáo pháp ấy đã hân hoan và lần lượt được Đức Phật cho xuất gia làm Tỳ-kheo theo một công thức hết sức đơn giản là "... *Thiện lai, Tỳ-kheo!*". Ở đợt xuất gia đầu tiên này, Đức Phật chỉ yêu cầu các người được chọn thực sự có hành trì giáo pháp và đạt được sự thành tựu tương xứng với mức độ thực hành của họ.

Khi Đức Phật bắt đầu truyền bá giáo pháp, Ngài nói: "... *mở ra cho những người có đôi tai là cánh cửa của sự bất tử [con đường cao quý]. Hãy làm cho họ từ bỏ những niềm tin sai lầm*". Ngài muốn các môn đệ của mình học tập từ những giáo pháp ấy và để cho xã hội phát triển thịnh vượng suôn sẻ không hề có sự vi phạm những giới điều đạo đức. Ngài mong rằng loài người đạt được mục đích tối hậu là Niết-bàn ngay trong cuộc đời này. Khi Tăng đoàn của các đệ tử đã tăng trưởng đến con số sáu mươi mốt bậc A-la-hán (kể cả Đức Phật), Ngài coi là tất cả đã hội đủ phẩm chất của một giáo đoàn và gửi họ đến những phương trời khác nhau để truyền bá thông điệp của Ngài với lời chúc phúc từ biệt trước khi họ khởi hành:

*“Hãy đi, này các Tỳ-kheo, du hành vì lòng nhân từ và phước lành của số đông, vì hạnh phúc và sự an lạc của số đông, xuất phát bởi lòng từ đối với thế giới này; hãy dạy giáo pháp này, là giáo pháp hiển thiện ở chỗ bắt đầu, hiển thiện ở đoạn giữa và hiển thiện ở đoạn cuối. Đừng đi hai người cùng một con đường”.*

Tăng đoàn Phật giáo đầu tiên đã tiến hoá thành một định chế giáo dục và tôn giáo, và đến lượt, sự tập hợp về tôn giáo ấy lại khai sinh những hệ thống và những ý tưởng chính trị và xã hội mới. Tạng Luật, với 277 quy tắc rèn luyện và luật tắc hiến định, đã được chính thức thiết lập là bởi các tu sĩ và cộng đồng tín đồ thế tục hoàn toàn ủng hộ những tấm gương đạo đức siêu việt được thiết định cho mọi thành viên của Tăng đoàn. Ngay cả vào thời đại hiện nay, ở phần lớn các xứ châu Á, vẫn có một sự tôn kính mạnh mẽ đối với Phật, Pháp và Tăng. Đức Phật lịch sử vẫn được kính trọng như là bậc Thầy của trời và người và luôn luôn được coi như mẫu mực về Giới, Định và Tuệ.

Trước khi nhập Niết-bàn, Đức Phật muốn bảo đảm rằng đã có những vị Tăng Ni được đào tạo với đầy đủ khả năng cũng như những nam nữ cư sĩ Phật tử tự tin trong việc thực hiện giáo pháp cao thượng. Khi chúa của cõi âm là Ma vương thách thức Ngài từ bỏ nhân gian để vào Vô dư y Niết-bàn, Đức Phật đã trả lời: *“Này Ma vương, Ta sẽ không vào Vô dư y Niết-bàn cho đến khi những Tỳ-kheo được Ta đào tạo đã trở thành những người uyên bác tuân theo giáo pháp của Ta; cho đến khi họ đã có thể giảng dạy pháp tối thượng của Ta cho người khác và có thể bác bỏ bất kỳ giáo pháp nghịch hạnh nào; cho đến khi cuộc sống thiêng liêng của Ta thịnh vượng và được phổ biến rộng rãi, được biểu hiện bởi trời và người”.*

Sau 45 năm phục vụ cho trời và người với những công hạnh không thể nào đánh giá được, Đức Phật nhập Niết-bàn.

Tăng đoàn Phật giáo, được khởi xướng từ thời cổ đại ấy, đã trở thành tổ chức gìn giữ tiêu chuẩn của giáo pháp, hướng dẫn và giảng dạy bằng tấm gương để giúp đỡ những người khác đi theo con đường hiểu biết và giác ngộ. Theo cách đó, chúng ta thấy rằng vai trò tích cực của cộng đồng Tăng-già từ thời xưa đến tận ngày nay vẫn tiếp tục được ghi nhận do những đóng góp quý giá của cộng đồng ấy cho loài người. Tăng đoàn đề cao đức hạnh và bảo tồn tầm quan trọng của những giáo pháp mà Đức Phật đã truyền giảng, hoạt động như một mô hình của một xã hội lý tưởng.

Nhịp điệu hối hả của cuộc sống hiện đại, sự suy thoái kinh tế, và những câu hỏi về vai trò của truyền thống đặt ra những thách thức mới không chỉ cho những con người thế tục mà còn cho cả những thành viên của cộng đồng Tăng-già. Những vị Tăng và Ni đang thích nghi với giới luật của sự thực hành và các hoạt động tương tác với những cộng đồng cư sĩ, có vẻ như cần có được sự hướng dẫn tâm linh hơn bao giờ hết. Một câu

hỏi thường được đặt ra vào thời đại này là cộng đồng Tăng-già đóng vai trò gì trong việc mang lại lợi ích cho xã hội đương đại? Được cung cấp như dưới đây chỉ là một vài gợi ý cho các vị Tăng và Ni vừa tôn vinh các tập quán truyền thống vừa thích nghi để áp dụng trong thế giới hiện đại ngày nay:

## **1. Những vị ẩn cư trong rừng và trong hang động**

Một số tu sĩ, Tăng cũng như Ni, và cả cư sĩ nữa, có thể là những người thích từ bỏ hoàn toàn; họ tránh xa những nơi đông đúc và sống trong sự chiêm ngưỡng yên tĩnh. Chỉ bằng cách rèn luyện tâm người ta mới có thể thanh lọc tâm của chính mình để đạt đến sự giải thoát tối hậu. Ví dụ điển hình nhất là ngài Ajahn Chah (1918-1992), người đã thực hành phong cách của một tu sĩ khổ hạnh theo truyền thống ẩn cư trong rừng. Ngài trải qua nhiều thời gian ở trong rừng, hang động và các khu hỏa táng, là những nơi lý tưởng để phát triển việc thực hành thiền định. Đặc biệt đối với người phương Tây, và nhiều người đã cùng ngài học tập và thực hành trong rừng. Họ được truyền cảm hứng để trở thành tu sĩ Phật giáo và ngày nay nhiều người duy trì phong cách giảng dạy của ngài.

Có một số vị Ni xuất hiện sau nhiều năm thiền định trong hang động để chia sẻ hiểu biết và kiến thức của họ cho những người khác. Với sự dễ dàng của các phương tiện truyền thông quốc tế ngày nay, những câu chuyện cá nhân của họ về hoạt động thiền định ở nơi u tịch có thể được chia sẻ trên khắp thế giới vì lợi ích của nhiều người. Đối với những người đã dành toàn thời gian cho việc thiền định để phát triển tâm linh, chúng ta hy vọng rằng họ sẽ quay lại chia sẻ sự khôn ngoan của họ cho những người khác cần được hướng dẫn trên con đường tâm linh.

## **2. Sự tìm hiểu và nghiên cứu mang tính học thuật về Pháp và Luật**

Đã có một sự trỗi dậy lớn lao của sự quan tâm chung đối với Phật giáo, đặc biệt là ở phương Tây. Chúng ta đã chứng kiến một sự gia tăng đặc biệt trong các nghiên cứu mang tính học thuật trên khắp thế giới về mối quan hệ giữa khoa học và giáo lý Phật giáo. Ngoài ra, nhiều giáo lý Phật giáo cổ xưa, những tác phẩm sơ giải ban đầu và những bản bình luận về những tác phẩm sơ giải ấy vẫn được gìn giữ không hư hao, chưa được nghiên cứu kỹ lưỡng và chưa được dịch sang các ngôn ngữ hiện đại. Kho tàng kiến thức cổ xưa này có thể được tiết lộ thông qua nghiên cứu học thuật, được hỗ trợ bởi các phương pháp luận hiện đại về việc nghiên cứu và giải thích văn bản. Các bản dịch và nội dung của các tài liệu nghiên cứu như vậy có thể được xuất bản để sử dụng cho những người quan tâm đến việc tìm hiểu Phật giáo.



Nhiều nhà sư và các học giả Phật giáo tài năng đã được đào tạo về cổ ngữ và cố điển sự nghiệp của họ cho việc nghiên cứu kinh điển cùng các bản sớ giải. Các vị ấy đã đóng góp được một khối lượng đáng kể về nghiên cứu và xuất bản làm phong phú thêm cho các hoạt động nghiên cứu Phật giáo nghiêm túc. Trước đây, việc nghiên cứu truyền thống về kinh điển và các bản sớ giải phần lớn được thực hiện tại các tu viện và các viện chuyên ngành.

Các trường đại học nổi tiếng cả ở phương Đông lẫn phương Tây, như Đại học Hồng Kông, Đại học Harvard, Đại học Stanford và Đại học British Columbia ở Vancouver (Canada) đang tài trợ và tổ chức các trung tâm nghiên cứu học thuật có phẩm chất cho việc nghiên cứu về Phật giáo. Các khóa học và các hoạt động học thuật được cung cấp cho cả nhà nghiên cứu nghiêm túc lẫn công chúng để truyền bá sự hiểu biết tốt hơn về giá trị và ứng dụng của giáo lý Phật giáo.

### **3. Phật giáo ứng dụng giúp tinh tâm**

Các chương trình giảm căng thẳng dựa trên chánh niệm là những ví dụ hiện tại về các ứng dụng của giáo lý Phật giáo. Tăng đoàn Phật giáo có thể giảng dạy về các phương pháp thiền khác nhau, tích hợp với tâm lý học lâm sàng và triết lý Phật giáo, để thúc đẩy việc chữa bệnh, làm giảm căng thẳng và tạo sự cân bằng về tinh thần trước những thách thức mang tính đòi hỏi của cuộc sống hàng ngày hiện đại.

Một số thí dụ cho việc nhập môn các khái niệm về sự thực hành để làm dịu tinh thần là: a) Thở vào thở ra trong chánh niệm; b) Thiền định về từ bi; c) Thiền trà; d) Thư pháp; e) Vẽ và hoạ hình; f) Cắm hoa...

Những khóa học này có thể cung cấp cho người học những phương pháp có hiệu quả để làm giảm căng thẳng và phát triển nhận thức về quá trình tâm thức. Ngược lại, mọi người sẽ học được cách đánh giá cao các khía cạnh thực tế của Phật pháp.

Nhiều chương trình thuộc loại này hiện được công nhận rộng rãi cả ở phương Tây lẫn phương Đông bởi vì mọi người hiểu được lợi ích của sự tĩnh tâm và việc cải thiện sức khỏe.

#### **4. Quản lý mạng cho Ngôi đền Điện tử và việc Phát sóng Trực tiếp**

Mạng thông tin toàn cầu đã trở thành nền tảng hữu ích cho việc truyền bá giáo pháp. Mạng mang lại nhiều lợi ích hơn so với phương pháp mặt đối mặt truyền thống về việc học tập Phật pháp từ các nhà sư trong những ngôi chùa. Ngày nay, chúng ta đang sống trong điều mà mọi người quen gọi là một ngôi làng toàn cầu vì chúng ta có những phương pháp giao tiếp dễ dàng. Để tổ chức tốt hơn việc truyền bá giáo pháp, hoạt động tương tác không gian mạng này phải được sử dụng theo những phương pháp mới mẻ và sáng tạo. Những ngôi đền điện tử trên mạng có thể trở thành cổng thông tin thuận tiện để truy cập tài liệu Phật giáo vào bất cứ lúc nào và từ bất cứ nơi nào trên thế giới có kết nối với mạng toàn cầu hoặc có sử dụng thiết bị di động. Các cộng đồng trước đây ít hoặc không có sự hiện diện hữu hình của Phật giáo, nay đã có thể tiếp cận được các giáo lý; những khả năng cho sự khám phá của họ là đáng tán thưởng.

Hơn nữa, với sự tiến bộ của công nghệ hiện đại và chi phí cạnh tranh thấp, việc thuyết pháp thông qua sự phát sóng trực tiếp trở thành một xu hướng không thể tránh khỏi, cung cấp nhiều giao tiếp tương tác hơn với khán giả toàn cầu mà không có bất kỳ ranh giới nào.

Một ví dụ điển hình là trang mạng của Phật giáo: [www.buddhistdoor.com](http://www.buddhistdoor.com). Trang mạng này đã trở thành một trong những cổng thông tin Phật giáo lớn trên hệ thống mạng thông tin toàn cầu với khả năng truy cập dễ dàng vào các tài liệu tiếng Hoa và tiếng Anh. Trang mạng này thường xuyên được cập nhật về nội dung đa phương tiện, thực hiện bởi các biên tập viên, nhà thiết kế, chuyên viên truyền thông tiếng Hoa và tiếng Anh; tất cả được dẫn dắt bởi một tu sĩ Phật giáo, người cố vấn tinh thần và là vị quản lý mạng của ngôi đền điện tử này.

#### **5. Cố vấn tâm linh trên mạng thông tin toàn cầu**

Tăng đoàn Phật giáo ngày càng giành được sự kính trọng trong các xã hội đương đại. Họ vốn được đào tạo để xử lý các hoạt động tâm linh bằng những phương tiện thiện xảo. Chính điều này đã thu hút nhiều người từ các lĩnh vực chuyên nghiệp đa dạng khác chấp nhận buông bỏ để trở thành Tăng hay Ni. Họ thực hiện những lựa chọn riêng biệt để phấn đấu và hiện thực hóa mục tiêu hướng tới con đường hạnh phúc. Các vị cư sĩ Phật tử đến với hàng tu sĩ Phật giáo không chỉ để được ban phước mà còn nhận những lời khuyên và

sự cố vấn về tâm linh khi họ phải đối mặt với sự cùng quẫn và nỗi buồn phiền. Khi dịch vụ tâm linh này được mở rộng ra một cộng đồng lớn hơn thông qua mạng thông tin toàn cầu, tôi đã đặt tên cho dịch vụ đó là cố vấn tâm linh trên mạng. Các thành viên của cộng đồng có thể thực hiện các cuộc hẹn dễ dàng thông qua các dịch vụ xã hội miễn phí như Skype, để được cố vấn trực tuyến trên mạng thông tin toàn cầu. Điều quan trọng là nhận biết thói quen của người dùng và sử dụng công nghệ tiên tiến có sẵn trên thế giới ngày nay.

Người dùng Internet ngày càng cảm thấy thoải mái hơn khi tiếp cận ngôi đền điện tử và cố vấn tâm linh trên mạng.

#### **Kết luận**

Có nhiều cách để chư Tăng Ni đóng một vai trò thích đáng trong thời hiện đại.

Nhiệm vụ và trách nhiệm của họ có thể có liên quan với nhau theo những cách có lợi không chỉ cho sự phát triển tâm linh cá nhân của họ, mà còn cho tất cả những người khác trong sự truyền bá giáo pháp của Đức Phật. Việc đào tạo truyền thống về sự thực hành đơn độc vẫn giữ một vị trí hợp lệ trong việc rèn luyện về tâm linh.

Việc tìm hiểu và nghiên cứu mang tính học thuật giúp bảo tồn và tôn vinh tính toàn vẹn và giá trị của các giáo lý lịch sử. Các chương trình thiền học, việc quản trị mạng đối với ngôi đền điện tử và hoạt động cố vấn tâm linh trên mạng thông tin toàn cầu là các hình thức ứng dụng hiện đại mà các vị tu sĩ Phật giáo có thể xem xét để truyền bá pháp và giúp đỡ người khác. Việc truy cập vào mạng thông tin toàn cầu đang mở rộng đến mọi góc ngách xa xôi nhất trên thế giới và khái niệm về “ngôi làng toàn cầu” vẫn phát triển thật nhanh chóng. Tăng đoàn Phật giáo có thể sử dụng các phương tiện truyền thông hiện đại để tiếp cận và kết nối với mọi người theo nhiều phương pháp có ảnh hưởng lẫn nhau nhiều hơn để truyền bá giáo lý của Đức Phật.

Thông điệp lịch sử quý giá mà Đức Phật đã gửi đến Tăng đoàn đầu tiên của Ngài về sứ mệnh thiêng liêng của họ để dạy giáo pháp cho người khác “*vi hạnh phúc và sự an lạc của số đông*” vẫn còn nguyên giá trị trong thế kỷ XXI hiện nay. ■

**Nguyên tác:** *What is the Role of the Buddhist Sangha in the 21st Century?* Venerable Dhammapala.

**Tác giả:** Venerable Dhammapala là Giám đốc Tâm linh của một tổ chức Phật giáo Quốc tế có trụ sở tại Hồng Kông, thuộc sở hữu của Quỹ Tung Lin Kok Yuen, chuyên cung cấp thông tin bằng tiếng Anh và tiếng Hoa về giáo lý, nghệ thuật và văn hoá Phật giáo.

**Nguồn:** <https://www.buddhistdoor.net/features/what-is-the-role-of-the-buddhist-sangha-in-the-21st-century>.



CAO HUY HÓA

**T**rong thế giới này, có ai sống một mình được đâu, ai cũng cần người khác, để *sống với, sống cho, sống vì và sống nhờ* người khác, từ nhu cầu vật chất đến tinh thần, từ liên đới công việc và trách nhiệm đến tình thương yêu. Con người từ xưa xưa đã là con người xã hội.

Thanh niên là lứa tuổi cần tìm đến nhau để vui chơi, sinh hoạt, học tập và nhu cầu tình cảm nam nữ. Ở các thành phố lớn, chiều chiều lớp trẻ và người lao động hẹn nhau nơi quán lai rai, ẩn tượng là các con đường bia với hàng trăm, hàng ngàn người *dô dô* khí thế. Nếu không quá sa đà về tửu lượng và giờ giấc thì đó là nhu cầu sinh hoạt sau một ngày làm việc.

Tuy nhiên, hoạt động vui chơi có khi cần thay đổi hình thức, chẳng hạn chuyển qua chơi thể thao, văn nghệ. Hiện nay, tại các thành phố lớn, một số thanh niên ngoài giờ làm việc thì tập thể hình, chơi cầu lông, bóng đá, tập yoga, học ngoại ngữ... Nếu vẫn cứ bia bọt buổi chiều đều đều thì người nhậu xem đó thành thói quen khó bỏ, đến khi không có ai rủ rê thì cảm thấy trống vắng, "bệnh" cô đơn gặm nhấm tâm hồn. Cô đơn như thế làm phí thời gian, làm hại cuộc đời, làm lúc nghĩ quẩn, chán sống.

Con người cần điều hòa và cân bằng giữa sống với người khác và sống một mình. Việc học tập trong đời thể hiện rõ hai mặt đó. Khi học tiểu học, trẻ có thể không cần học ở nhà vì học ở trường là đủ (hai buổi mỗi ngày), đến khi trẻ lên trung học thì trẻ phải biết

học một mình, và càng lên cao thì người học tự học là chính. Một mình, trong cảnh thanh vắng của môi trường là điều kiện tốt để người học phát huy khả năng suy nghĩ và sáng tạo. Không biết học một mình thì không thể học giỏi được. Con người hoạt động trí tuệ cao cần sống một mình thì mới nghiên cứu, sáng tác, và cũng để làm việc chung trong xã hội.

*"Nếu người ta luôn luôn sống với người khác, người ta sẽ tự mất đi trong những quan hệ với người khác, và thường xuyên chịu ảnh hưởng của họ"* Hervé Magnin, nhà liệu pháp tâm lý học và tác giả sách *La positive solitude* (Sự đơn độc tích cực) đã giải thích. Theo chuyên gia đó, sự giải phóng tâm hồn chúng ta bị phong tỏa bởi những người khác. *"Dành thời gian để được đơn độc là giúp nguồn sống nảy nở, bởi vì chúng ta giữ khoảng cách đối với những gì đi qua trong thế giới, trong cuộc sống. Điều đó mang lại một phẩm chất nào đó về quán sát nội tâm"*, nhà liệu pháp tâm lý học nói tiếp. Biết sống nội tâm chính là biết điều hòa giữa việc sống với mình và sống với người khác. Thật an lạc khi mình trung thực với mình, và người khác nhìn mình như là mình vốn thế, ngược lại, nếu không biết làm giàu nội tâm thì mình cứ chạy theo người khác, dễ sa vào vinh hoa giả tạo, vào bệnh trí thức rôm khiến mình tha hóa.

Tuy nhiên, sống đơn độc khó lắm. Nhiều người lâu lâu muốn xa lánh chốn phần hoa, thỉnh thoảng văn cảnh chùa thanh vắng và chợt nghĩ: "Ước gì mình sống nơi thanh tịnh này!" Đâu phải dễ, bạn cứ thử, và chắc là



o0o

bạn cũng không thử được, vì cứ nghĩ đến xa nhà, xa bạn, xa đàm tiếu cà-phê, xa tivi, xa thói quen hàng ngày là đã ớn rồi. Vậy thì bạn đừng so sánh với thầy chùa nhé! Bạn đơn độc trong vài ngày là đã khó rồi, còn ông thầy chùa sống cả đời như thế mà chịu được, mà an lạc. Chỉ chừng đó thôi là bạn không thể bì về mặt tu hành.

Nếu *một mình* chỉ là một sự vận động trí óc riêng tư, một khoảng lặng nội tâm, hoặc là một không gian thư giãn, bên cạnh đời sống cũng vô cùng cần thiết, *mình với người khác*, thì *một mình* là nhất thiết phải có đối với người tu, hơn thế nữa, là một hạnh, hạnh độc cư.

Dẫu không được như quý vị Tăng Ni nhưng cũng nên học tập ý nghĩa hạnh độc cư để sống đầy đủ với chính mình. Độc cư không phải là cô đơn. Học được độc cư, dẫu chỉ là phần nào, thì sự đơn độc trở thành tích cực. Hãy bắt đầu với tập sống có chánh niệm, và đừng để đầu óc lang thang, trống trải, buồn chán.

Độc cư, trước hết và cụ thể hơn hết là độc cư thân xác. Ni sư Thích nữ Trí Hải trong bài "*Hạnh độc cư lý tưởng*" (tuyển tập: Ni trưởng Trí Hải, một đóa sen ngát hương) đã viết:

*"Đĩ nhiên sự độc cư thân xác này thường được Đức Phật đề cao xem như một điều kiện tiên quyết để giải thoát. Đức Phật thừa nhận: Khi không thấy ai đằng trước hay đằng sau, Ta hoàn toàn thoải mái khi ở một mình trong rừng núi".*

Độc cư còn phải bao gồm độc cư tâm linh, được định nghĩa là sự vắng bóng ngoài nhìn quá khứ hay trông ngóng tương lai trong tâm trạng lo âu. Tuy nhiên hai yếu tố độc cư đó không đủ để nói lên hết hạnh độc cư lý tưởng. Ni sư viết: "*Sự giải thoát khỏi hai yếu tố ấy tự nó không đem lại sự 'thoải mái' vốn là lý tưởng của sự độc cư, còn có một yếu tố thứ ba cần phải loại bỏ: ấy là ta phải 'vô ưu lự' dù trong sự độc cư thể chất hay tâm linh. Do đó bất cứ sự bám víu nào đối với sở hữu của mình - thuộc vật chất hay tinh thần - chính là yếu tố thứ ba làm hỏng sự độc cư. Khi đã điều phục hoàn toàn dục vọng đối với những tâm sở hiện tại, thì với tuệ giác người ta biện biệt rõ ràng những pháp hiện tại và thấy nó vô thường, khổ, vô ngã".*

Người độc cư khi ấy được định nghĩa là vị Tỷ-kheo không thích thú, không xác nhận hay bám víu vào những đối tượng của sáu căn và như vậy giải thoát khỏi trói buộc xiềng xích của sự thích thú. Chính Đức Phật đã khẳng định như vậy trong kinh Migajala:

*"Này Migajala, một vị Tỷ-kheo sống như vậy thì dù vị ấy có ở trong làng mạc, ở giữa các Tăng Ni, thiện nam, tín nữ, vua chúa, đình thần, ở giữa những bậc thầy và đồ đệ các tôn giáo khác, vị ấy vẫn được gọi là kẻ độc cư. Vì sao? Vì dục vọng là kẻ 'thứ hai' của vị ấy đã bị loại bỏ. Do đó, vị ấy được gọi là một người độc cư".*

Ngược lại, trường hợp vị Tỷ-kheo dẫu có đi đến nơi xa nhất trong núi rừng, nơi không có tiếng động, không có bóng người, không bị phiền nhiễu, thì vị đó không phải là kẻ độc cư lý tưởng nếu vị đó không bỏ được dục vọng, mà dục vọng là kẻ thứ hai bên cạnh vị ấy.

Người Phật tử lặn lội trong cõi ta-bà, có thể sống độc cư phần nào, như lời dạy của Đức Phật cho Tỷ-kheo Migajala không? Thời đại ngày nay sinh ra biết bao chuyện thị phi, với dư luận phức tạp của xã hội, bởi phê phán này nọ của người xung quanh, bởi thật giả lẫn lộn, bởi truyền thông, facebook, internet, bởi chuyện quá khứ vị lai... thì tập sống độc cư giữa chợ đời muôn vàn phức tạp, tập xa lánh dục vọng (tức "con người thứ hai"), chính là một nhu cầu, một lối lựa chọn, dẫu cho còn xa mới có độc cư lý tưởng.

Lâu nay, kẻ viết bài này đã quen thuộc với ý tưởng "*Quá khứ không truy tìm, tương lai không ước vọng. Quá khứ đã đoạn tận, tương lai chưa đến, chỉ có pháp hiện tại, tuệ quán chính ở đây...*" như là cách sống theo Hiện pháp lạc trú. Nay nhân viết bài này, tôi đọc thêm kinh *Nhứt dạ hiển giả* (kinh số 131, [Bhaddekaratta Sutta] thuộc *Trung bộ* do Hòa thượng Thích Minh Châu dịch), tôi xin trích lại bài kệ do Đức Thế Tôn giảng, và xem đây là kết luận:

Quá khứ không truy tìm  
Tương lai không ước vọng  
Quá khứ đã đoạn tận  
Tương lai chưa đến  
Tuệ quán chính ở đây  
Không động, không rung chuyển,  
Biết vậy, nên tu tập  
Hôm nay nhiệt tâm làm,  
Ai biết chết ngày mai?  
Không ai điều đình được,  
Với đại quân thần chết,  
Trú như vậy nhiệt tâm  
Đêm ngày không mệt mỏi,  
Xứng gọi Nhứt dạ hiển,  
Bạc an tịnh, trầm lặng. ■

#### Tài liệu sử dụng:

- Hòa thượng Thích Minh Châu, kinh *Nhứt dạ hiển giả*, *Trung bộ* tập 2.

- Ni trưởng Trí Hải, *Một đóa sen ngát hương*, tuyển tập.

- Rainat Aliloiffa, *La "solitude positive" ou comment être seul nous fait du bien*, Le Figaro.fr, 14/8/2018.



# Tâm sự

## của một Phật tử theo chủ nghĩa Marx

NGUYỄN HỮU ĐỨC

**T**ạp chí trên mạng *Lion's Roar* đã đăng bài "Confessions of a Marxist Buddhist" (Tâm sự của một Phật tử theo chủ nghĩa Marx) của tác giả Dorotea Mendoza vào ngày 6-8-2019.

Dorotea Mendoza là một Phật tử người Philippines trong thời gian dài đã che giấu cô là người theo chủ nghĩa Marx với các bạn là Phật tử, đồng thời che giấu mình là người theo đạo Phật với các bạn là đồng chí của cô trong các hoạt động ủng hộ chủ nghĩa Marx. Cuối cùng, như người theo phép biện chứng thường phát biểu, cô đã giải quyết được mâu thuẫn không dễ chịu chút nào này.

Xin trích dịch những lời tâm sự của cô Dorotea Mendoza cho các bạn cùng đọc. Để cảm thông với những người như cô, những người luôn có sự mong muốn hòa nhập trong bản thân mình hai nền nhận thức, tư tưởng có vẻ đối chọi nhau: duy tâm và duy vật.

Theo lời cô Dorotea Mendoza kể, từ những năm 1990 đến đầu những năm 2000, cô hoạt động rất sôi nổi trong các phong trào chính trị và cô giữ bí mật cô là một người thực hành Thiền. Những suy tưởng về lòng từ bi, tâm hồn rộng mở, thực tập tâm từ khi tu tập Thiền có vẻ đối nghịch với suy nghĩ về đấu tranh cách mạng xã hội, về duy vật biện chứng mà cô trao đổi với các đồng chí của mình. Nhưng lúc đó cô hoạt động chính trị rất hăng say. Cô không thể chỉ có việc ngồi thiền hay đi thiền hành hay chỉ im lặng. Ngoài xã hội, tình trạng quá khẩn thiết để phản đối, có rất nhiều người chết kia kia. Cô hằng hái dùng loa kêu gọi mọi người xuống đường biểu tình.

Có lần, cô viết lên tấm bảng cầm trên tay trưng lên khi đi biểu tình "Hòa bình và Yêu thương" (Peace and Love) để đáp lời kêu gọi của một tổ chức ủng hộ tù nhân chính trị ở Mỹ. Trong khi tổ chức này yêu cầu các





bảng trong biểu tình cần ghi rõ: “Hòa bình, yêu thương và PHẤN NỘ” (Peace, Love and IN RAGE, IN RAGE phải là chữ in). Cô cảm thấy có sự thôi thúc làm như thế, tức là chỉ biểu tình cho hòa bình và yêu thương, vì hai thứ này đã nằm trong tâm tư cô từ lâu.

Có những lần xuống đường biểu tình ở vùng Upstate New York của nước Mỹ, cô Dorotea Mendoza không hò hét mà chỉ im lặng. Cô im lặng vì thấy cần thiết phải im lặng. Trong thời gian này, có lần cô không nhận được các cuộc gọi điện thoại của các đồng chí của cô kêu gọi tham gia biểu tình rất lớn chống chính phủ của Tổng thống Philippines là Fidel Ramos. Bởi vì trên đất nước Philippines, hai sinh viên đại học bị lính quân đội bắn chết, một luật sư bảo vệ nhân quyền, một nhà báo của đất nước này cũng bị giết chết. Cuộc biểu tình thế là nổ ra dữ dội trước Tòa Đại sứ Philippines nằm trên đại lộ thứ 5 (5<sup>th</sup> Avenue) mà không có mặt cô.

“Bạn ở đâu vậy?”. Bạn cô đã hỏi cô. Cô thú thật với bạn, cô đã có một ngày cuối tuần chỉ để im lặng.

Người bạn nói: “Tại sao? Phụ nữ chúng ta đã im lặng lâu quá rồi mà”. Dĩ nhiên, cô và cô bạn nói về hai kiểu im lặng hoàn toàn khác nhau. Im lặng của cô bạn là sự im lặng trước sự đàn áp, áp bức. Còn đối với cô, im lặng để có sự lắng nghe sâu sắc. Nhưng cô không thể giải thích sự khác biệt ấy với cô bạn là đồng chí mình. Rõ ràng là cô không dám thổ lộ điều bấy lâu giữ kín. Cô biết rằng, các bạn là đồng chí của cô thuộc người có học thức, có sự hiểu biết về triết học Đông Tây, có lòng vị tha, và nhất là họ không phải là những người

hoàn toàn không biết về Thiên Phật giáo. Thế mà cô vẫn không dám thổ lộ.

Cũng cần nói thêm, cô thuộc một tổ chức chính trị đoàn kết phụ nữ Philippines - Hoa Kỳ (Philippines-U.S. Women’s Solidarity Group). Tổ chức này hoạt động cho nhiều vấn đề: mại dâm đường phố, tù nhân chính trị, chế độ quân sự độc tài, thảm họa do toàn cầu hóa, ô nhiễm môi trường... Tổ chức của cô liên kết với các tổ chức tiến bộ trên thế giới, kể cả ở các nước như Haiti, El Salvador, Palestine... Nói chung là các vấn đề mà phụ nữ tiến bộ quan tâm, và mục tiêu của cô và các đồng chí của cô là giải phóng tự do cho con người. Cô cho rằng mục tiêu đó không khác gì mục tiêu của các vị Bồ-tát (Bodhisattvas). Thế mà cô vẫn không dám thổ lộ.

Trong khi cô che giấu mình là người theo đạo Phật với các bạn là đồng chí của cô trong các hoạt động ủng hộ chủ nghĩa Marx, thì khi tu tập Thiên, cô lại giấu mình theo chủ nghĩa Marx với các thầy dạy tu tập và các bạn đồng môn. Mặc dù cô biết rằng các thầy dạy tu tập và các bạn đồng môn thuộc Phật giáo dẫn thân ủng hộ cải cách xã hội.

Cô tập ngồi thiền lần đầu tiên vào năm 1988 tại một trung tâm thiền ở Soho. Khi đó thầy dạy tập thiền là một người đàn ông da trắng. Là một phụ nữ nhập cư từ Philippines da màu, cô gặp nhiều khó khăn để tin tưởng vào thầy dạy thiền người da trắng và có chút nghi ngờ về trung tâm dạy thiền thuộc phương Tây. Nhưng rồi dần dà nhận thức về thiền hòa điệu với ý thức chính trị của cô.

Triết lý vô thường, duyên khởi, vô ngã của vạn pháp mà cô hấp thu được từ Phật giáo đã diễn giải thành lý thuyết của chủ nghĩa biện chứng của Marx: phủ định của phủ định, mâu thuẫn trong đấu tranh để đi đến thống nhất, thay đổi về lượng để đi đến thay đổi về chất, tất cả các hiện tượng đều liên kết... Thế là hai tư tưởng hòa vào trong cô, không tách rời.

Thế rồi, có một ngày mà cô nhớ là chiều tối thứ Hai, trong một buổi họp hàng tháng của Hội Liên kết Phật giáo Hành động (Buddhist Action Coalition). Chủ đề buổi họp có lẽ là, thật tình cô không nhớ rõ lắm, thảo luận về mối liên hệ giữa đạo pháp và lý thuyết chính trị. Sau buổi họp, thầy dạy thiền đã nói với cô: *"Buổi họp hay quá"*.

Thế là cô đã trao đổi với thầy về lý thuyết chính trị - xã hội, đặc biệt về chủ nghĩa Marx. Nhưng tất cả chỉ là sự trao đổi giữa hai người. Dù chỉ đối với một người, nhưng rõ ràng cô đã dám thổ lộ với ai đó. Đây là thời gian rất có ý nghĩa, vì cô đã thoát ra căn phòng là sự che giấu bí mật của cô. Bí mật là cô là người theo chủ nghĩa Marx giữa các bạn đồng môn tập thiền, và là người theo Phật giáo giữa các các bạn đồng chí trong hoạt động chính trị.

Đến năm 2009, vài sự sáng tỏ đã đến. Cô Dorotea Mendoza đã có một năm tu tập với nhà văn và là cô giáo dạy thiền Natalie Goldberg, người có bốn thập niên viết về Phật pháp và dạy thực hành thiền. Một lần tu tập với cô giáo, cô Natalie đã đòi hỏi những môn sinh đặt tên cho xung đột trong tư tưởng của mình bấy lâu nay. Cô giáo hỏi: *"Thứ gì làm các bạn phải đấu tranh để ở giữa hai luồng tư tưởng?"*.

Đối với cô Dorotea Mendoza, cô đã ở giữa tư tưởng đấu tranh cách mạng bằng vũ trang và tâm hồn thiền rộng mở. Giữa đấu tranh xã hội cho công bằng chủng tộc và tình yêu thương do tu tập thiền mang đến.

Cô không thể không đoái hoài đến những nông dân ở Philippines đứng lên cầm súng ống trong Phong trào Vũ trang Nhân dân Mới (New People's Army), chống lại những kẻ chiếm đất của cha ông họ để làm sân đánh golf. Cô cũng không thể bỏ mặc những người bắt buộc cầm súng chống lại việc đất đai màu mỡ của đất nước họ bị những ông chủ chiếm lấy sau hội nghị thượng đỉnh quốc tế về kinh tế. Cô còn chứng kiến nhiều bắt công nữa khi nhiều lần về thăm đất nước Philippines. Và cô tin tưởng lắm về một phương thức đấu tranh trong hòa bình, bất bạo động cho việc giải phóng con người ra khỏi bắt công.

*"Chúng ta cần lắm con đường thứ ba nằm giữa hai phía"*, cô giáo Natalie đã nói trong lời giảng của mình. Trong phép biện chứng của chủ nghĩa Marx mà cô Dorotea Mendoza có biết, dùng con đường thứ ba là cách giải quyết mâu thuẫn giữ hai phía đối nghịch nhau trong mọi sự vật, hiện tượng.

Con đường thứ ba của cô Dorotea Mendoza là gì? Cô đã chọn công việc văn hóa, là viết ra những gì thuộc về nghệ thuật và những gì nằm sâu trong tâm tưởng cô, về tư tưởng chính trị cô đã có và sự tu tập thiền. Cô bắt đầu công việc viết vào năm 1991, ngay sau khi cô đọc được cuốn sách do cô giáo Natalie viết *"Hãy viết những gì nằm trong xương tủy của bạn"* (Writing Down the Bones).

Năm vừa rồi, cô Dorotea Mendoza và ba phụ nữ khác, là bạn đồng chí đã viết lách cùng cô 16 năm rồi, quyết định mở rộng thành lập nhóm viết để chia sẻ những gì cùng chí hướng. Mở đầu hoạt động nhóm viết này là tạo sự kiện khuếch trương chủ đề *Phụ nữ viết về thế giới* (Women Write the World). Các phụ nữ tham gia là các chị em hoạt động chính trị và xã hội, những phụ nữ ham thích viết về công bằng xã hội, đồng thời họ học tu tập tọa thiền (zazen), thiền hành (walking meditation). Nhiều phụ nữ tham gia nhóm là các đồng chí cũ mà trước đây cô phải che giấu họ rằng mình là Phật tử, là các cựu tù nhân chính trị, các nạn nhân của các cuộc bạo hành. Giờ đây, cô đã tìm thấy con đường chia sẻ tu thiền với các đồng chí mình và họ hoàn toàn cảm thông, thực hành sự yên tĩnh và sống chậm rãi do thiền đem đến.

Bây giờ cô thấy thoải mái nói về tu thiền và viết lách trong các cuộc họp chính trị với các đồng chí mình. Cũng như cô thoải mái nói với các Phật tử khác khi họp Hội Liên kết Phật giáo Hành động là cô theo chủ nghĩa Marx. Cô Dorotea Mendoza cho rằng cô không phải người duy nhất có tâm trạng như vậy. ■

# Đọc sách xưa nhờ chuyện quốc thể...

NGUYỄN AN

**Đ**ọc sách *"Tâm hồn cao thượng"* do dịch giả Hà Mai Anh dịch từ hồi bé. Sách nguyên tác có tên là *Cuore*, theo tiếng Ý có nghĩa là *Trái tim* của nhà văn người Ý Edmondo De Amicis viết từ năm 1886. Bản dịch của dịch giả Hà Mai Anh xuất bản năm 1948.

Thật là cảm phục những câu chuyện được tác giả viết dưới dạng nhật ký của cậu bé 10 tuổi, người Ý có tên là Enrico Bottini học lớp 3. Trong thế giới trẻ thơ của cậu bé ấy lóng lánh những giá trị của một trái tim nhân ái, một tâm hồn cao thượng từ mỗi con người.

## Lòng yêu nước của cậu bé thành Padova

Một trong những câu chuyện hay mà tôi nhớ đến ngày nay là câu chuyện *"Lòng yêu nước của cậu bé thành Padova"*. Câu chuyện như sau:

Một chiếc tàu Tây Ban Nha rời bến, trên tàu, ngoài người Tây Ban Nha, còn có một số người Pháp, Italy, Thụy Sĩ và người nhiều nước khác nữa. Hành khách nhận thấy một đứa trẻ Italy độ 11 tuổi, ăn mặc như nhếch, đứng riêng một chỗ. Đó là cậu bé nghèo khổ, ít được giáo dục và thiếu thốn tình thương. Ai cũng xa cách nó.

Nhưng có ba người khách không phải là dân Italy lại thương nó, cho tiền để nó nói chuyện cho họ nghe. Đứa bé sung sướng, vơ tiền bỏ túi, cảm ơn rồi vào phòng. Nó buông màn cửa xuống ngồi yên lặng và nghĩ đến những việc nó sẽ phải làm.

Nó nghĩ: Với số tiền ấy, nó sẽ được ăn no, không phải thèm thuồng như trước. Khi tới nhà, nó sẽ sắm một bộ cánh mới để thay bộ quần áo nó mặc hai năm trời nay, rách như tổ đĩa. Nó lại định để ra một ít tiền đem về cho cha mẹ. Số tiền ấy đối với nó là một món tiền lớn.

Lúc ấy, ba người khách nói trên đang ngồi ở buồng ăn, quay quần uống rượu và nói chuyện về những cuộc du lịch của mình cùng phong tục những nước đã đi qua. Tình cờ, câu chuyện nhằm vào Italy, đất nước của nó. Một người bắt đầu phàn nàn về khách sạn, người chê về xe lửa. Cuối cùng, rượu say, họ thi nhau nói xấu tất cả những gì thuộc về nước Italy. Người thứ nhất nói biết thế, họ sẽ đi du lịch ở cực Bắc châu Âu còn hơn sang nước Italy.

Người thứ nhất nói: Đó là một dân tộc ngu dốt!

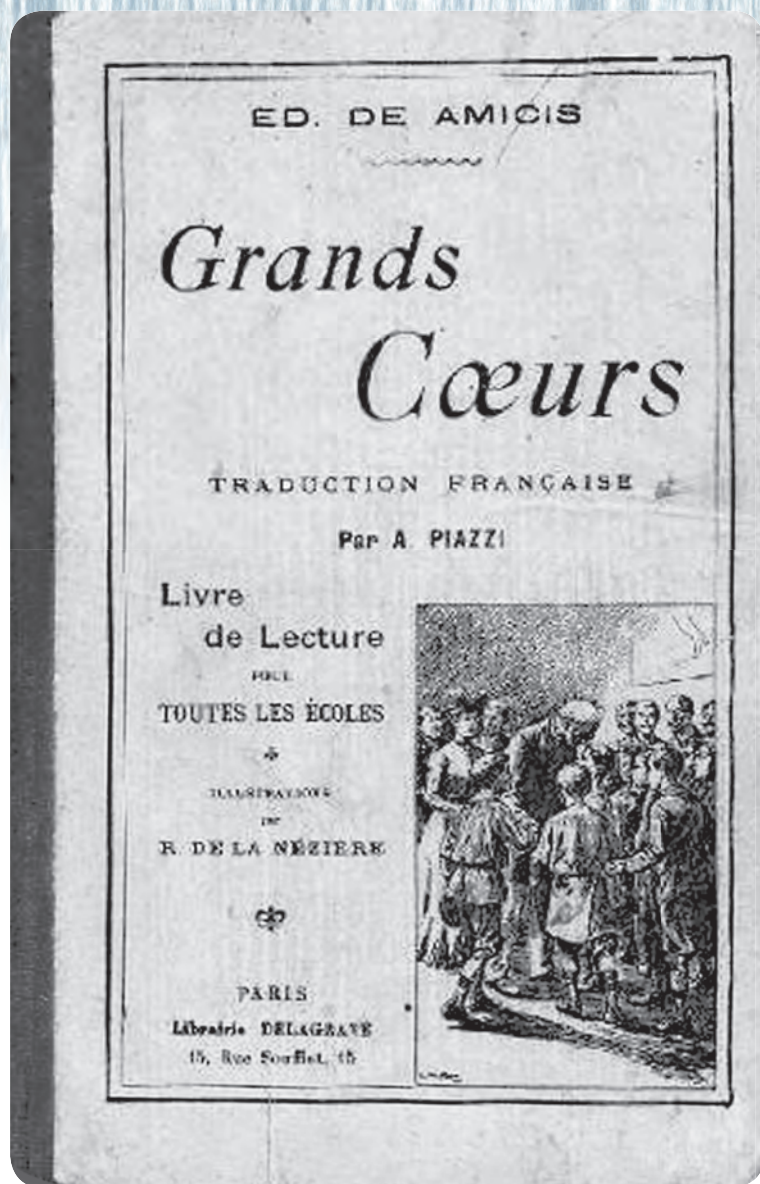
Người thứ nhì tiếp: Bẩn thỉu! Và ăn...

Người thứ nhì định nói câu "ăn cắp" nhưng chưa dứt lời thì một trận mưa toàn tiền vàng và bạc hắt vào mặt những người ấy rơi tung tóe xuống bàn và trên sàn. Ba người hằm hằm đứng dậy xem trận mưa dữ ấy ở đâu ra thì lại bị ném thêm.

Cậu bé thành Padova vén rèm thò đầu ra thét bằng giọng khinh bỉ: "Cầm lại tiền của các người. Ta không thèm nhận của bố thí của những kẻ đã lãng mạ nước ta".

Buông quyển sách xuống, thắm phục tinh thần yêu nước, coi trọng quốc thể của một cậu bé nghèo nhưng





không hèn; quý những ai đã đào tạo nhân cách ấy cho cậu bé. Cũng hơi lo lắng, khi chợt nghĩ, lớp trẻ nước ta sẽ ứng xử ra sao khi bị người nước ngoài nhục mạ quốc thể? Thậm chí đau lòng khi nghĩ đến có những kẻ đã tâm cầm tiền của kẻ thù nước ngoài để bán nước.

### **Quốc thể của nhà văn Sơn Nam**

Quốc thể là từ không lạ vì hồi xưa thập niên 1960-1970 học công dân giáo dục từ lớp tiểu học các học trò đã nghe các thầy cô giáo giảng tới, giảng lui. Sau này, ít nghe nhắc đến, có thể các thầy cô giáo hay trên các phương tiện truyền thông người ta xem đây là từ cổ, ít giá trị trong cuộc sống hiện đại nên ít nhắc đến (!?). Bởi vậy, khi gặp nhà văn Sơn Nam, mới thấy ấn tượng với ông khi lúc nào có dịp ông cũng nhắc đến từ quốc thể

và luôn thực hiện sao cho vinh danh hai tiếng thiêng liêng: Việt Nam.

Nhà văn Sơn Nam vốn là người ăn mặc lèng xèng, quần áo không ủi. Có vẻ như ông có gì mặc đấy, không lựa chọn. Nhiều lần ông nói: Ăn mặc lèng xèng vậy cho gần gũi với người bình dân. Ăn mặc bình dị vậy dễ dàng nói chuyện với anh xe ôm, bà bán gánh đầu chợ, người lao công quét đường...

Nói đến đây tự nhiên nhớ bài phát biểu vào ngày 15-8-2018 của Giáo sư Trần Văn Thọ khi nhận Huân chương Thụy Bảo cao quý của Thiên hoàng Nhật Bản. Ông nói rất hay, trong bài nói ấy ông trích câu văn của nhà văn Nhất Linh: *"Biểu hiện cho đất nước không phải là những bậc vua chúa hay danh nhân mà là đám dân thường không tên không tuổi. Dân là nước, yêu nước là yêu chung đám thường dân, nghĩ đến sự đau khổ của đám thường dân"*.

Giáo sư Trần Văn Thọ và nhà văn Sơn Nam đã có chung một cảm nhận *"Dân là nước, yêu nước là yêu chung đám thường dân, nghĩ đến sự đau khổ của đám thường dân"*.

Xin quay lại chuyện ăn mặc, hôm nào chú Sơn Nam ăn mặc áo sơ-mi bỏ áo vào quần là biết chú chuẩn bị đi dạy, đi nói chuyện; còn ăn mặc lèng xèng xách cái tụng đệm là biết đi lãnh nhuận bút; mặc áo sơ-mi còn khoác thêm cái áo vét là lễ lớn rồi; còn cặp theo áo dài khăn đóng là đi cúng đình... Có một thời gian, chú làm cố vấn văn hóa cho bộ phim *Người tình* (L'amant), ăn mặc hết sức đẹp, mang cả giày Adidas. Hỏi sao chú sửa soạn quá vậy. Ông trả lời: Tao mặc vậy là do quốc thể

nha mậy, ăn mặc lụi xụi Tây nó khinh.

Chuyện lúc ông làm cố vấn bộ phim này rất nhiều chuyện hay. Ông kể lúc quay phim ở Thủ Thiêm, quay cảnh trên sông, quay tới quay lui đều không được. Ông bảo với sếp đoàn phim: Đất có Thổ công, sông có Hà bá, tụi bây phải cúng mới được. Thế là ông yêu cầu mấy người Tây lãnh đạo đều phải mặc áo dài khăn đóng quỳ lạy sì sụp trước hương án, ông là người xướng lễ.

Ông nói, thấy mấy thằng Tây xúng xính, ăn mặc theo kiểu Việt Nam xưa mà vui với ý tưởng vô đất nước tao, phải biết lễ nghĩa. Sau đó, "ông ứng, bà hành" hay sao mà tự nhiên quay cảnh trên sông đạt yêu cầu, mấy thằng Tây cảm ơn rồi rít.

Cũng trong đợt quay phim ở đây, mấy bà mua, lượm ve chai thường chen lấn vào, giành giật mấy chai nước khoáng của đoàn làm phim. Chú Sơn Nam bảo: Mấy bà

không biết quốc thể là gì, giành giật có mấy cái vỏ chai, cho Tây nó khinh. Chiều đoàn phim nghỉ, quay lại đây, tui cho lượm. Nói vậy chứ, chiều sau khi đoàn phim, chính chú là người đi lượm mấy chai rơi vãi, chắt đóng lại rồi cho mấy người lượm ve chai.

Thử nghĩ có ông cố vấn đoàn phim nào làm việc ấy không? Chuyện nhỏ nhưng là nghĩ đến quốc thể đó. Chẳng biết mấy người làm nhục quốc thể lâu nay, đây đó có hiểu.

### Mơ thành người Quang Trung

Cứ đến ngày tựu trường là nhớ đến học trò cũ. Nhớ những trường lớp phong phanh gió lạnh. Nhớ những địa danh Bù Đốp, Phú Riềng, Sông Bé, Phước Long, Lộc Ninh... Nhớ những đứa học trò nhỏ nay đã trưởng thành. Nhớ những đồng nghiệp nay đã về hưu và người đã về bên kia thế giới. Tự an ủi: Ừ, cũng đã có một thời ta dạy điều tốt cho vài ngàn đứa học trò...

Người xưa nói: Nếu chỉ mong vào kiến văn thì học và dạy biết bao giờ cho đủ, trong khi biển học bao la. Cần phải bao nhiêu ước kiếp mới thỏa mãn được? Cần chọn một hạnh nguyện cho mình mà rèn luyện, tu dưỡng suốt đời.

Nhớ một đoạn văn trong truyện "Mơ thành người Quang Trung" của nhà văn Duyên Anh.

"... Các con lắng tai nghe đây! Ta tả cho các con nghe một vị anh hùng bách chiến bách thắng trong lịch sử nhân loại. Vị anh hùng đó là hoàng đế Quang Trung Nguyễn Huệ. Nước ta, thuở ấy, loạn ly đau khổ. Dân tộc ta bị phân cách bởi dòng sông Gianh. Ngoài Bắc, chúa Trịnh lấn áp vua Lê, chuyên quyền đàn áp dân hiền. Quan liêu hống hách, thẳng tay vợ vét tài sản mồ hôi, xương máu của dân. Hết loạn này đến

loạn khác. Trong Nam, chúa Nguyễn nhu nhược, quyền bính lọt vào tay tên độc tài Trương Phúc Loan. Bao nhiêu trung thần bị họ Trương hãm hại. Trương Phúc Loan vợ vét, tham ô không kém gì bọn quan liêu ngoài Bắc. Giặc già nổi lên tứ tung. Dân tình đói khổ. Ấy thế mà vẫn phải đánh nhau với quân chúa Trịnh. Cuộc chiến tranh huynh đệ kéo dài ròng rã một trăm năm chưa chịu chấm dứt.

Bấy giờ, ở đất Tây Sơn, nảy sinh một vị cứu tinh dân tộc. Vị cứu tinh xuất hiện sừng sững như một trái núi khổng lồ mọc trên đất Bình Định. Vị cứu tinh là Nguyễn Huệ đó, các con ạ! Ngài vươn tay trái, ngài vàng của chúa Trịnh miền Bắc sụp đổ. Ngài vươn tay phải, ngài vàng

của chúa Nguyễn miền Nam tan rã. Bọn quan liêu tham nhũng, chuyên quyền chết như sáo bọ. Ngài đập chân phải, hai vạn quân Xiêm La chết khốn nạn ở miền Nam. Ngài đập chân trái, hai mươi vạn quân Thanh chết nhục nhã ở miền Bắc. Ngài vươn mình, Việt Nam lớn lên, hãnh diện về vang và dòng sông Gianh không còn ngăn cách tình người Việt Nam nữa.

Các con ơi, Các con yêu dấu của ta ơi!

Nay đã già nua mà mỗi lần đọc sử tranh đấu, ta vẫn mơ được làm tên lính quèn dưới cờ vua Quang Trung. Ta mơ được quỳ dưới chân Nguyễn Huệ, nâng áo bào khét lẹt mùi thuốc súng của ngài mà hít hà lần ngài ra Thăng Long đuổi loài rợ Mãn Thanh. Các con, các con phải biết mơ thành người Quang Trung, các con nhé!..."

Một đoạn văn khác cũng trong truyện này.

"Chương còm yêu lịch sử Việt Nam. Thầy dạy nó rằng dân tộc Việt Nam là dân tộc phi thường. Dân tộc ấy có dòng lịch sử liên tục từ năm nghìn năm nay. Khi cả thế giới đang lo Trung Hoa vĩ đại xâm lăng thì dân tộc ấy đã một mình chống chọi Trung Hoa. Nhiều lần thua Trung Hoa nhưng chưa lần nào hèn nhát. Và hễ chiến thắng Trung Hoa thì toàn đại thắng khiến Trung Hoa thất điên bát đảo... Chương còm yêu những giờ học sử Việt. Thầy nó giảng sử say mê hơn các môn học khác. Thầy nó thường dặn:

- Các con ơi, các con hãy yêu lịch sử nước ta. Trang sử nào của nước ta cũng đẹp cả. Tổ tiên ta đã dùng mồ hôi, nước mắt, xương trắng máu đào viết lên sử của nòi Hồng Lạc. Các con yêu lịch sử là các con yêu tổ quốc, quê hương. Và, mai sau, các con sẽ viết thêm sử sách những trang hào hùng hơn. Nếu các con yêu sử nước nhà, không bao giờ các con để

mất quê hương, không bao giờ các con nở để tổ quốc điều đứng...".

\*\*\*

Tôi cũng có hạnh nguyện như thầy giáo trong truyện, mơ được làm tên lính quèn dưới cờ một ông vua nào đó như vua Quang Trung, nâng áo bào khét lẹt mùi thuốc súng của ngài mà hít hà lần ngài ra Biển Đông đuổi giặc! Mơ được dạy nhiều lớp học trò yêu lịch sử Việt Nam và viết nên những trang sử hào hùng hơn. Mơ học trò sẽ tiếp bước tổ tiên, các bậc cha anh giữ mãi và sáng danh tổ quốc Việt Nam. ■





# Vị thế đất nước dịch chuyển sau bước chân

LÊ HẢI ĐĂNG

Cuối năm 2018, vụ 152 du khách Việt Nam bỏ trốn tại Đài Loan dẫn tới quốc gia này phải siết chặt thị thực nhập cảnh. Đến đầu năm 2019, Lãnh sự quán Hàn Quốc tại Hà Nội ngưng cấp thị thực đối với trường hợp sử dụng KT3, vì lo ngại về tình trạng sử dụng giấy tờ giả. Riêng năm 2018 đã có 518 người Việt tại Hàn Quốc bị trục xuất về nước, 988 người tự nguyện về (theo VOV.VN). Trước đó, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội cho biết có đến hơn 15.000 người Việt Nam lao động bất hợp pháp nơi xứ Hàn. Ở Nhật Bản có khoảng 310.000 người lao động Việt Nam. Theo *Thông tấn xã Kyodo* thì hồi tháng 4 năm 2018 dẫn số liệu của cảnh sát Nhật Bản cho thấy trong năm 2017 người Việt đứng đầu số vụ phạm pháp, trong đó, đa số liên quan đến ăn cắp vặt. Nhiều nơi tham quan, mua sắm đặt biển cảnh báo bằng tiếng Việt. Điều đó chứng tỏ họ đang nhằm vào nhóm đối tượng người Việt. Tình trạng du khách Việt Nam ứng xử thiếu văn hóa, vi phạm pháp luật ở nhiều quốc gia trên thế giới không hề hiếm, thậm chí phổ biến đến mức báo động, có thể gây ảnh hưởng đến hình ảnh đất nước.

Mặc dù vị thế đất nước đã được nâng lên, song song với nó là tình trạng hạ thấp văn hóa bằng những hành vi đi ngược lại nếp sống văn minh, tiến bộ, như phạm pháp, tùy tiện, ăn nói ồn ào, thiếu ý thức tôn trọng luật pháp, tập quán bản địa... khiến cho ngày càng có nhiều người nước ngoài phản cảm, có ấn tượng xấu về người Việt Nam. Để đánh giá vị thế một đất nước có nhiều cách khác nhau, trong đó có chỉ báo dựa vào tầm hộ chiếu, như hộ chiếu Nhật Bản, Singapore, Đức, Pháp, Hàn, Đan Mạch... được mệnh danh quyền uy trên thế giới. Còn

tầm hộ chiếu Việt Nam đứng vị trí 87/104 theo Bản xếp hạng hộ chiếu (Henley Passport Index) năm 2019.

Công dân Việt Nam xin thị thực nhập cảnh các quốc gia phát triển thường gặp rất nhiều khó khăn. Điều đó phản ánh thực trạng xã hội và phần nào nói lên sự chênh lệch về chính trị, văn hóa... giữa Việt Nam và nhiều quốc gia khác. Mỗi lần tiến hành thủ tục visa, công dân Việt Nam thường thấp thỏm bất an vì nhiều "hàng rào kỹ thuật" cản trở quá trình nhập cảnh. Về thủ tục visa, phỏng vấn là ngưỡng cửa có thể kiểm chứng, đo lường chất lượng công dân. Khi nhiều người Việt Nam tạo tiền lệ xấu chắc chắn đã để lại dấu tích ghi nhận tình trạng công dân, cũng như văn hóa đất nước.

Nếu một "con sâu" đã đủ "làm rầu" nồi canh thì những con người vô ý thức, kém cỏi về văn hóa có thể làm méo mó, biến dạng hình ảnh đất nước. Nếu coi đất nước như một thương hiệu để nhận diện, nhiều người Việt đã bôi nhọ, làm hoen ố hình ảnh đất nước mình. Chúng ta hào về tình yêu quê hương đất nước; nhưng không phải cứ giăng đầy khẩu hiệu, hô thật to hay cầm cờ chạy rông trên đường phố là thể hiện được lòng yêu nước. Bài học và cách thức thể hiện lòng yêu nước giống như tình cảm của con người thể hiện với nhau. Thông qua mối quan hệ, chúng ta xác lập nội hàm chủ đề yêu nước. Tình yêu nào cũng cần đến đối tượng để ký thác, khi đối tượng ấy là cả một đất nước thì tính phức hợp của nó rất dễ khiến cho nhiều người ngộ nhận, đánh đồng lòng yêu nước với lập trường, quan điểm. Nói rộng ra là thể hiện lòng yêu nước bằng lời lẽ, chứ không thông qua hành động nhằm cải thiện tình hình. Yêu nước nói chung chẳng phải đặc sản của quốc gia nào.

Chẳng có dân tộc nào trên thế giới mà không yêu nước, ngay kể cả khi đã mất nước. Có điều, khi lòng yêu nước được khuếch trương thành chủ nghĩa hay thể hiện bản sắc văn hóa, nó rất dễ bị lợi dụng để làm những điều đi ngược lại văn minh, tiến bộ. Nếu nội dung yêu nước không được bổ sung bằng những nội hàm cụ thể, rất có thể sẽ tiếp tục trở thành một giá trị để con người tự biện hộ, lừa phỉnh bản thân bằng những hành vi phản cảm, từ đó khiến cho nhiều người ngờ vực về giá trị đích thực của lòng yêu nước. Để làm được điều này, cần có biện pháp ngăn ngừa tích cực từ bên trong (quốc gia) nhằm tránh sự tổn thương do phát tán thói hư, tật xấu của người Việt sau khi ra nước ngoài. Nếu không cẩn trọng, trong tương lai người Việt có thể lọt vào danh sách quốc gia không được hoan nghênh trên thế giới.

Trong quá khứ, làn sóng người tị nạn, vượt biên sang nhiều nước từng gây tiếng vang trên thế giới. Sự kiện ấy mới kịp lắng xuống mấy chục năm trở lại đây... thì những tiếng ồn, những vụ việc đi ngược lại giá trị văn minh, tiến bộ bắt đầu dâng lên, đẩy lùi thiện cảm và cả sự nhìn nhận của người khác về mình. Tất nhiên, sự nhìn nhận của người khác về mình không phải yếu tố quyết định phương cách ứng xử văn hóa vốn dựa trên nền tảng khác biệt. Song, sự khác biệt đặt trong bối cảnh thế giới rộng mở, toàn cầu hóa, tính lệ thuộc, sự ảnh hưởng qua lại giữa các quốc gia thì những va chạm, thậm chí xung đột về giá trị nhất thiết cần được điều chỉnh.

Chúng ta không thể ảo tưởng về thành quả phát triển kinh tế mà coi thường biểu hiện lệch lạc, kém cỏi về văn hóa. Kinh tế và văn hóa không phải là hai đại lượng đồng đẳng, chi phối lẫn nhau. Nhiều người ngây thơ lầm tưởng rằng, phú quý tất yếu sinh lễ nghĩa. Trên thực tế, phú, quý, lễ, nghĩa là những phạm trù khác nhau. Phú nhằm chỉ điều kiện kinh tế, quý hướng đến phẩm chất con người, lễ bộc lộ qua thái độ, hành vi ứng xử, còn nghĩa thể hiện trách nhiệm xã hội. Tất cả đều không tự chuyển hóa cho nhau. Người ta có thể giàu (phú) lên nhanh chóng nhờ trúng số, kế thừa, sự biến động của thị trường địa ốc, chứng khoán, thậm chí tham ô, hối lộ... nhưng lễ, nghĩa đòi hỏi sự tu dưỡng, rèn luyện, tinh thần trách nhiệm đối với cộng đồng. Đời sống kinh tế đất nước đã cải thiện đáng kể sau hơn 30 năm đổi mới, tầng lớp trung lưu ngày càng đông hơn... Đó là những dấu hiệu khởi sắc, đáng mừng, song song với nó, tình trạng sa sút về văn hóa mà giá sùn là ý thức chấp hành pháp luật không khởi khiến người ta gao ngán. Nhiều biểu hiện dị thường phát triển một cách bình thường trong lòng đất nước. Thói quen văn hóa hình thành lâu dài trong đời sống. Nếu tình trạng ứng xử thiếu văn hóa phổ biến ngay từ bên trong đất nước, khi ra nước ngoài, nó sẽ trở thành nguồn cội gây phản cảm cho người ngoại quốc, từ thói quen không xếp hàng, xả rác bừa bãi, ứng xử thô bạo cho đến nhậu nhẹt, ồn ào, lộn xộn, trộm cắp...



Nguồn: yan.vn

Du khách Việt Nam du lịch nước ngoài càng nhiều, sự cố gây ảnh hưởng đến hình ảnh, uy tín đất nước càng tăng. Một quốc gia có lịch sử văn hóa lâu đời, thậm chí có hình thái chính trị tự hào là xã hội chủ nghĩa không thể chấp nhận thứ văn hóa lạc hậu, lạc điệu, kém văn minh. Nền văn hóa chúng ta đang phấn đấu theo phương châm “tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, trong đó nhấn mạnh phẩm chất “tiên tiến”, chứ không chỉ dừng lại ở bản sắc. Có điều, tính chất “tiên tiến” dễ bị lãng quên. Đối với một nền văn hóa tiên tiến phải đi tiên phong trong xu hướng phát triển, chứ không thể lẻo đẻo theo sau hoặc gây ảnh hưởng xấu đến sự tiến bộ.

Chúng ta có thiên hướng “nói một đằng, làm một nẻo”. Cách làm ấy tiếp tục đẩy văn hóa vào tình trạng trượt dốc, suy thoái nghiêm trọng. Văn hóa không thụ hưởng được thành quả của kinh tế. Nhiều lý tưởng rao giảng tạo nên độ vênh với thực tiễn, từ đó, khiến cho con người lầm tưởng giữa hiện thực và lý tưởng, giữa văn hóa và văn minh. Trong nhiều trường hợp, văn hóa đất nước phải gồng mình gánh chịu công năng của pháp luật. Những khu phố văn hóa mọc lên nhan nhản khắp nơi không hề đi vào thực chất. Chúng chỉ nhằm mục đích tuyên truyền hoặc quản lý cho dễ... Văn hóa chưa song hành cùng kinh tế, nên người dân không thừa hưởng được thành quả của kinh tế phát triển.

Hiện tượng những con sâu to không chỉ làm rầu nổi canh văn hóa mà còn đẩy đời sống xã hội lâm vào tình trạng thiếu trật tự, kỷ cương. Nếu không coi đây như một mối lo nhân tiến, trong tương lai, đất nước phải trả giá đắt cho sự phát triển lệch lạc giữa kinh tế và văn hóa. ■

# Cuộc chống Pháp của nhân dân Nam kỳ có phải là kháng mệnh triều đình?

CAO VĂN THỨC

**T**ừ khi quân Pháp đánh chiếm Gia Định năm 1859 cho đến thời điểm nhà Nguyễn ký hoà ước nhường hẳn toàn bộ Nam Kỳ cho Pháp năm 1874, nhân dân miền Nam đã liên tục nổi dậy chống quân xâm lược. Khi quân đội triều đình đang tác chiến ở mặt trận Gia Định thì người dân Nam Kỳ cùng sát cánh chiến đấu, đến khi do liên tiếp thất bại vì yếu kém về vũ khí, kỹ thuật tác chiến, quân đội triều đình lần lượt rút chạy, lực lượng nhân dân vẫn tiếp tục độc lập chiến đấu để bảo vệ mảnh đất quê hương của mình. Từ trước đến nay, sử sách đều cho rằng triều đình hèn nhát, nghe theo lời giặc, ép buộc các thủ lĩnh khởi nghĩa và nhân dân phải buông vũ khí, nhưng nhân dân đã kháng mệnh triều đình, tự tôn xưng chức tước cho các vị thủ lĩnh để tiếp tục độc lập kháng chiến chống Pháp.

Tuy vậy, khi tìm hiểu những văn bản tư liệu gốc của triều Nguyễn và của Pháp thì thực tế lại trái ngược với quan điểm, nhận định trên. Điều này có thể tham khảo qua các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu, có quy mô lớn ở

Nam Kỳ thời bấy giờ là Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Thiên Hộ Dương, Thủ Khoa Huân.

## **Lược thuật các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu Khởi nghĩa Trương Định**

Trương Định sinh năm Canh Thìn (1820), quê ở xã Tư Cung, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Năm 1844, ông theo cha vào Nam Kỳ sinh sống. Năm 1854, hưởng ứng kế hoạch lập đồn điền ở Nam Kỳ của triều đình, ông chiêu mộ dân nghèo lập đồn điền Gia Thuận, thuộc tỉnh Gia Định (nay thuộc TP.HCM) nên được phong chức Phó Quản cơ.

Năm 1859, quân Pháp đánh chiếm thành Gia Định, Tổng đốc Võ Duy Ninh tuấn tiết. Khi Nguyễn Tri Phương được triều đình cử vào chỉ huy quân thứ Gia Định, đã cho xây chiến lũy Chí Hoà để phòng thủ. Hưởng ứng lời kêu gọi của triều đình, Trương Định kéo dân quân ở đồn điền do ông chỉ huy khoảng 500 người đến hợp sức với Nguyễn Tri Phương kháng Pháp. Trương Định lập được nhiều chiến công, trong đó nổi bật nhất là đã tham gia trận phục kích diệt viên sĩ quan Barbé tại khu vực chùa Khải Tường (ngày nay thuộc khu vực Bảo tàng Chứng tích chiến tranh, số 28, Võ Văn Tần, quận 3, TP.HCM) vào ngày 7-12-1860. Ông được triều đình phong chức Phó Lãnh binh Gia Định.

Năm 1861, quân Pháp công phá đại đồn Chí Hoà. Nguyễn Tri Phương bị thương nặng, quân triều đình rút lui. Thừa thắng, quân Pháp đánh chiếm hai tỉnh còn lại của miền Đông Nam Kỳ là Biên Hoà và Định Tường. Trương Định rút lực lượng bản bộ của mình về Gò Công xây dựng căn cứ, tiếp tục chống Pháp.

Năm 1862, do phải đối phó với nạn thổ phỉ hoành hành và cuộc nổi dậy quy mô lớn do Tạ Văn Phụng xưng là dòng dõi nhà Lê cầm đầu, có sự ủng hộ ngầm ngấm của người Pháp tại Bắc Kỳ, trong khi đó nguồn tài chính quốc gia quẫn bách, nên bắt buộc triều Nguyễn phải cầu hoà, sai Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp ký kết cắt nhượng ba tỉnh Đông Nam Kỳ (Gia Định, Biên Hoà, Định Tường) cho Pháp.

Sau khi ký hoà ước, triều đình phải thi hành theo điều khoản thoả thuận là giải tán các đội dân binh kháng Pháp tại ba tỉnh Đông Nam Kỳ nên đã thăng Trương Định làm Lãnh binh tỉnh An Giang và phải giải tán quân đội để đi nhận chức vụ mới. Tuy vậy, có thể nói đây là động tác bề ngoài để "làm màu" với Pháp chứ ý đồ thực sự bên trong của triều đình là ngầm





ngầm ủng hộ nghĩa quân, vì vậy nên Trương Định không bãi binh mà tiếp tục ở lại kháng chiến. Và để có uy tín, danh tiếng thu hút các tầng lớp nhân dân tham gia kháng Pháp, ông đã tự xưng là Bình Tây Đại nguyên soái. Theo "Trương Định lãnh binh truyện" trong tác phẩm *Đôn Am văn tập* của Nguyễn Thông<sup>1</sup> thì lúc bấy giờ có Phạm Tuấn Phát ở Tân Long (Gia Định) đại diện các hào sĩ ở địa phương gửi bức thư bày tỏ thái độ ủng hộ Trương Định và tôn xưng ông chức danh đó, còn theo tác phẩm *Đại Nam chính biên liệt truyện* thì ông tự xưng là Trung thiên tướng quân (vị tướng giữa trời). Danh xưng Bình Tây đại nguyên soái của Trương Định đã được sự công nhận của triều đình, điều này đã được thể hiện qua bản báo cáo của Thiên Hộ Dương (Võ Duy Dương) rằng khi ông cử Nguyễn Hữu Huân (Thủ Khoa Huân) - một cộng sự của ông - đến chiến khu Gò Công để hội đàm theo lời mời của Trương Định; tại đây Nguyễn Hữu Huân đã gặp viên Thị vệ Nguyễn Thi là người được vua Tự Đức phái từ Huế vào để công nhận chức danh Bình Tây đại nguyên soái của Trương Định với đầy đủ sắc phong, ấn triện<sup>2</sup>.

Năm 1862, quân Pháp mở cuộc tấn công đại quy mô vào chiến khu Gò Công. Do vũ khí quá chênh lệch, nghĩa quân phải rút khỏi khu vực Lý Nhơn (thuộc huyện Cần Giuộc ngày nay). Năm 1863, tên Huỳnh Công Tấn, một người đã tham gia nghĩa quân trước đây, đã phản bội chỉ điểm cho quân Pháp bao vây chỗ đóng quân của Trương Định. Ông bị thương nặng và rút gươm tuẫn tiết.

Sau khi Trương Định hy sinh, vua Tự Đức đã cho dân làng Tư Cung lập đền thờ, đồng thời cho quan địa phương cấp tiền tuất cho vợ con của ông ở quê. Tiểu sử Trương Định được các sử thần ở Quốc sử quán của triều Nguyễn chép vào bộ sách *Đại Nam chính biên liệt truyện*<sup>3</sup>.

### **Khởi nghĩa Nguyễn Trung Trực**

Nguyễn Trung Trực tên thật là Nguyễn Văn Lịch, sinh năm 1839, quê ở xã Thạnh Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Năm 1860, Nguyễn Trung Trực gia nhập đội quân đồn điền của Trương Định, tham gia mặt trận Chí Hoà. Tháng 2-1861, đại đồn Chí Hoà thất thủ, quân triều đình rút lui về Biên Hoà; Trương Định đưa quân về xây dựng căn cứ Gò Công, còn Nguyễn Trung Trực hoạt động chống Pháp ở Tân An (Long An). Ông được triều đình phong chức Quyền quản binh nên thường gọi là Quản Lịch.

Tháng 12-1861, Nguyễn Trung Trực lúc bấy giờ là Quyền quản binh đã cùng với Phó quản binh Huỳnh Khắc Nhượng và Võ Văn Quang, lập mưu đốt cháy chiếc tàu L'Espérance (Hy Vọng) của Pháp trên sông Vàm Cỏ. Đây là một chiến hạm mà bọn Pháp thường dùng để càn quét, đàn áp nghĩa quân. Việc đốt cháy chiến hạm Hy Vọng là một chiến công vang dội, khích lệ tinh thần đấu tranh của nhân dân Nam Kỳ thời bấy giờ. Trong trận đánh này, số quân địch bị tiêu diệt là 17 tên Pháp và 20 cộng sự người



Việt. Phía nghĩa quân có bốn người hy sinh. Vua Tự Đức đã ban thưởng những chỉ huy và nghĩa quân lập nên chiến công, đồng thời cấp tiết tuất cho 4 nghĩa quân hy sinh trong trận đánh<sup>4</sup>.

Năm 1862, triều đình Huế ký hoà ước nhượng cho Pháp ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ, Nguyễn Trung Trực chuyển quân về hoạt động ở các tỉnh miền Tây Nam Kỳ. Đầu năm 1867, ông được triều đình phong và đi nhận chức Lãnh binh ở tỉnh Bình Định. Giữa năm 1867, Nguyễn Trung Trực được triều đình phong chức Thành thủ úy Hà Tiên, nhưng ông chưa kịp đến nhận nhiệm sở thì quân Pháp đã đánh chiếm toàn bộ vùng Tây Nam Kỳ. Trước hoàn cảnh đó, Nguyễn Trung Trực đã lập căn cứ kháng chiến ở Hòn Chông (Kiên Giang) để tiếp tục chống Pháp.

Năm 1868, ông chỉ huy trận đánh tiêu diệt quân Pháp, chiếm đồn Rạch Giá, nhưng sau đó quân Pháp phản công mạnh, ông rút về phòng thủ ở Bảy Núi (An Giang). Pháp tấn công căn cứ Bảy Núi, ông rút quân ra đảo Phú Quốc. Quân Pháp kéo ra bao vây Phú Quốc, lùng sục, khủng bố người dân địa phương để chặn đường tiếp tế lương thực cho nghĩa quân. Trước hoàn cảnh đó, Nguyễn Trung Trực đành phải ra hàng để cứu sinh mạng của nghĩa quân và nhân dân. Bọn Pháp biết ông là người có tài và uy tín nên dùng quan chức, của cải để mua chuộc nhưng ông khăng khất từ chối. Bọn Pháp đã xử tử Nguyễn Trung Trực tại chợ Rạch Giá vào ngày 27-10-1868.

Sau ngày Nguyễn Trung Trực bị Pháp xử tử, vua Tự Đức đã ban sắc phong cho ông làm Thành hoàng làng

Vĩnh Thanh Vân (thuộc thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang ngày nay)<sup>5</sup>.

### **Khởi nghĩa Võ Duy Dương (Thiên Hộ Dương)**

Thiên Hộ Dương tên thật là Võ Duy Dương, sinh năm 1827, quê ở thôn Nam Tượng, xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn, Bình Định.

Năm 1857, hưởng ứng chính sách khẩn hoang do Nguyễn Tri Phương tổ chức ở Nam Kỳ, Võ Duy Dương vào khai phá vùng đất Ba Giồng, cạnh khu vực Đồng Tháp Mười (ngày nay thuộc các huyện Cai Lậy, Cai Bè, Châu Thành của tỉnh Tiền Giang).

Tháng 2-1859, quân Pháp đánh chiếm thành Gia Định. Võ Duy Dương cùng với Nguyễn Hữu Huân chiêu mộ nghĩa quân kéo về Gia Định tham gia đánh Pháp cùng với quân đội triều đình. Ông được phong chức Chánh quản đạo<sup>6</sup>.

Sau khi thất bại ở Gia Định, quân đội triều đình rút lui về Biên Hoà. Võ Duy Dương theo đường biển ra kinh đô bái yết nhà vua để hiến kế đánh giặc. Năm 1860, nhân lúc bấy giờ có người dân tộc Thạch Bích (thường gọi là mọi Đá Vách) ở Quảng Nam nổi dậy chống triều đình, ông được nhà vua giao cho nhiệm vụ đi tiêu trừ. Cuộc nổi dậy được dẹp yên, ông được phong hàm Chánh bát phẩm Thiên hộ nên thường gọi là Thiên Hộ Dương<sup>7</sup>.

Năm 1861, Đỗ Thúc Tịnh được triều đình cử làm Khâm sai Quân vụ, vào Nam Kỳ tổ chức kháng Pháp, Võ Duy Dương cũng được phái theo với nhiệm vụ chiêu mộ nghĩa binh để phối hợp với quân đội chính quy chống giặc ở tỉnh Định Tường. Ông chiêu mộ được gần một nghìn nghĩa binh, phối hợp chiến đấu cùng với quân triều đình của Đỗ Thúc Tịnh và các đội nghĩa binh

của Trương Định, Trần Xuân Hoà... gây cho quân Pháp nhiều tổn thất nặng nề.

Năm 1862, do hoàn cảnh khó khăn, triều đình phải ký kết hoà ước nhường cho Pháp ba tỉnh Đông Nam Kỳ. Bên ngoài, theo hoà ước ký kết, triều đình bắt buộc các thủ lĩnh phải giải tán dần binh và đi nhận nhiệm vụ ở nơi khác; nhưng bên trong ngấm ngấm ủng hộ công cuộc chống Pháp và phong chức tước cho các thủ lĩnh (Trương Định làm Bình Tây Đại nguyên soái, Võ Duy Dương làm Chánh đề đốc, Nguyễn Hữu Huân làm Phó đề đốc...)<sup>8</sup>.

Sau một thời gian chiến đấu cơ động, năm 1864, Võ Duy Dương cho xây dựng căn cứ kháng chiến ở Đồng Tháp Mười. Sau khi củng cố lực lượng, ông tổ chức tấn công quân Pháp ở các địa phương Cai Bè, Cai Lậy...

Tháng 4-1866, quân Pháp mở cuộc tấn công lớn vào chiến khu Đồng Tháp Mười. Do lực lượng quá chênh lệch, Võ Duy Dương cho rút quân về Cao Lãnh liên kết với nghĩa quân Trương Tuệ và nghĩa quân người Khơ-me của Achoa Xoa, tổ chức tấn công đồn Tây Ninh, tiêu diệt nhiều tên giặc. Bọn soái phủ Pháp ở Sài Gòn một mặt bao vây tiêu diệt nghĩa quân, một mặt gửi công hàm phản đối gay gắt triều đình Huế dung dưỡng nghĩa quân, vì vậy vua Tự Đức phải miễn cưỡng ban hành chỉ dụ truy nã Võ Duy Dương và các thủ lĩnh nghĩa quân chống Pháp.

Bị quân Pháp bao vây, chia cắt nên cuộc kháng chiến ngày càng khó khăn. Trước tình thế đó, tháng 11-1866, Võ Duy Dương bí mật theo đường biển về kinh đô để trình bày với nhà vua kế sách đánh giặc, nhưng ông bị cướp biển giết chết ở cửa biển Cần Giờ. Nhà vua nghe tin ông bị sát hại đã ra lệnh cho quan sở tại tìm xác Võ Duy Dương để chôn cất và trích công quỹ chu cấp cho gia đình ông<sup>9</sup>.

### **Khởi nghĩa Nguyễn Hữu Huân (Thủ Khoa Huân)**

Nguyễn Hữu Huân sinh năm 1830, quê ở xã Hoà Tĩnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Năm 1852, ông thi Hương tại Gia Định đỗ cử nhân thủ khoa nên thường gọi là Thủ Khoa Huân. Sau khi thi đỗ, ông được bổ nhiệm chức giáo thụ phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Quân Pháp đánh chiếm ba tỉnh Đông Nam Kỳ, Nguyễn Hữu Huân bỏ quan chức, gia nhập vào đội nghĩa binh của Trương Định, ông được triều đình phong chức Phó đề đốc<sup>10</sup>. Sau khi Trương Định hy sinh, ông liên kết với Võ Duy Dương ở Đồng Tháp Mười tiếp tục kháng chiến.

Năm 1863, ông bị Pháp bắt, kết án mười năm tù và đày sang đảo Cayenne ở Nam Mỹ. Năm 1870, ông được miễn tù trước thời hạn và cho về nước, nhưng phải chịu sự quản thúc tại nhà của viên Tổng đốc Đỗ Hữu Phương, nhưng trên danh nghĩa là làm thầy đồ dạy học cho con ông ta. Và tuy bị quản thúc như vậy, Nguyễn Hữu Huân vẫn bí mật liên lạc với những người yêu nước ở bên ngoài để chuẩn bị khởi nghĩa. Đến năm 1872, ông trốn về Chợ Gạo, tiếp tục tham gia chống Pháp. Nguyễn Hữu Huân lập căn cứ ở Bình Cách (Gò Công), sau đó mở rộng quy mô hoạt động ra khu vực Chợ Lớn, Định Tường, Tân An...





Cuối năm 1874, quân Pháp dùng lực lượng với quy mô lớn kết hợp với bọn tay sai người Việt tấn công căn cứ Bình Cách. Căn cứ bị phá vỡ, Nguyễn Hữu Huân phải rút lui về Chợ Gạo để chờ thời cơ khôi phục lực lượng; nhưng sau đó vào tháng 3-1875, ông bị quân Pháp bắt được và đưa về Sài Gòn. Thực dân Pháp dùng chức vụ, bổng lộc để mua chuộc nhưng ông dứt khoát khước từ. Bị thất bại trong việc mua chuộc, bọn Pháp đưa Nguyễn Hữu Huân trở về Mỹ Tho, kết án tử hình và xử tử ông tại Chợ Gạo vào ngày 19-5-1875.

### Kết luận

Qua giai đoạn lịch sử chống Pháp ở Nam Kỳ từ 1859 khi thành Gia Định bị tấn công cho đến năm 1861 xảy ra chiến sự Chí Hoà, rồi lần lượt mất ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ, có thể thấy rằng triều đình không chống nổi với Pháp bằng chính binh vì đánh trường trận thì quân đội phong kiến với vũ khí thô sơ (gươm giáo, súng hoả mai, súng thần công, thuyền ghe với mái chèo bằng tay...) và kỹ thuật tác chiến lạc hậu như thời trung cổ thì không thể nào địch nổi với một đội quân xâm lược nhà nghề với vũ khí tối tân thời bấy giờ (súng lục, súng trường, đại bác, tàu chiến chạy bằng máy móc...) với kỹ thuật tác chiến hiện đại bậc nhất trên thế giới ngày đó.

Triều đình cũng đã cố gắng hết sức thể hiện qua việc liên tục gửi quân tăng viện và liên tiếp thay đổi tướng chỉ huy quân thứ Gia Định (Tôn Thất Cáp, Nguyễn Túc Trưng, Nguyễn Bá Nghi, Nguyễn Tri Phương...). Nhưng sau đó, vì tình thế khốn đốn do kinh tế yếu kém, nguồn tài chính

cạn kiệt, lại phải đối phó với nạn “thù trong, giặc ngoài” (thổ phi Tàu và giặc Tạ Văn Phụng ở ngoài Bắc, quân Pháp ở trong Nam...), và quân chính quy ở Nam Kỳ liên tục thua trận, vì vậy triều đình bất đắc dĩ phải chấp nhận ký hoà ước nhượng cho Pháp ba tỉnh Đông Nam Kỳ (Gia Định, Biên Hoà, Định Tường).

Tuy tình thế bắt buộc phải cắt đất giảng hoà, nhưng vua Tự Đức vẫn tìm mọi cách để thu phục lại vùng đất Đông Nam Kỳ, và một trong những biện pháp đó là ngầm ngầm khuyến khích, ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân Nam Kỳ. Điều này thể hiện rõ nhất qua các cuộc khởi nghĩa lớn, tiêu biểu ở Nam Kỳ thời bấy giờ. Nếu triều đình thực tâm đầu hàng giặc và thật sự ra lệnh cho các thủ lĩnh kháng chiến giải giáp thì những người như Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Võ Duy Dương, Thủ Khoa Huân... sẽ bị triều đình trừng trị vì không thực hiện đúng lệnh vua, chứ làm gì có chuyện được phong chức tước và khi họ hy sinh thì được vua sắc phong cho làm thành hoàng để dân địa phương thờ cúng, gia đình họ được trợ cấp vật chất...

Vì vậy cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Nam Kỳ là “vì triều đình đánh giặc” như trong bản hịch văn mà Trương Định ban bố để kêu gọi nhân dân tham gia<sup>11</sup>. Từ đó có thể thấy lối nhận định ấu trĩ một thời và còn tồn tại dai dẳng đến ngày nay là triều đình nhu nhược, hèn nhát bỏ rơi và nhân dân Nam Kỳ đã kháng mệnh triều đình, độc lập kháng Pháp là hoàn toàn sai lệch khi đối chiếu với sự thật lịch sử qua những nguồn tư liệu vừa nêu trên. ■

### Chú thích:

1. Nguyễn Thông (1827-1884), quê ở Long An, đỗ cử nhân, làm quan đến chức Bố chánh. Khi Pháp chiếm toàn bộ Nam Kỳ, ông cùng một số nhà nho tổ chức phong trào “tỵ địa” ra Bình Thuận. Ông biên soạn nhiều tác phẩm như *Độn Am văn tập*, *Việt sử thông giám cương mục khảo lược*, *Khâm Định nhân sự kim giám*, *Kỳ xuyên thi sao*, *Kỳ xuyên văn sao*, *Ngọa du sào thi tập*...

2. Deux rapports militaires de Generale Võ Duy Dương, *Gustave Janneau Revue Indochinoise*, số 2 (1914) (Theo tác phẩm *Một số nhân vật lịch sử đất phương Nam*, Nhiều tác giả, Nxb Hồng Đức, 2015, tr.185).

3. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam chính biên liệt truyện*, làm Văn Học, 2004.

4. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục chính biên*, tập 7, Nxb Giáo Dục, 2005, tr.820-821.

5. Nguyễn Nghi, “Nguyễn Trung Trực qua một số tư liệu của Pháp”, trong *Nam Bộ - xưa và nay*, Nxb Tổng Hợp TP.HCM, 2005, tr.254.

6. Nguyễn Hữu Hiếu, *Võ Duy Dương với Đồng Tháp Mười*, Nxb Trẻ, 2005, tr.68.

7. Nguyễn Hữu Hiếu, sđd, tr.61.

8. Deux rapports militaires de Generale Võ Duy Dương, sđd, 185.

9. Nguyễn Hữu Hiếu, sđd, tr.112.

10. Deux rapports militaires de Generale Võ Duy Dương, sđd, 185.

11. Theo *Lãnh binh Trương Định truyện* của Nguyễn Thông, in trong *Nguyễn Thông tác phẩm* do Cao Tự Thanh và Đoàn Lê Giang biên soạn, Sở VHHTT Long An xuất bản, 1984, tr.269.



Bàn thêm về

Nguồn: [historicvietnam.com](http://historicvietnam.com)

# hai chữ *Phong kiến* ở Việt Nam

TÔN THẤT THỌ

**T**ừ trước đến nay, đã có nhiều tác giả viết và bàn về hai chữ *Phong kiến*. Họ phân tích, đối chiếu với lịch sử để tìm cách minh định: *Tại Việt Nam có chế độ phong kiến hay không?*

Trong một bài viết đăng trên một diễn đàn khoa học, ông Phạm Trọng Chánh, Giáo sư Tiến sĩ Khoa học thuộc Viện Đại học Paris V, khi bàn về hai chữ *Phong kiến* đã cho rằng:

*"Về chữ Phong kiến, dịch từ chữ Féodalité của Pháp. Phong kiến là chế độ nhà vua phong đất cho chư hầu; chư hầu cha truyền con nối làm quan; dân trong vùng đất là nông nô, chư hầu có quyền sinh sát trên mọi người dân. Chư hầu có lâu đài, có quân đội riêng, khi nhà vua cần thì chư hầu làm tướng đánh giặc giúp vua. Chư hầu tốt thì nhân dân được nhờ, chư hầu tàn bạo thì vợ vét bóc lột, cướp của, cướp gái đẹp về làm hầu thiếp riêng. Trong gia đình chư hầu, thường có một anh em đi tu, giữ chức cao trong giáo hội, thành Giám mục, Hồng y hay Giáo hoàng. Do đó các tranh chấp chính trị Tây phương thời Trung cổ thường lẫn lộn với tranh chấp phe phái tôn giáo, thậm chí tàn sát nhau như giữa Tin Lành và Công giáo; Giáo hội Rome và Giáo hội Avignon..."*

Thời Xuân Thu Chiến Quốc ở Trung Quốc có thể gọi là thời *Phong kiến*. Chế độ "phong" cho các quan lang các bản Mường có vài đặc tính *phong kiến*. Nhưng đem chữ *Phong kiến* áp đặt vào toàn thể xã hội Việt Nam ngày xưa thì không đúng. Nhà vua Việt Nam không phong đất cho chư hầu, các quan được tuyển chọn qua ba kỳ thi: thi Hương, thi Hội, thi Đình. Các quan không cha truyền con

*nối, nhà vua trực tiếp bổ nhiệm hay cách chức các quan. Phật giáo, Khổng giáo không phải có thần quyền như Thiên Chúa giáo, không có chiến tranh tôn giáo. Thượng thư Bộ Lại giúp vua việc tổ chức bổ nhiệm..."*

Cũng bàn về hai chữ *Phong kiến*, cách đây 85 năm, trên tạp chí *Phụ Nữ Tân Văn* số 268 ra ngày 29-11-1934 xuất bản ở Sài Gòn, nhà văn Phan Khôi (1887-1959) có bài viết tựa là *Lịch sử Việt Nam không có chế độ phong kiến*; trong đó có đoạn:

*"Trong sử Ngoại kỷ nói vua Hùng Vương chia nước ra 15 bộ, nhưng cũng nói đặt quan cai trị, chứ không nói để phong con, em, cháu hay là bề tôi có công.*

*Kể từ Đinh, Lê về sau, nước ta mới thành lập hẳn một nước, song cũng chưa hề đặt ra hay noi theo cái chế độ phong kiến. Triều thì chia nước ra từng lộ, triều thì chia nước ra từng xứ, triều thì chia nước ra từng trấn, triều thì chia nước ra từng tỉnh, nhưng thầy đều đặt quan cai trị, thay quyền trung ương mà thống ngự thần dân. Nói tóm một lời, nước ta từ hồi lập quốc về sau, sự tổ chức về chính trị theo lối quận huyện chứ không theo lối phong kiến.*

*Trải qua các triều vua, vẫn có dùng năm tước Công, Hầu, Bá, Tử, Nam mà phong cho các bề tôi đồng tước hoặc dị tước, lại có phong đến tước Vương nữa. Nhưng những người chịu phong tước ấy có danh mà không có thiệt, chẳng hề có ai được đất phong lớn, được hưởng cả huê lợi, được cai trị dân như các vua chư hầu đời xưa dưới chế độ phong kiến.*

*Đại để mỗi người được phong tước thì vua tùy từng đẳng cấp mà ban cho ruộng đất ít nhiều, gọi là 'thái địa'. Thái địa ấy tự người được phong muốn chọn nơi nào thì*

chọn, và được truyền tử lưu tôn như đất tư của mình. Thái địa ít thì chừng mấy mẫu, nhiều thì chừng mấy chục mẫu, nhiều lắm cũng đến choán lấy mấy làng là cùng, chớ không khi nào được đến một tỉnh hay một trấn mà có thể làm một nước nhỏ được. Và lại người được phong chỉ có quyền về thổ địa mà không có quyền về nhân dân ở trên thổ địa ấy; bao nhiêu người dân từ trước lập nghiệp trên thái địa cũng vẫn trực tiếp chịu quyền cai trị của nhà vua.

Có phong tước, có thái địa, nhưng người được phong không hưởng các quyền cai trị dân chúng ở trong thái địa của mình: điều đó làm cho phân biệt với chế độ phong kiến.

Bởi đó nói rằng nước ta xưa nay không có chế độ phong kiến, cái chế độ ấy chưa hề xuất hiện trong lịch sử nước ta...".

Tra cứu trong nhiều tài liệu, chúng tôi thấy hai chữ "phong kiến" xuất hiện sớm nhất trong sử sách ở cuốn *Tả truyện* bên Trung Quốc, rằng: "Xưa Chu Công đau buồn vì Nhị thúc không quy phục, nên đã phong kiến (phong đất, dựng lãnh địa) cho thân thích để làm phiên giậu che chắn cho nhà Chu".

Và cũng giống như sự phân tích của hai tác giả trên, nhiều tài liệu đã ghi chép: Phong kiến có nghĩa là "Phong bang Kiến quốc", tức là phong đất đai và tước vị vương, đứng đầu một vùng lãnh thổ, một nước nhỏ. Thiên tử đem các vùng đất ngoài vùng thiên tử trực tiếp cai quản ra, phân chia phong cho các chư hầu. Chư hầu dưới ân trạch của vị "chủ thiên hạ" (thiên tử), kiến lập quốc gia và quân đội riêng. Đến lượt các chư hầu cũng vậy, trong quốc gia riêng của họ, họ lại đem các vùng đất ngoài sự cai quản trực tiếp của mình ra phân phong cho các khanh đại phu. Mục đích phong bang kiến quốc để cho các chư hầu làm lá chắn bảo vệ lãnh thổ của lãnh chúa phía trong. Cũng có những chư hầu được phong ban có quân đội sức lực riêng, rồi tạo phản xâm lược lại lãnh chúa như thời nhà Chu.

Nhưng chế độ phong kiến chỉ tồn tại trải ba đời các nhà Hạ, Thương, Chu ở Trung Quốc. Từ thời Tần Thủy Hoàng là đã phế bỏ phong kiến, bắt đầu đặt ra các quận huyện, nhằm giới hạn quyền lực của các chư hầu hay vương hầu, tránh họ lập quân đội tạo phản.

Đến đời sau, ngẫu nhiên cũng có phong bang kiến quốc cho hoàng thân quốc thích trong thời gian ngắn, nhưng đều không giống với ba triều đại cổ nói trên, nghĩa là vẫn nằm trong giới hạn quyền lực của trung ương. Có nghĩa là từ thời Tần Thủy Hoàng trở đi trong 2.000 năm là không tồn tại chế độ phong kiến nữa.

Các nước Á Đông khác như Việt Nam, Nhật Bản, Triều Tiên... đều theo mô hình *quân chủ thống nhất* của Trung Hoa từ đời Hán, Đường. Tuy trong lịch sử, các nước này cũng có những giai đoạn ngắn cát cứ, nhưng đó là các thế lực tự cát cứ tranh hùng, chứ không phải phong kiến do hoàng đế, quân vương phong đất dựng nước, lãnh địa một cách hợp pháp như thời phong kiến.



Tuy nhiên, ở nước ta, trước 1975 vẫn có nhiều nhà văn, nhà chính trị hiểu rõ những thời mà vua chúa trị vì, và họ gọi đó là "chế độ quân chủ". Trong tiểu thuyết dã sử *"Nặng gánh cang thường"* của nhà văn Hồ Biểu Chánh nói về bối cảnh thời vua Lê Thánh Tông (1460-1497), có đoạn:

"Thấy câu: 'quân bất minh, thân bất khả bất trung; phụ bất tử, tử bất khả bất hiếu' với câu: 'Quân xử thân tử, thân bất tử bất trung; phụ xử tử vong, tử bất vong bất hiếu' thì người đời nay, là đời tôn trọng hơn quyền, ai cũng đều lắc đầu chắc lưỡi.

Thanh Tông sanh trưởng trong vòng chế độ quân chủ ấy, học hỏi cũng trong nền giáo dục quân chủ ấy. Chẳng phải chàng không hiểu lẽ tử hôn thì là khi quân; chẳng phải chàng không biết lẽ cãi lời cha thì là nghịch tử. Chàng tự quyết tung dung để sa vào cái tội bất trung bất hiếu, ấy là vì chàng bị uất trong cái ái tình".

Sau khi từ "phong kiến" được sử dụng rộng rãi ở bên Trung Quốc từ những năm 20 của thế kỷ XX đến gần đây, tất cả các vấn đề liên quan đến truyền thống đều bị cho là "phong kiến" hay "tàn dư phong kiến". Đã có một thời, các phong trào "chống phong kiến" đã phá hủy khá nhiều những tinh hoa văn hóa truyền thống hàng ngàn năm của dân tộc, phá hủy tín ngưỡng vào Thần, Phật, Trời; các Thần Đất, Núi, Sông, Biển, thậm chí phá hủy tín ngưỡng thờ Tổ tiên. Mất đi tín ngưỡng Thần Phật, Nhân Quả... khiến cho con người không còn e dè sợ sệt điều gì, cái gì cũng dám làm, vì tiền tài danh lợi, vì tranh đoạt địa vị, danh tiếng mà tìm đủ thủ đoạn tàn sát nhau.

Chính vì không hiểu rõ từ "phong kiến" nên đã có một thời người ta đã hiểu sai, hành động sai, dẫn đến cực đoan, phá hoại hay tàn phá các di tích văn hóa lịch sử; bài xích những giá trị tinh hoa văn hóa, đạo đức truyền thống, vì quy hết thảy mọi thứ thuộc về quá khứ là "phong kiến" lạc hậu!

Từ ngữ cứ ngỡ đơn giản, dùng đúng sai cũng chẳng có ảnh hưởng gì, chẳng tác hại gì. Nhưng thực tế, từ ngữ là phản ánh nhận thức của xã hội. Nhận thức không chuẩn sẽ làm cho con người hiểu sai lệch lịch sử, văn hóa, nhân văn... có thể dẫn đến sự xuống cấp cho chính xã hội đó. ■



Nguồn: youtube.com

# Nhạc thiếu nhi của Trịnh Công Sơn

NGUYỄN VĂN TOÀN

**H**uế và Lâm Đồng là hai vùng đất in dấu trong những sáng tác âm nhạc dành cho thiếu nhi của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn (1939-2001).

## Huế là quê hương tuổi thơ

Huế là quê hương tuổi thơ của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn. Sinh ra ở Đăk Lăk nhưng từ bốn tuổi, cậu bé Trịnh Công Sơn đã theo gia đình ra Huế sinh sống. Tuổi thơ gắn liền với Huế nên nhạc sĩ Trịnh Công Sơn luôn có những hồi ức không thể xóa nhòa về mảnh đất nơi đây.

Nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng nhận định:

“Những năm tháng tuổi thơ ở Huế là những năm tháng đẹp nhất trong cuộc đời của Trịnh. Ông sống giữa tình yêu thương của gia đình, hít thở thiên nhiên Huế vàng son và thơ mộng... Nó chói lên ánh hồ quang của

một tiềm thức sâu thẳm với đường phượng bay tràn ngập sương mù, và những hàng cây thấp những ngọn nển màu xanh non”; và ông đã khẳng định: “Thiên nhiên mà mọi người biết sau này qua những ca khúc của Trịnh Công Sơn là một thiên nhiên Huế đã được tái tạo từ nỗi đam mê”.

Nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường thì hồi tưởng:

“Thời kỳ ở Bến Ngự, Trịnh Công Sơn thường ham mê thú vui đi bắt ve ve với một vài người bạn thân. Những con ve sống đời ấu trùng suốt bốn năm dưới những hang sâu tự khoét lấy trong lòng đất, đợi đến mùa hè để trưởng thành. Khi thân thể đã chuyển hóa thành hình con ve, chúng ngoi lên mặt đất đậu trên những cành cây, hát vang lừng những tuổi học trò cho đến một ngày đầu thu thì đời ve kết thúc. Suốt đời ve ve, nó chỉ biết ca hát, người ta thường mệnh danh nó là ‘ca sĩ mùa hè’. Đời nhạc

sĩ Trịnh Công Sơn như là một mô phỏng của đời ve, với tấm thân rỗng không, suốt đời chạy về phía chân trời tràn ngập tiếng hát ca”.

Sau này, nhạc sĩ Trịnh Công Sơn có bài hát “Tiếng ve gọi hè” khiến những em thiếu nhi cảm thấy xuyên xao khi mùa hè về, khi được vui thú với bạn bè suốt ngày sau những ngày tháng học tập vất vả:

“Khắp phố phường tiếng ve kêu hè hè hè. Và trong những tán lá me kêu hè hè hè. Chạy theo tiếng ve, từng cơn mưa về. Giọt mưa âm vang trên lá tiếng ve bay đầy trong gió. Giọt mưa long lanh trên những cánh hoa phượng thắm như màu ngọn cờ. Em đã mừng tiếng ve những ngày đầu mùa. Và em vẫy chào tiếng ve sau một mùa hè...”.

Ưu ái với mùa hè, nhạc sĩ Trịnh Công Sơn còn có bài hát “Mùa hè đến” với những ca từ thật dễ thương:

“Mùa hè đến những cơn mưa vội vàng qua. Phượng tươi thắm nhớ đời môi hồng mùa hạ. Có đây trong lá và trong gió. Bầy ve hát xôn xao phố nhà...”.

Những ca từ của bài hát “Mẹ đi vắng”, hôm nay nhớ lại, thật giản đơn đến thân thương:

“Mẹ đi vắng, mẹ đi vắng. Con sang chơi nhà bạn í a. Con cầm cây đàn con hát. Con cầm cây đàn con hát. Hát cho mẹ về với con. Hát cho mẹ về với con”.

Nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường nhớ lại:

“Cho đến tuổi thiếu niên, gia đình mới mua cho Sơn một cây đàn ghi-ta, điều mà lâu nay anh vẫn hằng mơ ước”.

Trong bài hát “Tuổi đời mệnh mỏng” của mình, nhạc sĩ Trịnh Công Sơn như nhớ lại tuổi thơ yêu dấu:

“... Thời thơ ấu, bướm hoa và chim cùng mưa nắng. Em đứng bên trời tự do, yêu đời thiết tha. Bao đường phố em qua nắng lên đứng chờ. Đường diu chân em đi đến những miền xa. Thăm ruộng đất bao la những làng quê cũ. Mùa cây trái níu chân về...”.

Ký ức về ngày Trung thu ở Huế cũng hiện lên trong những ca từ của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn:

“Trung Thu đốt đèn lên cho sáng. Cho bao con đường rộn vui. Đêm trăng với đèn lồng thay nắng. Em như giấc mộng giữa đời. Cùng nhau hát lên. Đường đêm xôn xao trống lân. Về thăm phố quen. Ngàn sao lung linh suốt đêm...”.

Cái tài của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đã khiến Huế - vùng đất trời đất giao hòa và lối sống từ tốn nhưng đầy ấp tình nghĩa của người dân được đưa vào ca từ để “quảng bá” đến với các thính giả nhỏ tuổi cả nước. Trong bài hát “Em sẽ là hoa hồng nhỏ”, cả đất trời, tính cách của người Huế như thu lại qua những ca từ:

“Trời mệnh mỏng đất hiền hòa. Bàn chân em đi nhẹ nhàng. Đưa em vào tình người bao la”.

### Theo nghề giáo ở Lâm Đồng

Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn từng theo nghề giáo tại tỉnh Lâm Đồng trong ba năm (1964-1967). Ông từng tốt nghiệp trường Sư phạm Qui Nhơn và thực sự giảng dạy; do đó, hẳn là ông có kiến thức và kinh nghiệm



về tâm lý trẻ em. Coi sóc, dạy dỗ một bầy trẻ thơ nên sau này những sáng tác dành cho thiếu nhi của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn luôn vui nhộn, hồn nhiên, trong sáng nhưng lại đậm chất trữ tình.

Sau khi mãn khóa, Trịnh Công Sơn lên B'Laio (nay là thành phố Bảo Lộc - tỉnh Lâm Đồng) dạy học tại trường sơ học Bảo An trong 3 năm (1964-1967). Trong bài viết “Trịnh Công Sơn với cao nguyên bụi đỏ sương mù”, nhà nghiên cứu Nguyễn Đắc Xuân, một người bạn của Trịnh Công Sơn đã mô tả về ngôi trường này như sau:

“Trường Bảo An có ba lớp 1, 2, 3, sĩ số mỗi lớp chừng vài mươi em, đa số học sinh là người dân tộc ít người, chỉ có dăm ba em là người Kinh. Cơ sở của trường có hai phòng đứng chơ vơ trên một bãi đất trơ trụi, mái lợp tranh, vách nứa”.

Thầy giáo Trịnh Công Sơn được “đào tạo chính quy” nên làm trường giáo. Những học sinh của thầy giáo Trịnh Công Sơn vì đa số là người dân tộc thiểu số nên phải thường nghỉ học để phụ ba mẹ làm nương rẫy. Thông cảm với sự nghèo khó của các em học sinh, dù phải cuốc bộ trên đường dốc mỗi ngày từ phòng trọ đến trường nhưng thầy giáo Trịnh Công Sơn vẫn dành thời gian dạy âm nhạc cho các em.

Trong bài viết nêu trên, tác giả Nguyễn Đắc Xuân thông tin:

“Từ hồi còn học Sư phạm, Trịnh Công Sơn đã sáng tác nhiều bài hát cho thiếu nhi. Lúc lên dạy học ở B'laio, anh lại sáng tác thêm nhiều bài nữa”.

Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn có bài hát “Ông tiên vui”. Không khó để chúng ta nhận ra “ông tiên vui” ở đây chính là thầy giáo Trịnh Công Sơn còn “em” là ký ức về những người học trò trường sơ học Bảo An:

“Ông tiên vui ông có cái râu dài. Đêm ông về nằm yên trên đỉnh mây. Ông tiên vui ông thường hay nói tới. Chốn thiên đình chẳng có tháng ngày trôi. Ông tiên vui ông có



*cái căn nhà. Bên lưng đôi thường khi ông ghé qua. Hôm em lên ông chợt đi đâu vắng. Khiến em buồn em nhớ đến ngân nga. Ông tiên vui nên tính ông hay đùa. Em xin quà thì ông hứa sẽ mua. Ông tiên vui ông thường cho em bánh. Bánh thơm bằng sương mát với ngàn hoa”.*

Thông tin “ông tiên vui ông có căn nhà” là để chỉ về nhà trọ của thầy giáo Trịnh Công Sơn tại B'lao. Đó là một ngôi nhà kiểu biệt thự mới xây trên khu đất khoáng đạt ở gần Ty Công chính Lâm Đồng mà thầy giáo Trịnh Công Sơn và một số người bạn đến thuê trọ.

Trong Hồi ký “Về một quãng đời của Trịnh Công Sơn” của Nguyễn Thanh Ty, một đồng nghiệp thời đó của Trịnh Công Sơn, các em học sinh trường sơ học Bảo An rất thích trò bần bi. Sau này nhạc sĩ Trịnh Công Sơn có bài hát về những hòn bi là bài “Như một hòn bi xanh”. Lời bài hát như phần ký không thể nào quên về những tháng năm ở Lâm Đồng của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn:

*“Như một hòn bi xanh. Trái đất này quay tròn. Căn nhà ta nằm nhỏ. Trong một lòng quê hương. Đây em trong mỗi con tim. Nhớ mang quê hương của mình. Như một hòn bi xanh. Trái đất này quay tròn. Đất già cho đời trẻ. Nên đời được yêu luôn. Như một hòn bi xanh. Trái đất này quay tròn. Nơi này ta cùng gặp. Những ngày buồn vui chung. Như một hòn bi xanh. Trái đất này quay tròn. Vô tình ta cùng chọn. Nơi này làm quê chung”.*

Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn còn có sáng tác rất hay về trẻ thơ là bài hát:

*“Đời sống không già vì có chúng em”.* Năm 1975, khi đất nước thống nhất, tâm hồn của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn dường như trẻ lại. Người thầy giáo năm nào đã

sống lại trong tâm trí của người nhạc sĩ tài danh này:

*“Vi có chúng em nên đời sống mãi không già. Vì có chúng em nên mặt đất luôn nở hoa. Bàn chân em đến giữa đời. Là thế giới thêm niềm vui. Bàn tay măng non bên người. Tim xóa những lo âu dài. Vì có chúng em như mùa xuân cho mọi nhà. Vì có chúng em nên đời sống như trẻ ra”.*

Những học sinh của thời đại mới trong “Khăn quàng thấp sáng bình minh” của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn thật đẹp và đầy ấp ước mơ hoài bão:

*“Kìa có con chim non, chim chơi ở sân trường. Ô chú chim xinh đẹp hót chào mừng xuân. Kìa các em thơ ngây như giấc mộng giữa đời. Lòng biết ơn bao điều cô thầy đã dạy. Học cho ngoan, lớn cho nhanh, bay vào đời xây dựng. Rèn đôi tay, chắc đôi chân lao động là vinh quang. Kìa các em xinh xinh, chân bước vội đến trường. Từng chiếc khăn em quàng thấp đỏ bình minh. Từng cánh tay măng non, đang xây ngày mai hồng, Đoàn thiếu nhi em là hy vọng Việt Nam”.*

Không chỉ dừng lại ở đó, nhạc sĩ Trịnh Công Sơn còn ưu ái dành cho các em thiếu nhi những sáng tác hay, vui nhộn, đậm chất trữ tình. Đó là các bài: “Vi bé ngoan”, “Ai ngoài cánh cửa”, “Tết tuổi hồng”, “Mừng sinh nhật”, “Em đến cùng mùa xuân”... Có thể khẳng định, những năm tháng theo nghề giáo tại tỉnh Lâm Đồng đã giúp cho nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, một người theo học chuyên ngành Tâm lý giáo dục trẻ em trường Sư phạm Quy Nhơn có thêm kinh nghiệm thực tế để sáng tác nên những bài hát thiếu nhi có sức lôi cuốn và đi cùng năm tháng. ■





# Tìm cha

TRẦN THỊ LINH CHI

**N**ăm 1946 cha tôi theo kháng chiến ra đi khi tôi còn là cô bé mười tuổi, theo mẹ tản cư về Đồng Xuyên cùng với hai em. Chúng tôi ăn nhờ ở đậu tại nhà một người cậu. Nhưng chẳng lẽ cứ ở mãi như thế, vì nghe nói chiến tranh còn kéo dài! Điều này mỗi đêm tôi thường trăn trở với riêng mình. Nhưng hôm nay tôi thấy mẹ cũng lo buồn. Tiếng mẹ cựa lưng trên chiếc chõng tre nghe như một nỗi đau quặn quại!

Tôi nhẹ bước ra cửa ngồi trên thềm đất. Một vài vì sao mờ nhạt ẩn náu phía trời xa. Tôi nhớ đến cha. Mùa đông đã chớm đến. Không biết bây giờ cha đang ở đâu!

Có bước chân của mẹ đến bên tôi và bà ngồi xuống. Tôi quay lại:

- Mẹ không ngủ à?

- Mẹ chỉ nằm không sao ngủ được. Đột nhiên mẹ nghĩ... hay là con thử đi tìm cha.

Tôi mở to mắt:

- Con đi tìm cha... Mà biết cha ở đâu?

- Cha đang ở Ty Ngân khố, đường B gì đó ngoài Thanh Hóa cùng anh con.

Mẹ lặng im một chút rồi tiếp:

- Tôi nhất cho con là mùa này con phải đi qua nhiều cánh đồng không mông quạnh, mới tới được con lộ

dẫn đến ga Văn Xá. Rồi con phải lên tàu “đi cộp”, con phải tìm cho được một người khách nào đó có vẻ hiền lành và cùng đi Thanh Hóa, con phải bám sát họ kẻo lạc mất thì nguy.

Tôi thẫn thờ nhìn khuôn mặt héo hon của mẹ với nỗi thương tâm!

- Vậy ngày mai con đi nghe mẹ?

Mấy ngôi sao trên trời đã lặn đầu mất, trời cũng sắp đổ mưa.

Đêm đó mẹ không sao ngủ được, bà thao thức trắng đêm. Tôi cũng không tài nào chợp mắt được, chốc chốc lại nghe tiếng thở dài của mẹ, hoặc trăn trở trên chiếc chõng tre. Chắc hẳn bà rất đau khổ khi phải sai tôi đi tìm cha... trong hoàn cảnh không thể khác được. Còn tôi, tôi cũng nao nức muốn gặp cha. Người ta nói đi kháng chiến còn phải tay súng tay cày, nhưng cha tôi là một nhà văn, liệu ông có thích nghi với hoàn cảnh? Tôi phải tìm cho được cha thân yêu của tôi. Tôi sắp xếp mọi việc trong đầu, toàn là những điều tưởng tượng cho chuyến đi ngày mai.

Qua hôm sau, mẹ cho tôi ăn bữa cơm tối lúc ba giờ chiều. Mẹ nói:

- Con ăn sớm một chút cho kịp chuyến tàu ra Thanh Hóa vào sáu giờ tối nay.



Mưa bụi vẫn còn lai rai. Mẹ tiễn tôi ra tận cuối làng. Khi những ô ruộng lấp xấp nước đã hiện ra, tôi xin mẹ hãy trở về. Mẹ muốn đưa tôi tận ga Văn Xá. Tôi nhìn mẹ, khẩn khoản:

- Nếu mẹ đưa con đến tận ga, khi trở về mẹ sẽ đi qua những cánh đồng tối mịt, làm sao con yên tâm?

Mẹ tôi dừng lại. Tôi chạy quanh qua bờ ruộng và khi quay lại mẹ vẫn còn đứng đó rồi mờ dần trong màn mưa trắng xóa. Tôi đâu muốn khóc mà hai dòng lệ tu nó ứa ra.

Tôi lầm lũi đi qua những cánh đồng gió tạt mưa xuyên, nhìn những cánh ruộng thấy người ta chỉ trồng rau cải hành họ. Tôi bỗng nhớ những câu hát của mẹ tôi rồi tự hát:

*Mưa lâm thâm ướt đầm lá họ  
Em thương người có mẹ không cha.*

Giá có được một buổi chiều nắng vàng hiu hắt, ít ra tôi cũng có được một cái bóng của mình để làm bạn đồng hành. Ở đây giữa mưa dầm gió bắc. Như kẻ bị tách ra làm hai, tôi cảm thương người con gái đó vô cùng.

Tôi vừa chợt nhận ra con đường cái có hàng cây dẫn đến ga Văn Xá. Tôi sờ cái túi có một bộ quần áo và mấy củ khoai từ còn nóng mà mẹ vừa nấu cho tôi hồi chiều, tôi mang cái túi lên vai và cảm thấy lòng mình bớt lạnh lẽo!

Rốt cuộc rồi tôi cũng lên được xe lửa và tôi đang đứng lấm lét trên một toa tàu hạng bát. Bỗng tôi nghe một tiếng gọi đặc sệt giọng Huế của một bà già xem ra còn rất khỏe:

- “Dò”<sup>1</sup>, “dò”... chuyên giùm bà mấy cái giỏ!

Tôi tiến lên tiếp tay cho bà. Sau khi đã an vị trong một xô kẹt rồi, tôi vội làm quen và hỏi:

- Dạ thưa bà đi mô mà xách nhiều đồ đạc rứa?

- Bà ra Thanh, chiến tranh sắp nổ to rồi, bà dọn sạch

“dà”<sup>1</sup> của ra Thanh ở với con gái cho có mẹ có con.

Trống ngực tôi đánh thùm thụp bởi nỗi vui mừng to lớn đó. Tôi đã có bạn đồng hành khỏi bị lạc, điều mà mẹ tôi lo nhất. Tôi xếp lại mấy cái giỏ cho ngay ngắn giùm bà rồi hỏi:

- Thanh có phải là Thanh Hóa không bà?

- Phải!

- Cháu cũng đi Thanh nhưng không có tiền mua vé sợ người ta đuổi xuống...

Bà nhìn sát vào mặt tôi và hỏi:

- Cha mẹ mô mà cháu đi một mình?

Tôi lựa lời:

- Dạ, chiến tranh loạn lạc, cháu đi tìm cha cháu...

Bà chuyển nhìn tôi với đôi mắt hiền từ:

- Không sợ chi mô, tuổi cháu còn “dỏ” mà.

Bà nhìn quanh toa tàu rồi tiếp:

- Toa hạng bát ni, người chất đống như gà vịt. Chẳng ai để ý một đứa còn “dỏ” như cháu!

Khi người xếp ga xách cái đèn lồng dầu lửa đi qua, quả thật ông không đếm xỉa gì con nhỏ là tôi đây đang cố thu mình trong xô kẹt. Bây giờ tôi mới thật sự yên tâm. Tuy nhiên, tôi có một điều lo lắng khác nữa là: Từ ga Thanh Hóa đến Ty Ngân khố gần hay xa, tôi mù tịt.

Tôi đang ngủ gà ngủ gật thì có tiếng nói xôn xao:

- Đến ga Thanh Hóa rồi!

Con tàu từ từ chậm lại, Bà cụ vội hỏi tôi:

- Cháu về mô?

- Dạ cháu đến Ty Ngân khố đường B.

- Được rồi, cháu xách hai cái giỏ theo bà, ta ra đi xe thổ. Bà đưa cháu đến đó, có hơi ngược đường một chút, nhưng không hề chi mô.

Tôi như trút trọn vẹn nỗi lo âu. Tôi đeo cái túi nhẹ tênh của tôi lên vai và hai tay xách hai cái giỏ nặng chạy lon ton theo bà.

Thời gian như dài vô hạn khi tôi đã ngồi trên vạt cỏ trước mặt Ty Ngân khố. Sương khuya làm tôi lạnh cóng. May mà trời không mưa. Tôi định lấy một củ khoai từ ra ăn, không phải để cho đỡ đói mà cho đỡ buồn. Nhưng một ý nghĩ khác chợt đến: Lỡ như cha không có mặt ở đây thì sao? Như vậy mình sẽ cùng đường cạn lối! Tôi cảm thấy nghẹn cả cổ. Tôi đứng lên đi đi lại lại khi sương đêm dần tan. Rồi một chút tia sáng mặt trời vừa nhô lên sau hàng cây, lóe lên trong tôi một chút hy vọng!

Cổng Ngân khố mở ra. Đã có vài nhân viên đi làm sớm. Tôi đứng bên lề đường nhìn kỹ từng người một khi họ đạp xe vô cổng, chẳng thấy đâu cái dáng vẻ của cha mình... Tôi vô cùng sốt ruột và có một quyết định liều lĩnh: Ra chặn xe từng người một để hỏi thăm về cha, dù xe có tông vào mình cũng chẳng sao!

Tôi vừa thấy một chiếc xe băng vào cổng, tôi dang hai tay ra. Xe dừng lại cái két. Tôi hỏi ngay chú thanh niên:

- Thưa chú... Xin chú chỉ dùm cháu, cha cháu là nhà văn Trần Thanh Mại có làm việc ở đây không?

Chú ấy nhìn tôi từ đầu đến chân, rồi gạt đầu đưa tay chỉ lên cao:

- Ông ở trên lầu ấy!

Ôi! Ôi! Tôi đang mơ hay là thật đây? Cha ơi, con của cha đây. Tôi giấu mặt trong hai bàn tay và khóc một cách tức tưởi, rồi chùi nước mắt bằng hai tay áo... Cũng không ngờ chú thanh niên ấy từ nãy giờ vẫn đứng yên bên chiếc xe đạp. Chú nhẹ nhàng bảo tôi:

- Cháu chờ đây một chút, cha cháu sẽ xuống ngay.

Một lát sau cha tôi ra tận ngoài cổng, ngồi xuống nhìn vào mặt tôi:

- Cha ơi!

Cha tôi cười với ánh mắt thương yêu. Khi bàn tay lạnh buốt của tôi được tay ông siết chặt, tôi cảm thấy thật an toàn.

Ông đứng lên dẫn tôi vào cơ quan và bước lên lầu vào phòng nơi hiện ông đang ở. Ông kéo ghế cho tôi ngồi trước một đĩa xôi đậu. Ông nói:

- Con ăn đi kẻo đói cái dạ. Cha sẽ nhờ người nhà nấu cho con một ấm nước. Tắm xong con ngủ một giấc.

Tôi vừa ăn vừa kể chuyện lung tung... về mẹ và hai em, chuyện vượt qua mấy cánh đồng, đi tàu lửa "cộp", gặp cụ già tốt bụng, ngồi đợi cha mấy tiếng đồng hồ dưới sương đêm.

Ông lắng nghe một cách chăm chú và có vẻ dăm chiêu. Ông nói:

- Con đi ngủ cho đỡ mệt, trưa cha về đưa con đi dạo phố, rồi ăn cơm trưa ở quán ăn.

Tôi bỗng nhớ đến anh và hỏi:

- Anh Lộ con đâu?

- Anh con đang ở chùa Mật<sup>2</sup>, cách đây khoảng mười lăm cây số. Chiều nay ta sẽ đến đó...

\* \* \*

Tới khu hàng vải, cha tôi ghé mua cho tôi mấy thước vải Tàu tám để may cho tôi một quần trắng và một chiếc áo dài màu mận chín. Ăn cơm xong cha tôi đèo tôi bằng xe đạp lên chùa Mật.

Buổi trưa mùa đông tiết trời mang mang lạnh. Có những sợi nắng vàng vắt qua vai, ngỡ như chiếc khăn lụa làm bằng tơ mỏng đang quấn hờ vào cổ. Tôi nhìn con đường thẳng tắp chạy dài giữa hai hàng cây xanh. Tôi hết sức thích thú khi cha tôi nói:

- Chùa Mật kia rồi!

Những ngày ở chùa Mật, hai anh em tôi thường đi dạo quanh vùng. Xa xa có những trái núi hình người đàn bà đứng chon von trên đỉnh cao như người thiếu phụ trông chồng. Tôi bỗng nhiên nhớ đến mẹ! Mẹ đang chờ cha ở trong tim mình, và hiện đang chờ tôi nơi góc cụt từng ngày một.

Tôi muốn trở về và đem ý định này nói với anh tôi. Anh tôi bảo:

- Em ráng chờ thêm vài ngày nữa... Có lẽ cha chưa đủ tiền nên còn phải vay mượn thêm. Ban ngày cha

phải làm việc cho Ty Ngân khố; buổi tối đi dạy ở một số trường tư thục; về đến nhà còn phải viết báo, viết sách, soạn bài. Anh giận mình chẳng giúp ích gì được cho cha!

Hôm sau cha tôi trở về sớm hơn mọi ngày. Cha gọi hai anh em tôi đến và bảo:

- Hai anh em con hãy sửa soạn hành lý, sáng mai tám giờ có tàu về Huế.

Chờ chúng tôi ăn sáng xong, ông dặn rất kỹ với anh tôi. Tôi nghe mang máng như anh phải lên Thiên Mụ qua Nguyệt Biều ngược lên Nam Giao để gặp chú tôi và nhiều điều quan trọng khác... Ông bỏ vào túi tôi một xấp tiền đã gói cẩn thận rồi gài bằng chiếc kim băng. Tôi thấy vẫn chưa được ổn nên cho tất cả vào trong chiếc quần trắng của tôi. Xong rồi tôi lấy cái áo dài mận chín mặc ra bên ngoài.

- Vậy mới an toàn!

Cha tôi cười khen:

- Con giỏi lắm.

Cha tiễn hai anh em tôi lên ga, trong khi tàu chuyển bánh, bàn tay ông đưa lên vẫy vẫy và miệng cười vui... Tôi ngoái đầu ra xe cũng vẫy tay chào tạm biệt cho đến khi hình ảnh ông mờ dần...

Xe lửa vừa đến Đồng Hới anh em tôi mới biết đường sắt bị gián đoạn, chuẩn bị cho cuộc kháng chiến toàn quốc. Chúng tôi phải đi về bằng đường sông. May mà anh em tôi gặp được một chủ thuyền tốt bụng đã cho chúng tôi quá giang. Thuyền đi cũng khá vất vả. Chỗ sâu thay nhau chèo, chỗ cạn cùng nhau đẩy. Cho dù có lên thuyền hay xuống thuyền, tôi vẫn luôn luôn giữ chặt gói tiền.

Tôi thật hồi hộp khi cái hàng rào bông cỏ nhà cậu tôi vừa hiện ra. Tôi đi có mười ngày mà thấy dài như mười năm! Đầy cái cổng tre một bên, người đầu tiên tôi thấy là em Mẫn.

Tôi chạy đến ôm em, đứa em út vừa tròn năm tuổi.

- Em ngồi làm cái chi ở đây?

- Em đếm coi thử mấy cái sao ở trên trời và chờ chị!

Mẹ tôi từ trong nhà chạy ra cùng với em Đào, bà nhìn tôi hơi khác lạ. Có lẽ vì cái quần trắng và chiếc áo dài màu mận chín xinh đẹp. Việc đầu tiên là tôi cởi cái áo dài, từ từ rút cái túi trong chiếc áo cộc ra khỏi quần, mở kim băng, đưa tận tay mẹ gói tiền cha tôi gửi.

Tôi nói với mẹ:

- Anh Lộ có về cùng với con, nhưng không thể ghé Đồng Xuyên được vì phải làm nhiều công việc cho cha. Mẹ yên tâm, anh khỏe mạnh, hồng hào và chăm học.

Tôi ngồi bệt xuống thêm đất. Mẹ và các em đều ngồi xuống theo. Tôi bắt đầu kể hết mọi chuyện và cảm nghĩ của mình từ khi ra đi...

Tiếng gà đã gáy rộn trong thôn. Dưới ánh trăng mờ nhạt của một đêm cuối đông, tôi vẫn thấy được hai dòng lệ của mẹ vừa ứa ra. Lòng tôi thì lại nhẹ nhàng êm ả vì đã làm xong một nhiệm vụ: Đi tìm cha... ■



# Ai hát nấy nghe

NGUYỄN ANH KẾT

Sân khấu bé tẹo được dựng lên từ mấy miếng ván vụn, trang trí thêm vài bông hoa vài góp nhặt đủ sắc màu, cái bóng đèn bằng trứng hột vịt không đủ làm cho sân khấu sáng hơn. Nhưng cứ đến chiều thứ Bảy là mọi người trong xóm lại nhấp nhúm rủ nhau ngồi chờ sân khấu sáng đèn, mình cũng từng hòa vào đám đông với niềm háo hức khi ông “Mờ Cờ” cây nhà lá vườn cầm mic bắt đầu cho chương trình “Hát với nhau nghe”.

Tờ giấy đăng ký bài hát nhàu nát, tên tuổi “ca sĩ” cứ chằng chịt quấn lấy nhau. Ai đến sớm thì được đăng ký trước và dĩ nhiên ông chủ quán cũng ưu tiên cho khách ngồi uống nước được hát trước. Tụi trẻ con không có tiền uống nước cứ đứng phía trước sân khấu, chu mỏ nhìn lên. Có người còn mang theo cả cái ghế lại ngồi từ phía xa nhìn vô.

\*\*\*

Ông chủ quán chỉ nở một nụ cười, đồng người thì càng vui chớ gì. Mình ngồi dưới sân khấu nhìn lên, từ người già đến người trẻ cứ lần lượt bước lên sân khấu,

họ hát say sưa cứ như công việc đồng áng ban chiều không làm họ hụt hơi khi lên câu vọng cổ, cũng chẳng ăn nhằm gì trong lúc họ xuống xề.

Ông chủ biết chiều lòng khách bằng cách xen lẫn với nhau giờ hát tân cổ giao duyên với giờ tân nhạc. Tuần thì tân cổ trước, tuần sau thì tân nhạc mở màn. Hôm nào hát tân cổ giao duyên trước, mấy bà mấy mẹ lại í ới gọi nhau đi dài dài theo xóm.

Xế chiều, mình đã nghe trong họ xoắn xang về cuộc hẹn “hát cho nhau nghe”, ai cũng cố gắng việc nhà từ sớm hay họ cũng tranh thủ nhắm lại mấy chỗ hát còn sai lời trật nhịp trong lúc rửa chén, quét nhà. Mình ngồi giữa đám đông, chốc chốc lại có một bàn tay vỗ vào đùi đen đét “con nhỏ ca thiệt mùi”, “cái thằng lấy hơi y chang Minh Cảnh”... Mấy cô gái ngại ngùng nhìn ông thầy đồn “có gì anh vớt em nhen”. Mình thấy họ trong ngần, vô tư trong từng cách ra bộ, mấy câu thím Sáu hát trong vở tuồng “Võ Đông Sơ - Bạch Thu Hà” cũng đủ làm mình buồn tan nát.

\*\*\*



Nguồn: dkn.tv

Mình thường ngồi đến lúc tan chương trình. Có vài người đã bỏ về trong lúc ông chủ quán đổi sang giờ tân nhạc, thường là mấy cụ già đã mỏi mê với cơn buồn ngủ kéo dài hay đứa trẻ trên tay của họ đã ngoẹo đầu, nước miếng chảy dài. Mấy anh thanh niên trong xóm cũng nhân cơ hội tỏ tình với các cô gái bằng một ca khúc trữ tình kèm theo lời nhắn "*bài hát này mình xin gửi tặng đến bạn T. và mong bạn hiểu được nỗi lòng của mình*".

Cô gái tên T. giả đồ ngó lơ trong khi tụi bạn cứ bụm miệng cười không ngớt. Mấy nhánh bông sau một hồi chờ đợi cũng đến tay người nhận, cành lá tả tơi mà người nhận vẫn cứ cười tươi roi rói. Cái sự xơ xác đó chẳng là gì khi chàng thanh niên đứng gãi đầu trao bông cho con gái. Mình chứng kiến không biết bao nhiêu chuyện tình đẹp như thế. Có người thành đôi, có người còn ôm cái tập chép lời mấy bản nhạc "người ta" tặng vào lòng đi suốt cả một quãng đường đời. Những lời hứa cho tuần sau, tuần sau nữa cứ rôm rả cả buổi đi về. Sự chờ đợi cứ luôn chực chờ trong lòng dạ mỗi người. Mình cũng từng gặp những lần họ xa cách nhau vì lời hứa nhưng người kia vẫn đứng chờ, vẫn leo lên sân khấu với lời nhắn nhủ y chang mọi khi...

\*\*\*

Cho đến một ngày cái chương trình "Hát với nhau nghe" của ông chủ quán ngoài ngã tư đã thành dĩ vãng.

Người ta đâu còn cảm giác chờ đợi mỗi tối cuối tuần, nhà nhà người người đều có dàn karaoke. Người ta đua nhau mua sắm y như đem con đi tiêm ngừa, không có tiền thì vay vốn chăn nuôi về mua cho bằng được.

Đám tiệc giờ, đâu đâu cũng có dàn "kẹo kéo" chơi hết mình. Người ta tranh nhau lên hát, tân nhạc cổ nhạc loạn xạ ngẫu, mạnh ai nấy hát, nghe hay không thì tùy. Mấy đám thanh niên quá chén tranh nhau hát, có người hát trùng bài nhau lại lòi nhau ra đồng "vật lộn" hay bữa có ông già nhậu say cầm khư khư cái mic chẳng nhường cho ai. Đám bạn nhậu "mắc hát" bực mình ném vô đầu nhau vài chai rượu. Mình đứng giữa cuộc vui vừa tàn, bàn ghế xơ xác, đám trẻ trong nhà khóc ré mà tiếc đầm đìa giây phút ngày xưa. Đành nhủ với lòng, mình đâu thuộc về nơi này.

\*\*\*

Ông chủ quán "hát với nhau" gặp mình thờ dài. Ông bỏ cuộc sau những lần tìm lại ngày xưa, cái quán nhỏ mấy lần lợp dờ cũng biết buồn khi khách khứa vắng tanh. Ông bà chủ vẫn xếp vài cái bàn bày mấy chiếc ghế, ngày bán vài ly nước cho khách đi đường để quán bớt cô đơn. Mình với ông chủ kể chuyện ngày xưa, bà chủ quán cười toe toét những lúc châm thêm đá vô cho mình.

Lúc mình rời đi, ông bà chủ đưa ra tận cửa, cái nhìn lưu luyến cứ theo mình trên suốt dọc đường về, câu nói với theo của ông chủ quán làm mình day dứt "bữa nào rủ tụi nó lại, mình lai rai rồi hát cho nhau nghe".

\*\*\*

Nghĩ, ông bà chủ quán chắc còn buồn lâu với những ký ức ngày xưa. Vì người ở lại bao giờ cũng sống cùng quá khứ. Mấy cuộc mạnh ai nấy hát đâu có làm mình dừng lại. Không biết cái quán nhỏ ngoài ngã tư còn ở đó được bao lâu? ■



Nguồn: arteco.net.vn



## Mưa chiều...

TRẦN THƯƠNG TÍNH

Vội vã cơn mưa chiều  
Người về không chỗ trú  
Con mèo vàng ngái ngủ  
Bên bếp nghèo quê hương

Ngọn khói chiều vẫn vương  
Quyện vào mưa bối rối  
Con đường về chung lối  
Mà người thành xa xăm

Con đò quê lặng thẳm  
Chờ ngày đi mãi miết  
Cánh lục bình tím biếc  
Nú vào người mênh mộng

Ta về ngang cánh đồng  
Lúa đương mùa nặng hạt  
Ngọn gió đồng thơm ngát  
Mùi đất mẹ thân thương...

## Gọi

ĐỖ TẤN THẢO

Con lật đật chồn tà phiên  
Vô ưu bay lạc chim quỳên gọi bầy  
Gọi đêm trắng sáng hao gầy  
Gọi vườn cây thả lên ngày bóng xiêu

Gọi bình nguyên đắm hoang liêu  
Nở cành hoa tím dẹt chiều đang rơi  
Tiếng chuông vừa thả buông lời  
Đã nghe vang vọng giữa đời cõi yêu

Nghe thiêng liêng đượm hắt hiu  
Nghe ám áp những tiêu điều xác xơ  
Bông trầm êm những giấc mơ  
Ngân dài qua những bờ vơ lạc loài

Đá ngơ ngẩn tuổi trát đời  
Mà rêu trượt thớ xanh hoài thác ru  
Lá rơi sao gọi trời thu?  
Mà nghe gió hát đến từ hư không.

## Vàng trắng chợt hiện

TỊNH BÌNH

Giọt buồn hay nước mắt rơi  
Tiếng chim khắc khoải vọng lời từ quy  
Tàn con diễm mộng mùa đi  
Mưa rơi thánh thót giọt gì mắt cay

Gió xa như tiếng thở dài  
Năm năm tháng tháng mờ phai mắt rồi  
Vòng quay miên viễn luân hồi  
Xòe tay hứng giọt mưa cõi lung trời

Nhật sầu trái nắng hong phơi  
Lau khô dòng lệ chưa vơi đại khờ  
Chờ đêm rình mộng tìm mơ  
Bước chân xa mãi bến bờ cố hương

Nghe đêm thở giấc miên trường  
Cánh chim cô lữ kêu sương lạnh lung  
Vàng trắng vô thủy vô chung  
Bồng đầu chợt hiện bạn cùng với ta...

## Tháng mười

NGUYỄN MINH THUẬN

Tháng mười trời đất giao mùa!  
Thu đi để lại cơn mưa thật hiền  
Từng giọt tí tách ngoài hiên  
Dịu dàng tưới mát lên miền ca dao!

Tháng mười màu nắng hanh hao!  
Neo trên vai mẹ gian lao miệt mài  
Bước đi qua khắp nẻo dài...  
Mùa sương rơi lại khi ngày chớm đông...

Tháng mười thao thiết mênh mộng!  
Nghe con gió bắc bênh bông đan tay  
Choàng lên đôi vai mẹ gầy  
Để lòng con trẻ dâng đầy xót xa!

Tháng mười về với quê nhà  
Nhìn màu tóc mẹ phai pha đi nhiều...  
Dáng hình gầy guộc liêu xiêu!  
Như từng sợi khói trong chiều... mẹ ơi!

Tháng mười lặng lẽ buông rơi!  
Ta về gom sợi nắng phơi trước thềm  
Cho mùa đông thôi lạnh thêm  
Cho cuộc đời mẹ ấm êm tháng ngày.

## Lời cho anh...

HUỲNH THỊ MỘNG TUYỀN

Anh ơi ở lại quê nghèo  
Bến sông em đợi nhịp chèo em khua  
Đồng sâu mưa nắng ngày mùa  
Cha còn vất vả những trưa nhọc nhằn

Anh ơi đêm sáng nhờ trăng  
Võng khuya chờ những trong ngần lời ru  
Vườn nhà ngọn gió vi vu  
Mẹ ngồi xoa tóc khảm lừ mùi quê

Anh ơi vẹn giữ câu thề  
Trầu cau thắm đượm lối về chung đôi  
Con sông bên lở bên bồi  
Em ngồi giặt áo nước trôi xuôi dòng

Anh ơi lúa trổ trên đồng  
Có mùa cơ cực vợ chồng sẻ chia  
Đường đời sương gió ngoài kia  
Bàn tay giữ chặt chẳng lia bến quê...

## Khúc tịnh viên

TRƯỜNG KHÁNH

Giọt nắng hạ chao nghiêng,  
Bướm bay trước cửa thiền,  
Thoảng nghe lời kinh gọi,  
Chôn an nhàn tịnh viên.

Giữ lời nguyện thuở trước,  
Chèo ngược chuyến đò đời,  
Thế tục gia quyết bỏ,  
Nương cửa thiền nghỉ ngơi.

Ngồi ngồi đôi mắt sáng,  
Tỏa rạng đầu nhân từ,  
Nhiếp tâm về lối giác,  
Vui thảnh ngày tịnh cư.

Dầu nhất như trước mặt,  
Chuông từ bi ngân nga,  
Ai ru êm giai điệu!/?  
Đượm hương từ thiết tha.

Dầu mạn mà thiền khúc,  
Âm vực giải thoát ca,  
Tịnh viên chiều nắng nhạt,  
Lối ta về hôm qua.

## Tự khúc ngày về

HUỲNH THỊ KIM CƯƠNG

Ta đứng lặng buổi chiều không nói  
Hoàng hôn rơi lấp lúng chân đồi  
Bầy chim kim xuôi dòng nước chảy  
Mái dầm khua từng nhịp lở bồi

Ta đứng lặng hiên nhà ướt dầm  
Đường quê xao xác lá vàng rơi  
Gặp lại tuổi mình qua nước mắt  
Ấu thơ xưa bỗng hóa xa xôi

Ta đứng lặng triền đê lộng gió  
Ngực căng đầy dư vị nhà quê  
Con bù nhìn bên đời lặng lẽ  
Mái tranh thao thức cuộc đi về

Ta đứng lặng nhìn mùa trôi mãi miết  
Vội bàn tay không giữ nổi bóng mình  
Nhặt mảnh thời gian trong chiều vụn vỡ  
Dấu chân gầy người bước vội về đâu?



# Anh em tôi

LÊ THỊ XUYÊN

Chúng tôi là hai anh em, anh tôi hơn tôi ba tuổi. Ba tôi là thợ cắt tóc. Mẹ tôi buồn bán trái cây ngoài chợ. Tôi và anh trai tôi hàng ngày được đến trường học rồi về nhà giúp đỡ ba mẹ công việc nhà. Anh em tôi rất thương yêu nhau; mọi vui buồn, chúng tôi đều chia sẻ với nhau. Tôi đã từng hí hửng sung sướng nói với ba mẹ trong bữa cơm gia đình về niềm ao ước của chính mình:

“Con muốn gia đình mình hạnh phúc như thế này mãi mãi”.

Ba tôi nhìn mẹ, nhìn anh em tôi, mỉm cười, khẽ gật đầu. Bàn tay ba nắm chặt bàn tay mẹ, tuy không nói nhưng đủ để tôi cảm nhận được ba mẹ sẽ đem đến điều anh em tôi ao ước.

Nhưng rồi có một thời gian, mẹ tôi vào Nam tìm công việc mới, ba vẫn ở nhà quán quanh với nghề cắt tóc. Chẳng biết từ lúc nào, mối quan hệ giữa ba mẹ của anh em tôi đã rạn nứt. Ba mẹ giấu anh em tôi chuyện hai người ly thân. Anh em tôi quá nhỏ để có thể hiểu và đón nhận cú sốc ấy. Chỉ biết rằng ba đã rất hần học. Đã có lúc ba phê bình mẹ bằng những lời lẽ rất khó nghe. Ba đã từng vút hết đồ đạc, quần áo và những gì thuộc về mẹ ra sân, ra ngõ.

Sau khi từ trong Nam về, mẹ lâm lũi, ít nói, hai mắt sưng húp vì khóc nhiều. Mẹ chỉ im lặng. Sự im lặng đến tội nghiệp. Rồi một ngày, mẹ vội vã thu dọn đồ đạc. Mẹ chỉ kịp nói với anh em tôi “Mẹ về ngoại. Hai anh em ở lại nhớ phải ngoan ngoãn, nghe lời ba và sống tốt”. Mẹ đi như chạy, không quay lại nhìn chúng tôi một lần. Ba lặng im ngồi như bức tượng giữa nhà. Anh em tôi, đứa chạy theo níu áo mẹ, đứa chạy vào van xin ba và rồi chỉ biết đứng ôm nhau tức tưởi khóc.

\*\*\*

Chúng tôi nhớ mẹ nên chẳng thể ngủ được. Nằm bên anh Hai, nước mắt tôi chảy ròng xuống gối. Tôi ôm chặt lấy anh, lòng buồn não nuột.

Ba tôi nằm ở nhà ngoài và thường ngủ rất muộn. Những việc ba làm, những điều ba nghĩ, anh em tôi đều không thể biết được. Ba vốn nóng nảy, cục mịch, lại ít nói. Mà một khi đã nói thì lời của ba nặng như chì. Ba suốt ngày im lặng. Điều đó khiến chúng tôi sợ hãi chẳng dám lại gần. Thỉnh thoảng, tôi vẫn lén nhìn trộm ba. Những hôm không có khách đến cắt tóc, ba thường ngồi thất

thần, mắt đăm chiêu nhìn dòng người và xe qua lại trên đường, tay cầm điều thuốc lá đều đều đưa lên rít những hơi thật dài, ngửa đầu thả khói vòng vèo trên không. Ba đang nghĩ gì? Chỉ có ba mới biết. Nhiều khi tôi định bước đến bên ba để hỏi chuyện nhưng rồi sự nhút nhát, sợ hãi khiến tôi từ bỏ ý định. Chỉ trừ trong mỗi bữa cơm, ba nhắc chén, cầm đũa lên rồi liếc nhìn hai đứa tôi, lạnh lùng bảo “Ăn cơm đi!”. Chúng tôi cũng chỉ lặng lẽ vâng lời; chẳng đứa nào dám nhìn ba. Bữa cơm từ ngày mẹ đi trở nên ảm đạm, lạnh tanh, qua loa, nhạt nhẽo và đáng sợ.

\*\*\*

Anh tôi lay người tôi khi tôi đang bắt đầu thiu thiu:

“Này... anh em mình sang nhà ngoại thăm mẹ đi! Anh nhớ mẹ lắm! Không biết mẹ ở nhà ngoại thế nào?”.

Tôi sung sướng khi nghe anh đưa ra lời đề nghị; vì tận đáy lòng, tôi muốn đi thăm mẹ từ lâu. Cũng như anh, tôi nhớ mẹ đến quay quắt.

“Nhưng... Lỡ mà ba biết được, ba đánh chết cả hai anh em!”.

Chả là mấy hôm trước, thấy hai anh em tôi và ngồi ở bậu cửa ngõ ra, mặt buồn như đưa đám, hình như ba biết điều chúng tôi đang nghĩ. Ba rào trước đón sau:

“Nếu tao biết được anh em mày bày mưu tính kế gì giấu tao thì chỉ có nước no đòn!”.

Chúng tôi sợ mặt nhìn nhau, sợ khiếp vía, chẳng dám ho he bất cứ ý định gì.

“Đừng sợ”. Anh tôi nắm tay tôi, trấn an. Anh em mình sẽ cùng nhau nghỉ học một buổi để đi thăm mẹ. Phương tiện sẽ là chiếc xe đạp mẹ để lại. Anh tính rồi. “Đoạn đường từ nhà mình sang nhà ngoại khoảng mười cây số. Mình chỉ cần đến nhà ngoại, được nhìn thấy mẹ, nói chuyện với mẹ một lúc thôi rồi sẽ lại về đúng giờ tan học. Ba sẽ không biết được đâu”.

“Nhưng... em sợ”.

Tôi lo lắng. Anh tôi cũng hiểu vì biết tôi vốn là đứa trẻ nhút nhát.

“Sợ gì! Mọi thứ để anh lo”. Anh tôi vỗ nhẹ vào vai tôi khích lệ. “Thôi, ngủ đi!”. Giọng anh thật dứt khoát khiến tôi chỉ biết cách im lặng và nghe theo.

\*\*\*

Anh chở tôi trên chiếc xe đạp cà tàng màu xanh dương của mẹ. Chúng tôi đi hết đoạn đường ngang qua cánh đồng sau vụ. Rơm rạ ngổn ngang, xơ xác; thoảng hương ngai ngái, thơm thơm. Tiếp đó, chúng





tôi phải vượt qua chiếc cầu bắc ngang con sông quê. Con sông phẳng lì, lấp lánh ánh nắng vàng phai cuối thu. Rồi lại một đoạn đường xi-măng trắng toát, bằng phẳng; thêm con đường đất ngoằn ngoèo, uốn lượn nữa. Anh tôi dốc sức đạp xe, mồ hôi tứa ra như suối. Tôi ngồi phía sau, gió thổi ngược chiều, nghe rõ mồn một những vòng quay bánh xe chậm chạp, lách cách; nghe rõ mùi mồ hôi nồng nồng sau lưng áo anh mát rượi. Lòng tôi rấm rứt thương anh. Dù mệt lả, khi đi qua những đoạn đường có ổ gà, ổ trâu, anh lại không quên nắm tay ôm chặt lấy anh kéo ngã. Hai hông tôi đau ê ẩm vì đường dẫn và xóc nhưng biết rằng sẽ không thể nào mệt bằng anh, thế nên tôi im lặng và dạ vâng ngoan ngoãn.

“Mẹ! Mẹ!”

Anh tôi dựng vội chiếc xe đạp bên cạnh cây rơm vàng đầu ngõ nhà ngoại rồi chạy đến ôm chầm lấy mẹ. Mẹ đang ngồi sàng lúa ở góc sân. Tôi cũng lập cập chạy theo, miệng líu ríu gọi “Mẹ ơi!” như chú chim non tũn thân sau những ngày đằng đẵng xa cách mẹ. Mẹ sụt sùi khóc. Trong vòng tay mẹ, anh em tôi cứ thế nức nở.

Mẹ bảo, dù mẹ và ba không sống chung với nhau nữa nhưng vẫn yêu thương chúng tôi, vẫn sẽ lo lắng cho chúng tôi. Anh tôi hỏi mẹ lý do, mẹ im lặng một hồi lâu rồi mới kể:

“Chuyện chỉ vì khoản tiền vốn liếng dành dụm của ba mẹ suốt hơn chục năm nay, mẹ cả tin cho người ta vay rồi người ta xù nợ bỏ trốn. Ba trách mẹ. Mẹ cảm

thấy có lỗi với ba. Nếu sống chung một nhà, sẽ khó nhìn mặt nhau, sẽ còn nhiều những cuộc cãi vã khiến các con bị tổn thương. Mẹ không muốn vì ba mẹ mà hai con phải khổ tâm, buồn bã. Thế nên...”

“Nhưng mẹ ơi! Không có mẹ, anh em con còn buồn hơn!”

Anh tôi giơ tay lên lau vội hàng nước mắt chảy xuống đôi gò má lấm lem, giọng nghẹn ngào nói với mẹ. Tay tôi vẫn nắm chặt lấy tay mẹ, bàn tay thô ráp với những ngón tay đen đúa dính bùn đất, sần sùi, nứt nẻ.

Tôi tiếp lời anh bằng những câu nói như cầu xin:

“Mẹ về với anh em con đi mẹ! Không có mẹ, anh em con chẳng buồn ăn cơm. Mẹ ơi, mùa na chín rồi. Mẹ về xem, quả nào quả nấy to tròn với những chiếc mắt đẹp lấm. Con muốn được mẹ hái na, chia cho anh em con, cả nhà mình cùng ngồi dưới gốc na ăn từng miếng na ngọt lịm như ngày trước...”

Mẹ tôi nâng vạt áo lên quệt nước mắt.

“Nhưng...”. Mẹ định nói gì rồi lại thôi. Mẹ nhìn chúng tôi, xoa đầu mỗi đứa và lảng tránh sang chuyện khác:

“Trời sắp chuyển mùa, sẽ lạnh lắm. Hai đứa vẫn chưa có áo ấm để mặc. Chờ mấy ngày nữa, mùa màng xong xuôi, mẹ sẽ mua áo ấm cho hai anh em”.

Tôi vùng vằng:

“Con không cần áo ấm đâu. Con chỉ cần có mẹ thôi”.

Anh tôi tiếp lời:

“Con cũng vậy. Có áo ấm mặc cũng không bằng có mẹ!”.

Mẹ lại nước mắt lưng tròng. Gục đầu vào lòng mẹ, tôi nghe rõ trái tim mẹ đang run lên từng nhịp thổn thức.

Sau hôm trốn ba đi thăm mẹ trót lọt, tôi càng nhớ mẹ nhiều hơn. Những ngày sau đó, có nhiều buổi, anh tôi và tôi đã lên kế hoạch để về ngoại thăm mẹ lần nữa nhưng sợ cô chủ nhiệm báo về cho ba tôi biết nên lại thôi.

Đạo gần đây, thỉnh thoảng ba mới mở cửa quán để cắt tóc. Mấy người khách đến hỏi, ba chỉ bảo mắc công chuyện. Thực tình, tôi biết ba đang có rất nhiều tâm sự. Ba hút thuốc lá ngày một nhiều. Có hôm tôi thấy ba ngồi dưới gốc na mẹ trồng, đôi mắt nặng trĩu suy tư. Điều thuốc lá trên tay có khi quên hút, để hờ, cho đến khi cháy hết, chạm vào da thịt, ba mới chợt giật mình.

Tôi ngồi một mình dưới gốc na, ngắm mấy chú chim sâu đang riu ran chuyển cành. Mùi na chín phả vào gió hương thơm ngòn ngọt. Trở mùa, tấm áo mỏng manh tôi đang mặc cũng trở nên co rúm, xoắn tít. Tôi nhớ đến mẹ. Tôi muốn gặp mẹ. Anh tôi vẫn chưa đi học về. Ba tôi thì đi đâu đó. Chỉ mình tôi ngồi đây. Hay là... Tôi bật ra ý nghĩ bí mật rồi vùng dậy chạy ra khỏi ngõ.

Tôi vừa đi vừa chạy. Băng qua hết cánh đồng, đôi chân tôi đã thấm mồ. Cảm giác vừa đói vừa khát khiến tôi hoa mắt, bải hoải. Qua chiếc cầu bắc sang sông, tôi men theo con đường xi-măng để tìm về nhà ngoại. Chân tôi rệu rã, trước mắt tôi như lấp lóa sao trời và

thấp thoáng hình bóng mẹ. Bước chân tôi chậm dần. Tôi ngã quỵ xuống đất, nằm thiếp đi bên đường lúc nào chẳng biết cho đến khi nghe giọng anh tôi gọi thất thanh. Sau đó là giọng của mẹ, rồi giọng của ba tôi! Và còn rất nhiều người đứng xung quanh tôi nữa. Họ đang nhìn tôi và thì thầm với nhau điều gì đó về bí mật.

Anh tôi bảo, đi học về không thấy tôi, anh đã hốt hoảng tìm tôi khắp trong nhà ngoại ngõ. Biết tôi nhớ mẹ nên anh lấy ngay xe đạp chạy về nhà ngoại. Ba chưa hiểu gì, thấy không yên tâm nên cũng lấy xe máy đi theo sau... Vừa nói anh vừa nắm chặt lấy tay tôi. Cũng lúc ấy, tay ba nhẹ nhàng nắm lấy tay mẹ. Ba cười điềm đạm, nhìn mẹ rồi nhìn về phía anh em tôi, bảo: “Chúng ta về nhà thôi!”

Nghe câu nói của ba, tự dưng tôi và anh Hai lại bật khóc. ■





Chùa Anguk-sa

# Chùa Phật giáo ở Bắc Triều Tiên

PHẠM BÁ THỦY

**T**rong khi hầu hết những ngôi chùa nằm trong dãy núi Kim Cương nổi tiếng ở Bắc Triều Tiên hầu như đều bị phá hủy hoặc hư hỏng nặng trong Chiến tranh Triều Tiên, một vài ngôi chùa lớn ở những nơi khác có độ tuổi khác nhau vẫn còn tồn tại hoặc đã được khôi phục và có tầm quan trọng về mặt kiến trúc cũng như lịch sử. Nhà nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên chủ trương tôn trọng tự do tín ngưỡng và luôn coi trọng việc bảo tồn các di tích chùa chiền Phật giáo. Xin giới thiệu một số ngôi chùa nổi tiếng ở Bắc Triều Tiên...

## **Anguk-sa (An Quốc tự - 安國寺)**

Anguk-sa là một ngôi chùa Phật giáo nằm ở vùng Pyongsong, tỉnh Nam Pyongan, Bắc Triều Tiên. Chùa được xây dựng trên sườn núi Pongrin, và có niên đại từ triều đại Koryŏ. Tuy nhiên, tất cả các kiến trúc hiện hữu thì mới có từ thời triều đại Joseon. Đến Anguk được thành lập năm 503 dưới thời Koguryo. Sau đó, chùa được xây dựng lại vào năm 1419, và một lần nữa được trùng tu, phục chế vào năm 1785 dưới thời vua Chôngjo.

## **Pohyŏn-sa**

### **Bohyeon-sa (Phổ Hiền tự - 普賢寺)**

Chùa Pohyŏn-sa nằm trong dãy núi Myohyang ở

quận Hyangsan thuộc tỉnh Bắc Pyongan, Bắc Triều Tiên. Được thành lập dưới triều đại Koryŏ vào đầu thế kỷ XI, ngôi chùa phát triển rực rỡ như một trong những trung tâm Phật giáo vĩ đại nhất ở phía Bắc bán đảo Triều Tiên, và trở thành một nơi hành hương nổi tiếng. Giống như hầu hết các ngôi đền khác ở Bắc Triều Tiên, khu phức hợp kiến trúc của chùa Pohyŏn bị hư hại nặng nề từ vụ đánh bom của Mỹ trong Chiến tranh Triều Tiên. Sau chiến tranh, ngôi chùa này đã được xây dựng lại như một bảo tàng. Chùa Pohyŏn được thành lập dưới triều đại Koryŏ năm 1024 và được đặt theo tên của vị thần Phật giáo Samantabhadra (Phổ Hiền Bồ-tát, được gọi là Pohyŏn Posal trong tiếng Hàn).

## **Ch'ŏnju-sa**

### **Cheonju-sa (Thiên Trụ tự - 天柱寺)**

Chùa Ch'ŏnju nằm ở sườn phía nam của núi Yaksan, thuộc Yŏngbyŏn, tỉnh Bắc Pyŏngan, Bắc Triều Tiên. Được thành lập năm 1684 vào giữa triều đại Joseon, ngôi đền ngày nay vẫn giữ được phòng cầu nguyện chính, được gọi là Chánh điện Pogwang. Chùa Ch'ŏnju từng được biết đến là một trong sáu điểm danh lam thắng cảnh nổi tiếng nhất ở Yŏngbyŏn. Hiện vẫn còn một số nhà phụ xung quanh ngôi chánh điện, bao gồm phòng lưu trữ kinh Phật và khu sinh hoạt của các sư thầy.

### **Simwŏn-sa**

#### **Simwon-sa (Tâm Nguyên tự - 心源寺)**

Simwŏn là một ngôi chùa Phật giáo Hàn Quốc nằm ở quận Yŏntan-gun, tỉnh Bắc Hwanghae, Bắc Triều Tiên. Ngôi chùa này là một trong những ngôi nhà bằng gỗ lâu đời nhất ở Bắc Triều Tiên. Trong khuôn viên chùa có một cây đào cổ thụ và tòa bảo tháp nổi tiếng được xây dựng từ cuối triều đại Koryŏ.

### **Sŏngbul-sa**

#### **Seongbul-sa (Thành Phật tự - 成佛寺)**

Chùa Sŏngbul nằm ở vùng Sariwŏn, tỉnh Bắc Hwanghae, Bắc Triều Tiên. Chùa được xây dựng trong khu lâu đài trên ngọn núi Jŏngbang và chính thức hoạt động từ năm 898 sau Tây lịch. Khu phức hợp của chùa bao gồm sáu tòa nhà, được coi là nằm trong số những tòa nhà bằng gỗ lâu đời nhất ở Bắc Triều Tiên.

### **Ryonghŭng-sa**

#### **Ryongheung-sa (Long Hưng tự - 龍興寺)**

Ryonghŭng là một ngôi chùa Phật giáo ở vùng Ponghung-ri, quận Yŏnggwang-gun, tỉnh Nam Hamgyŏng, Bắc Triều Tiên. Nằm trên sườn núi Paegun, ngôi đền được thành lập vào năm 1048 dưới triều đại Koryŏ và sau đó được trùng tu vào năm 1794 dưới thời Joseon.

### **Kaesim-sa**

#### **Gaesim-sa (Khai Tâm tự - 開心寺)**

Chùa Kaesim nằm ở dãy núi Chilbosan nổi tiếng, thuộc tỉnh Bắc Hamgyong, Bắc Triều Tiên. Được thành lập vào năm 826 dưới thời vương quốc PalHae và được phục hồi vào năm 1377 bởi triều đại Koryŏ, ngôi chùa từ lâu đã phục vụ như một nơi ẩn dật của các nhà tu hành. Ngoài ra, ngôi chùa này cũng là một nhà kho lưu trữ dành cho nhiều tác phẩm điêu khắc, tranh vẽ và những bộ kinh Phật quan trọng. Sân chùa cũng có một chiếc chuông đồng được đúc từ năm 1764 và một cây hạt dẻ 200 năm tuổi nổi tiếng. Đây là một trong những bảo vật quốc gia của Bắc Triều Tiên.



**Chùa Kwanŭm-sa/Gwaneum-sa**



**Chùa Pohyŏn-sa/Bohyeon-sa**

### **Kwanŭm-sa**

#### **Gwaneum-sa (Quan Âm tự - 觀音寺)**

Chùa Kwanŭm nằm trong khu lâu đài Taehung bên dãy núi Chonma gần Kaesong, Bắc Triều Tiên. Đây cũng được coi là một trong những bảo vật quốc gia của Bắc Triều Tiên. Được đặt theo tên của Quán Thế Âm, vị Bồ-tát từ bi, ngôi chùa nhỏ này nằm trong thung lũng xinh đẹp giữa hai dãy núi Chonma và Songgo. Chùa được thành lập vào năm 970 khi một nhà sư đặt hai bức tượng Quán Thế Âm Bồ-tát bằng đá cẩm thạch trước một hang động phía sau vị trí hiện tại của ngôi chùa (hang động này về sau được gọi là hang Kwanŭm (hang Quan Âm)). Chùa Kwanŭm được chính thức xây dựng vào năm 1393 dưới triều đại Koryŏ, và sau đó được tu sửa lại vào năm 1646 dưới thời Joseon. Địa điểm này chứa nhiều di tích cổ, bao gồm một tòa tháp bảy tầng từ triều đại Koryŏ và các bức tượng Quán Thế Âm cổ trong hang Kwanum.



### **Yŏngmyŏng-sa**

#### **Yeongmyeong-sa (Vĩnh Minh tự - 永明寺)**

Chùa Yŏngmyŏng nằm dưới chân đồi Moranbong ở Bình Nhưỡng, Bắc Triều Tiên. Trước khi bị phá hủy trong Chiến tranh Triều Tiên, đây là trung tâm thờ phượng Phật giáo lớn nhất và quan trọng nhất tại thành phố Bình Nhưỡng, thủ đô của Triều Tiên khi đó chưa bị chia cắt thành hai miền. Mặc dù chưa biết chùa này được thành lập vào thời kỳ lịch sử nào, nhưng những câu chuyện phổ biến về nó đã có từ cuối thời vương quốc Goguryeo. Ngôi chùa được xây dựng lại hoàn toàn dưới triều đại Joseon. Dưới thời bán đảo Triều Tiên bị Nhật Bản chiếm đóng, ngôi chùa này đã trở thành một địa điểm du lịch lớn ở Bình Nhưỡng, nơi đây nổi tiếng với vị trí ven sông tuyệt đẹp và nhiều cây anh đào. Trong thập niên 1920, một lần nữa ngôi chùa đã trải qua một cuộc đại trùng tu hoành tráng được tài trợ bởi Chính phủ Nhật Bản, và người Nhật cũng chính thức đổi tên

chùa này thành "Eimei-ji" theo cách phát âm tiếng Nhật. Ngôi chùa lịch sử này đã bị phá hủy nặng nề trong vụ đánh bom thảm khốc của Mỹ ở Bình Nhưỡng trong Chiến tranh Triều Tiên. Tòa nhà gỗ duy nhất của ngôi chùa hiện đang tồn tại là Pubyŏk Pavilion, được dựng lại sau chiến tranh và được biết đến với cảnh quan tuyệt đẹp của sông Taedong. Bên cạnh đó, một ngôi chùa đá và đền thờ hình bát giác của nó cũng sống sót sau các vụ đánh bom, và cả ba đều được công nhận là bảo vật quốc gia của Bắc Triều Tiên.

*(Wikipedia)*

Ngoài ra còn có thể kể đến một số ngôi chùa khác như chùa Seoun-sa (Thê Vân tự - 棲雲寺) ở Yeongpyeon, tỉnh Bắc Pyongan; Anhwa-sa (An Hòa tự - 安和寺) ở Koryodong, Kaesong, tỉnh Bắc Hwanghae; Ryangcheon-sa (Lương Tuyền tự - 梁泉泉) ở Rakchol-li, huyện Kowon, tỉnh Nam Hamgyong. ■



# Đường tới kinh thành xưa

TRẦN ĐỨC TUÂN

**N**hững chuyến đi của nhóm chúng tôi vừa là du ngoạn, vừa là du khảo. Vì thế, lộ trình tự mình thiết kế, rồi thuê các hãng lữ hành thực hiện trọn gói, chứ không đi theo *tour* có sẵn. Thời gian đi từ điểm này tới điểm khác không đơn thuần chỉ là thời gian của di chuyển mà là của cả một quá trình du khảo dọc đường, tìm hiểu có chỉ định các địa danh trên đường đi. Điều này hết sức thú vị nhưng rất mất thì giờ, không phù hợp với máy bay. Tốt nhất là xe hơi, xe lửa hoặc tàu biển. Đặc biệt, xe hơi có thể giúp bạn dừng lại để thưởng thức cảnh đẹp hùng vĩ, thơ mộng trên đường; thậm chí có thể rẽ vào một nhánh phụ nào đó của con đường không được dự kiến trong lộ trình, và bất ngờ trực kiến một phong cảnh tuyệt mỹ thú vị nào đó... Để tiện cho việc đi lại, trong chuyến thăm Ấn Độ và Nepal, chúng tôi lập ra ba “tổng hành dinh” để từ đó tiến hành các chuyến đi ngắn. Đó là Delhi, Kolkata và Kathmandu.

“Đường tới kinh thành xưa” là một đoạn như thế. Điểm xuất phát là Sanchi, đích tới là Agra. Các mục tiêu chính là thành phố Bhopal, thành phố Agra và một số địa điểm trên đường. Hành trình này sẽ được thực hiện bằng cả xe hơi (quãng đường ngắn) và xe lửa (đoạn đường dài).

Từ già Sanchi lòng đầy luyến tiếc, bởi còn rất nhiều điều cần tìm hiểu thêm. Xin kể ra đây một truyền thuyết mà chúng tôi “lượm lặt” được trong thời gian hoạt động tại thánh địa này:

## Truyền thuyết về sông Hằng

Nhà vua Brigath là con cháu nhiều đời của vua Sager. Sager có 60.000 con trai, đánh thẳng tất cả quỹ dữ trên thế gian. Ông có tham vọng mở mang bờ cõi nên cho con ngựa, tức biểu tượng của vương quyền, được tháp tùng 60.000 người con đi khắp nơi. Thần sấm sét Indra sợ quyền lực của vua sẽ hơn mình nên tìm kế phá hoại bằng cách đánh cắp con ngựa giấu trước hang của một vị thánh giả là Capil. Sáu mươi ngàn người con tìm thấy ngựa, bèn la ó vang trời. Thánh giả bực mình, trừng mắt đốt cháy cả 60.000 người con thành tro. Vua tỏ là Sager đến cầu xin tha cho các con. Thánh nói chỉ khi nào sông Hằng trên thượng giới xuống trần gian thì chúng mới được cứu. Sager cố gắng cầu nguyện nhiều đời không thành. Đến đời Brigath cầu thì sông Hằng mới xuống. Để tránh cho thiên hạ khỏi lụt, thần Shiva đã trói sông Hằng bằng một khóa rơm, từ khóa đó dòng sông tỏa ra bảy hướng, gặp tro và linh hồn của 60.000 người, giải thoát cho họ. Vì vậy, dân Ấn tin rằng nếu liệng tro cốt xuống sông Hằng thì linh hồn sẽ được giải thoát. Tập tục đó được giữ cho đến tận bây giờ. Họ đốt xác bằng củi ngay ngoài trời hoặc trong các hành lang rộng có mái che trên bờ sông Hằng. Có những lúc có cả vài chục lò đốt cùng hoạt động, lửa ngút ngàn, mở người bốc mùi cháy khét lẹt, khói tỏa mù mịt. Khách phương xa chứng kiến đều rùng mình. Đó là một nghi thức thiêu liêng mà mỗi tín đồ Ấn giáo đều tuân thủ tự nguyện. Nơi nào ở quá xa sông Hằng

thì phải chờ thi hài tới các nhánh của Hằng hà. Những nhà giàu sẽ tìm đến tận bờ sông Hằng, dù xa cách mấy, để hỏa táng, để rắc tro. Điều lạ lùng là không ai nghĩ rằng vì thế mà nước sông ô nhiễm, mất vệ sinh.

Riêng về thần Shiva - một trong ba vị thần tối thượng của Ấn giáo - có một truyền thuyết nhỏ như sau: Từ trên đỉnh Kailash, suối tóc của ngài chảy theo các sườn núi qua Ấn Độ. Riêng sông Hằng từ trên thượng giới chảy xuống đầu Shiva quanh bảy vòng trước khi vào Ấn Độ, trở thành dòng sông thần thánh nuôi dưỡng cả dân tộc. Truyền thuyết này là của các tín đồ thờ Shiva. Ấn giáo vẫn có ba vị thần tối cao là Brahma, Vishnu và Shiva. Có những nhóm tín đồ thờ cả ba thần, có nhóm chỉ thờ riêng Shiva, có nhóm chỉ thờ Vishnu.

Hành trình lần này của nhóm là từ Sanchi qua Bhopal tới Agra. Nếu như Sanchi là trung tâm kiến trúc Phật giáo lớn nhất, Bhopal là một thành phố hiện đại có phong cảnh thiên nhiên đẹp, là điểm đến của giới thượng lưu tân tiến, thì Agra là một cố đô, một kinh thành xưa, nơi có công trình kiến trúc đế vương "Pháo đài đỏ" và "Lâu đài lăng mộ" nổi tiếng nhất thế giới. Đó đều là những bông hoa của nghệ thuật Hồi giáo. Ấn Độ có ba trụ cột tín ngưỡng nổi bật là Ấn giáo, Phật giáo và Hồi giáo. Nay chỉ còn hai, rất mạnh, vì một đã điều tàn.

Mục tiêu trước mắt là thành phố Bhopal - thủ phủ của bang lớn miền Trung Ấn Độ có tên Madhya Pradesh. Đây là miền đất chuyển tiếp giữa hai nền văn hóa: phía Bắc, nơi ngự trị của tộc người Arya di cư từ Trung Á vào Ấn Độ cách đây hơn 2.500 năm, chủ nhân của "thời kỳ Vệ-đà"; phía Nam là nơi cư trú chủ yếu của người bản địa Dravida. Hai miền Nam-Bắc cổ xưa có ranh giới là dãy núi Vindya. Về chủng tộc, người Arya cao lớn, da trắng, thường thấy trong các bộ phim truyện Ấn Độ với các nhân vật thuộc giới trung thượng lưu. Người Dravida nhỏ nhắn, da sạm hơn, thậm chí hơi đen. Ngày nay họ thường sống lẫn lộn trên khắp lãnh thổ quốc gia, xen kẽ, nhưng vẫn dễ nhận biết. Người Arya tự cho mình là loại "thượng đẳng".

Về mặt hình thể địa lý, Ấn Độ giống như một hình thoi, chiều Bắc Nam dài hơn, từ 8° vĩ Bắc tới 37° vĩ Bắc. Cực Bắc giáp Tân Cương (Trung Quốc) và Pakistan; cực Nam cách đảo quốc Tích Lan chỉ khoảng mấy chục cây số qua một eo biển, ở cửa vịnh Bengale.

Lịch sử văn minh Ấn Độ có thể tóm tắt như sau:

- Thời kỳ văn minh sông Ấn (nay thuộc Pakistan sau khi Ấn Độ bị chia tách) từ đầu đệ tam thiên niên kỷ đến giữa đệ nhị thiên niên kỷ. Sau thời kỳ này là giai đoạn văn minh sông Hằng.

- Thời kỳ Vệ-đà của người Arya từ Trung Á tràn vào, xuất hiện hai hiện tượng là đạo Bà-la-môn và chế độ đẳng cấp. Thời kỳ này kéo dài từ giữa đệ nhị đến giữa đệ nhất thiên niên kỷ.

- Thời kỳ từ thế kỷ thứ VI trước Tây lịch đến thế kỷ thứ XII Tây lịch (kéo dài 18 thế kỷ) gồm cuộc xâm lược

của Alexandre đại đế; vương triều Maurya (biểu tượng là con chim công) là triều đại huy hoàng nhất của Ấn Độ cổ đại; nhà nước Kushan thế kỷ thứ nhất tôn sùng Phật giáo; từ thế kỷ thứ III đến thế kỷ thứ XII Bắc Ấn Độ bị chia cắt; thế kỷ thứ VII, sư Huyền Trang (Đường Tam Tạng) tới Ấn Độ thỉnh kinh và học tập 17 năm; từ đầu thế kỷ XI đến đầu thế kỷ XIII, toàn bộ miền Bắc Ấn Độ bị sáp nhập vào Afghanistan; tiếp theo là thời kỳ Sultan Delhi (1206-1526) và thời kỳ Mogul (1526-1857).

Lướt qua một vài dòng về địa lý và lịch sử Ấn Độ sẽ giúp chúng ta dễ hình dung các sự kiện cụ thể, các sự tích, các biến động xã hội và sự ra đời của các công trình lớn về kiến trúc hoặc văn hóa diễn ra ở đâu và bao giờ.

Người Trung Á tràn vào Ấn Độ theo nhiều thời kỳ khác nhau. Những đợt đầu tiên, họ mang theo các giáo lý của kinh Vệ-đà, rồi kết hợp với các tín ngưỡng bản địa mà hình thành Ấn giáo. Thời kỳ này chưa xuất hiện Hồi giáo. Các đợt thâm nhập từ thế kỷ XIII trở về sau (khi đã có đạo Hồi) thì người Trung Á mới truyền bá và áp đặt Hồi giáo lên xã hội Ấn Độ và hình thành các vương triều hùng mạnh.

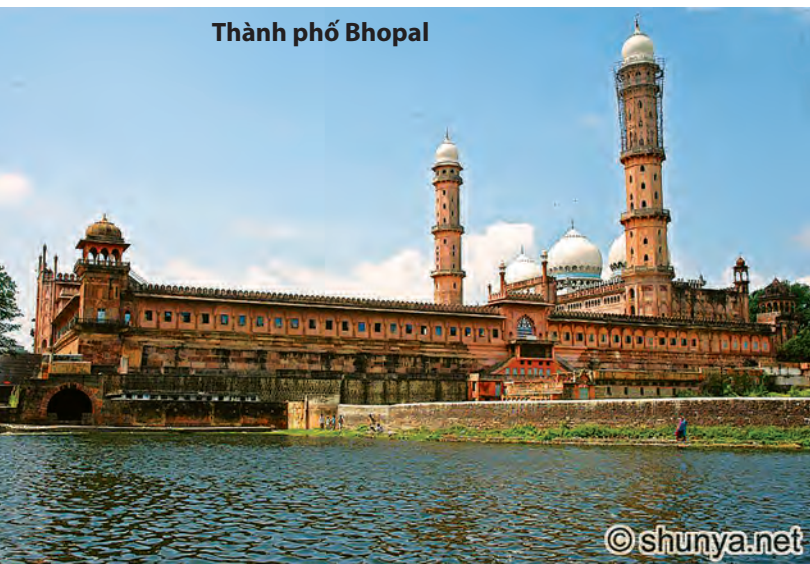
Nếu coi thời A-dục là vương triều thịnh vượng nhất của Ấn Độ cổ đại, thì triều đại Maurya là thời kỳ rực rỡ nhất của các hoàng đế Hồi giáo.

Sau khi hoàn thành công việc ở Sanchi, chúng tôi tới thăm thành phố Bhopal, thủ phủ của bang Madhya Pradesh, nằm về phía Nam Sanchi. Khu vực này thuộc miền Trung đất nước nhưng vẫn ở phía Bắc đường ranh giới, tức phía Bắc dãy Vindya.

### Thăm Bhopal

Từ Sanchi đi xe hơi xuống Bhopal, đường dài khoảng 200km, địa hình chủ yếu là đồng bằng. Tiếp tục đi thêm 12km nữa thì đến khu du lịch nổi tiếng hồ Bhopal, cực kỳ sang trọng và hoa lệ, địa danh hấp dẫn nhất của thành phố. Nhóm lữ hành Sài Gòn nghỉ tại lâu đài Jehan Numa Palace Hotel, sang và cao cấp hàng đầu gần ngay bờ hồ. Hồ Bhopal rất rộng, nhìn không thấy bờ bên kia. Tất cả mênh mông như biển, chỉ quan sát được bờ bên này với hàng loạt biệt thự, lâu đài, rừng cây, đồi núi. Đây là một trong những đại khu ăn chơi theo phong cách Tây Âu của khách giàu sang cả trong và ngoài nước. Ngay buổi tối hôm đó, cả nhóm tới ăn tối tại một lâu đài lớn khác với khuôn viên hàng chục hecta ở trên đồi sát bờ hồ. Thành phố Bhopal chỉ nằm ở một đầu hẹp của hồ. Chúng tôi chọn bàn ở ngoài sân vườn vừa thưởng thức các món đặc sản với hương vị bia rượu đặc biệt của Ấn Độ vừa ngắm cảnh bắn pháo hoa rực trời nổ vang trên cao soi bóng nước cực đẹp mừng các đám cưới của các gia đình quý tộc. Đây là thành phố công nghiệp hiện đại, một đầu mối giao thông, thương mại lớn; đặc biệt phát triển công nghiệp du lịch cao cấp, sang trọng nhất mà chúng tôi đã tiếp cận tại Ấn Độ. Ấn tượng nhất là núi, hồ và rất nhiều lâu đài cả cổ kính lẫn hiện đại kiến trúc thời thực dân mà chủ

## Thành phố Bhopal



sở hữu của chúng là các bậc đế vương. Từ xa xưa, Bhopal đã là một đô thị vương giả của nhiều gia đình hoàng tộc. Ở đây có công nghiệp hóa chất lớn, cơ sở công nghệ thông tin mạnh và hiện đại, không chỉ nổi tiếng trong nước mà là toàn thế giới. Sau này về nước mới được tin một thảm họa đã xảy ra ở đây. Đó là vụ nổ một nhà máy hóa chất lớn, khí độc phát tán rộng, mạnh, tai hại. Điểm yếu của du lịch Ấn Độ là họ chỉ dựa chủ yếu vào hệ thống lâu đài, cung điện cũ của hàng ngàn tiểu vương, chưa chú ý xây dựng các khu giải trí hiện đại. Ngoài ra, đường sá chưa được chú ý phát triển, nhất là tại Hy-mã-lạp sơn, vì còn lo ngại về an ninh bị đe dọa từ phía Trung Quốc.

Đi thuyền trên hồ ngắm cảnh thiên nhiên và chiêm ngưỡng các đàn chim trời hàng chục ngàn con bay lượn vô cùng ngoạn mục là thú vui nhất đối với du khách mỗi khi đến Ấn Độ. Ở đất nước này, chim thú không hề biết sợ. Những đàn cò trắng hàng trăm con luôn quần quýt dưới chân những người nông dân cày ruộng hoặc thu hoạch mùa màng.

### Tới Agra

Về quy mô, bao gồm: địa lý hành chính, dân số, tầm vóc nền kinh tế... Agra chỉ là thành phố loại ba của đất nước. Bên trên nó còn có hàng trăm thành phố lớn hơn thuộc các loại đặc biệt, loại một, loại hai; thế nhưng Agra được xếp hàng đầu về danh tiếng, về sự ngưỡng mộ của con người, bởi hai di sản vĩ đại; đó là một trong bảy kỳ quan mới của thế giới là Taj Mahal và di sản văn hóa của thế giới là Hoàng thành Pháo đài đỏ của cố đô.

Có một chi tiết thú vị. Đó là các nhà khoa học phát hiện là sau bốn thế kỷ, lăng mộ cung điện Taj Mahal đã đổi màu đôi chút (mắt người không thể nhận ra) do tác động của không khí ô nhiễm. Một quyết định lập tức được ban hành: Di dời toàn bộ các cơ sở công nghiệp, thủ công nghiệp ra các vùng nông thôn đủ xa để không ảnh hưởng tới Taj Mahal. Họ phải làm không

chậm trễ vì sợ để lâu con cháu “thờ ơ” hoặc “dễ quên”. Chính vì thế mà lao động dư thừa, dồn hết cho hai ngành thủ công mỹ nghệ là dệt thảm và cẩn đá phát triển mạnh mẽ, với giá nhân công rẻ mạt.

### Nghề cẩn đá

Giống như thẩm nghệ thuật, đá cẩn mỹ thuật sản xuất ra bao nhiêu cũng hết, không đủ bán cho khách hàng, cả trong nước và xuất khẩu, do phẩm chất thượng hạng, đặc biệt là vẻ đẹp siêu đẳng của chúng. Chúng tôi đến thăm một trong số hàng loạt “Công ty Mỹ nghệ Đá” như thế. Sản phẩm rất đa dạng và rất nhiều, khuôn viên công ty rộng mênh mông gồm nhiều hạng mục, mỗi xưởng có hàng trăm lao động gồm nghệ nhân và thợ lành nghề miệt mài làm việc.

Sản phẩm là các đồ mỹ nghệ bằng đá được cẩn các họa tiết cũng bằng đá như các bức tranh đá, các bộ bàn ghế, các độc bình, các dụng cụ cắm hoa, các đôi song bình lớn, những bộ đồ trà hay rượu, các bàn thờ... vô cùng phong phú, độc đáo và quyến rũ.

Các công đoạn chính gồm: Nhuộm đá cho giống như đá dùng ở Taj Mahal. Loại đá làm nền để cẩn là đá trắng ánh sáng xuyên qua được. Người ta cẩn lên mặt đá này các họa tiết bằng đá đã nhuộm, hoặc cẩn xà cừ, kim loại. Các họa tiết được cắt bằng tay, đánh bóng. Đá trắng nền không thấm màu, ánh sáng xuyên được, đóng gói, quăng ném không vỡ; sản phẩm từ nhỏ xiu đến to lớn, giá từ vài ba trăm đến nhiều ngàn đô-la Mỹ. Đồ lưu niệm nhỏ chỉ mấy chục đô. Giá cả phụ thuộc vào kích thước sản phẩm, vào số lượng họa tiết. Đá nền chỉ chiếm từ hai đến ba phần trăm giá trị sản phẩm, còn lại là công lao động và chất liệu cẩn. Giá công nhân cực rẻ (kể cả nghề dệt thảm). Một ngày công không mua nổi một chai bia, nên nhà nước đã miễn thuế cho hai nghề này.

### Pháo đài đỏ - Hoàng thành

Cũng như ở Delhi, Pháo đài đỏ đồng thời là Hoàng thành, tức đại công trình đế vương. Hoàng triều được bao bọc bằng lớp tường dài bao quanh, cấu tạo như một pháo đài cực lớn, có giá trị phòng thủ và thẩm mỹ rất cao. Tường thành ở đây rất cao và đặc biệt là dày hơn nhiều so với tường thành ở Delhi.

Agra là kinh đô của vương triều Mughal do Akbar đại đế xây. Mục đích phòng thủ được quan tâm đặc biệt. Ví dụ, tường thành gồm hai lớp, cao 13 mét và 23 mét, hai lớp hộ thành hà, một thả cá sấu và một không có nước thả sư tử để ngăn kẻ đột nhập. Hình dáng tường thành nhiều đoạn uốn lượn để từ trên quan sát dễ dàng phần ngoài chân thành bên dưới.

Sự khác nhau cơ bản giữa hai pháo đài đỏ ở đây và ở Delhi là pháo đài đỏ Agra có cả bốn mặt tường thành, trong khi ở Delhi chỉ có ba mặt (mặt bờ sông Yamuna không có tường thành); ở đây do Akbar đại đế xây, sau này cháu nội ông là Shah Jahal xây tiếp một phần bằng đá trắng; còn tại Delhi thì do Shah Jahal xây toàn bộ; đây là di sản văn hóa thế giới, còn ở Delhi thì không.



Những hạng mục chính của một hoàng thành, một pháo đài ở cả hai nơi đều cơ bản giống nhau. Phần công trình nhỏ phụ trợ có nhiều điểm khác biệt nhưng đều cực kỳ tráng lệ và sang trọng. Nói chung, tầm vóc, kích thước, mức độ kiên cố, diện tích xây dựng, sự khoáng đạt, nghệ thuật và vật liệu trang trí quý giá cầu kỳ dày đặc... thì ở đây hơn hẳn.

Trong toàn bộ hoàng thành khổng lồ với vô vàn công trình kiến trúc lộng lẫy, khách du lịch chỉ được tới thăm hai đại điện là Akbar Mahal và Jahangiri Mahal. Đó là cung điện do Akbar đại đế xây dựng vào năm 1565 bằng sa thạch đỏ, rồi được cháu nội ông là hoàng đế Shah Jahal xây tiếp một đại điện khác màu trắng bằng đá cẩm thạch. Cả hai cung điện này tương tự như hoàng cung ở Delhi nhưng kích thước lớn hơn, đặc biệt hàng cột trường lang vô cùng ấn tượng. Cặp hoàng cung này được coi là một trong những đỉnh cao của nghệ thuật kiến trúc Ấn Độ thế kỷ XVI và XVII.

Toàn bộ Hoàng thành-Pháo đài đỏ là sự kết hợp thành công và hoàn hảo tinh hoa của hai nền nghệ thuật Hồi giáo Trung Á (là chính) và Ấn Độ (ở một số hạng mục).

Có một tứ hợp viện cực lớn nằm trong hoàng thành. Đó là một cung điện mà các tòa kiến trúc thông nhau, liên hoàn bao quanh một sân rộng hình vuông lớn chừng nửa sân bóng đá. Chúng tôi đã thăm nhiều "tứ hợp viện" ở Trung Quốc, ở Hà Giang của "vua Mèo" rất ấn tượng nhưng chỉ lớn bằng một phần mười khối tứ hợp viện ở đây.

Tường thành ở Agra rất dày nên các cổng vào đều có hai cửa, trong và ngoài, tạo cảm giác sâu thẳm của tầm nhìn cho viễn khách và sự "kín cổng cao tường" cho công trình. Đặc biệt, lớp tường thành phía trong cao ngất tới 23 mét nhìn từ xa đã thấy (lớp tường ngoài chỉ cao 13 mét). Đó là một hình ảnh rất đẹp, tạo rất rõ cảm giác "bất khả xâm phạm" với mép trên cùng là một hàng dài khe châu mai đều đặn cao khoảng một mét để cho các chiến binh tác chiến với mặt đất bên ngoài.

Có một nỗi buồn sâu sắc của du khách nước ngoài chia sẻ nỗi đau lớn của người Ấn Độ trước việc châu báu vàng ngọc đá quý kim cương nằm trong hàng vạn tác phẩm nghệ thuật kiệt xuất được khảm và trang trí trên tường các lầu đài đã bị người Anh lột sạch mang về nước, để lại những khoảng trống loang lổ trên tường, trên cửa, trên cột cũng như trên bàn ghế và đồ dùng, đồ thờ để vương tại mọi góc ngách, mọi chốn tôn nghiêm của hoàng thành. Đó quả là vết nhơ của quân xâm lược!

Xin có đôi lời về vị hoàng đế thao lược và ngang ngược Shah Jahal, người đã xây hoàng thành ở Delhi và góp phần tô điểm hoàng thành ở Agra. Ông ta có hai hành động mà mọi người dân Ấn Độ đều nhắc tới (độ chính xác tới đâu thì chưa rõ). Đó là:

- Sau khi cung điện lăng mộ Taj Mahal xây xong, ông ta không muốn trên đời có thêm công trình thứ hai giống vậy nên đã ra lệnh chặt hai tay người kiến trúc sư trưởng.



- Trước đó, muốn giữ vững ngôi báu của mình, ông ta đã giết sạch những người anh em ruột để yên tâm.

Ở nước Nga, có một người có thể so sánh. Đó là Sa hoàng Ivan bạo chúa. Ông này ra lệnh xây ngôi nhà thờ đẹp nhất nước Nga ở một góc Quảng trường Đỏ mang tên Thánh Basel. Khi tác phẩm kiệt xuất hoàn thành, nhà vua hỏi viên kiến trúc sư, "Anh có thể xây được một ngôi nhà thờ khác đẹp ngang như thế không?". Câu trả lời, "Dạ thưa, hoàn toàn có thể". Vị hoàng đế đã ra lệnh khoét đôi mắt của tác giả công trình để không bao giờ có một tác phẩm như thế nữa. Bản thân Ivan bạo chúa đã giết con trai mình.

Xin nói thêm về một nhân vật nữa. Đó là Hoàng đế Thái Tông nhà Đường bên Trung Hoa. Để có thể sở hữu ngôi báu, ông ta đã giết anh ruột và em ruột của mình.

Và sau đây là lời bình về Đường Thái Tông Lý Thế Dân của vua Trần Dụ Tông đời Trần ở Việt Nam:

*Đường Việt khai cơ lưỡng Thái Tông,  
Đường xưng Trinh Quán, ngã Nguyên Phong,  
Kiến Thành chu tử, An Sinh tại,  
Miếu hiệu tuy đồng, đức bất đồng.*

Nội dung:

Hai nước Đại Đường và Đại Việt có hai ông vua khai lập triều đại nhà Đường và triều đại nhà Trần đều có miếu hiệu "Thái Tông"; đó là Đường Thái Tông Lý Thế Dân và Trần Thái Tông Trần Cảnh. Riêng Lý Thế Dân đã giết anh ruột để lên ngôi. Trần Cảnh thì khác. Trần Liễu là anh ruột Trần Cảnh. Khi nghe Trần Liễu nói lời ghen tị, chú ruột của họ là Trần Thủ Độ rút gươm toan chém Trần Liễu thì Trần Cảnh lập tức lấy thân mình chắn lưỡi gươm cho anh. Trần Thủ Độ phải chùn tay, Trần Liễu được cứu sống.

Dịch nghĩa bốn câu thơ:

*Hai triều Đường Việt có hai người khai cơ đều là Thái Tông  
Bên các anh xưng danh vương là Trinh Quán, bên chúng tôi là Nguyên Phong.*

*Kiến Thành (anh trai của Thế Dân) thì bị giết, An Sinh (Trần Liễu, anh trai của Trần Cảnh) thì được sống.*

*Vương hiệu tuy giống nhau (đều là Thái Tông), nhưng đức độ thì không giống nhau chút nào. ■*



# CÔNG TY TNHH LỮ HÀNH QUỐC TẾ SEN AN

Giấy phép quốc tế: 79-918/2018

ĐC: 896A/10 HẬU GIANG, PHƯỜNG 12, QUẬN 6, TP.HCM

ĐT: 028.627.59.627 - 0909.97.2016 (Pháp Đức) - (077.800.1068)

Web: dulichsenan.com - Email: senantour@gmail.com - Fb: Sen An Tour

1. **ẤN ĐỘ - TIỂU TÂY TẠNG - NEPAL** 17N16Đ Tăng Ni: 23,500,000, Phật tử: 31,500,000
2. **ẤN ĐỘ - NAM ẤN - MUMBAY** (Sanchi - Ajanta - Elora) 18N17Đ Tăng Ni: 27,000,000, Phật tử: 34,000,000
3. **ẤN ĐỘ - NEPAL** 14N13Đ Tăng Ni 23,500,000, Phật tử: 29,500,000
4. **ẤN ĐỘ** (Tu tập Bồ Đề Đạo Tràng, Chuyên làm tour **ẤN ĐỘ** theo yêu cầu và vé máy bay (7N6Đ: 23,500,000 - 9N8Đ 26,500,000)
5. **SINGAPORE-MALAYSIA-INDONESIA** 6N5Đ 10,700,000 (Buffet, hotel 4\*)
6. **SINGAPORE-MALAYSIA** 6N5Đ: 9,990,000 (Buffet, hotel 4\*)
7. **SEOUL -NAMI-EVERLAND** 5N4Đ: 13,990,000 (Buffet, hotel 4\*)
8. **HÒN NGỌC PHẬT GIÁO SRI LANKA** 7N6Đ: 27,500,000 (Buffet, hotel 4\*)
9. **Chiêm bái Tứ Đại Danh Sơn Trung Hoa** 12N11Đ: 39,990,000 (Buffet, hotel 4\*)
10. **CAM-THAI-LAO-MYANMAR** 12N11Đ: 9,990.000 (3,4 SAO bằng xe CAO CẤP)
11. **CAM-THAI** 6N5Đ: 3.990.000 (3,4 SAO bằng xe CAO CẤP)
12. **BANGKOK - PATTAYA** 5N4Đ: 5,990,000 (Buffet, hotel 4\*)
13. **PHƯỢNG HOÀNG CỔ TRẤN** 6N5Đ: 14,890,000 (Buffet, hotel 4\*)
14. **MYANMAR - YANGON - TÀNG ĐÁ VÀNG** 5N4Đ: 11,900,000 (Buffet, hotel 4\*)
15. **BHUTAN** 7N6Đ: 45,900,000 (Buffet, hotel 4\*)
16. **NHẬT BẢN** 5N4Đ: 27,500,000 (Buffet, hotel 4\*)
17. **ĐÀI LOAN** 5N4Đ: 10,500,000 (Buffet, hotel 4\*)
18. **HONGKONG** 4N3Đ: 11,900,000 (Buffet, hotel 4\*)
19. **DUBAI** 5N4Đ: 23,880,000 (Buffet, hotel 4\*)
20. **VÉ MÁY BAY GIÁ RẺ ĐI MỸ, ÚC, CANADA và chuyên visa các nước.**



**ĐẶC BIỆT: ƯU ĐÃI CHO QUÝ TĂNG NI VÀ ĐẠO TRÀNG PHẬT TỬ CÁC CHÙA**  
(THIẾT KẾ TOUR THEO YÊU CẦU, CHUYÊN TỔ CHỨC SỰ KIỆN CHO CÁC CHÙA VÀ ĐẠO TRÀNG)



D H A R M A G A R D E N

17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tường, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM  
028. 35 035 579 – 028. 36 026 818 – 0916 943 877  
lienhe@phapuyen.com – www.phapuyen.com



Công ty TNHH SX - TM  
**QUANG NGHỆ**  
QUANG NGHỆ CO., LTD.  
NỀN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm  
Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐD: 0989 183 398

- Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
  - Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.
- Đặc biệt:** Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

**Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước**

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com

## KÍNH MỜI ĐẶT MUA *Tạp chí* VĂN HÓA PHẬT GIÁO - NĂM 2019

Trân trọng kính mời chư tôn đức Tăng Ni, quý Phật tử và bạn đọc gần xa  
hoan hỷ đặt mua *tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - năm 2019*.

+ **Quý khách có thể chọn đặt mua:**

- 12 số đầu năm : 365.000đ
- 12 số cuối năm: 365.000đ
- Trọn năm 2019 : 720.000đ (ưu đãi: chiết khấu 5%)

+ **Phương thức thanh toán:**

Quý khách hoan hỷ trả tiền theo một trong những phương thức sau đây:

- Đóng trực tiếp tại tòa soạn - Ban Phát hành.
- Thanh toán tại địa chỉ độc giả đăng ký (chỉ áp dụng đối với quý độc giả lớn tuổi tại các quận nội thành TP.HCM).
- Thông qua đường bưu điện.
- Chuyển khoản: **Tài khoản Tạp chí VHPG. Số 0071001053555, Ngân hàng Vietcombank, Chi nhánh TP.HCM**

**Quý khách hoan hỷ đăng ký với Ban Phát hành bằng điện thoại: (84-28) 3848 4335**

**Ban Phát hành - Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo, số 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM.**

**VĂN HÓA**  
P HẬT GIÁO

- Quý độc giả có nhu cầu viết bài và chụp ảnh về nhà hàng chay, quảng bá thương hiệu hay đưa tin về công tác từ thiện, chuyên mục y tế cũng như đăng quảng cáo...
- Xin vui lòng liên hệ: **Văn phòng Tòa soạn**
- ĐT: **02838484335**
- Email: **toasoanvhp@gmail.com**

# Đã phát hành

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo đóng bộ tập 1 năm 2019



**Mọi chi tiết xin liên hệ**

Tòa soạn: 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3, TP. Hồ Chí Minh

Phòng Phát hành: (84-28) 3848 4335

Đón đọc

# VĂN HÓA

P HẬT GIÁO

SỐ 332

Phát hành ngày 1 - 11 - 2019

## CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

### HÀ NỘI

Cô Trần Thị Trâm  
Showroom Sách Thái Hà  
119 C5 Tô Hiệu, Cầu Giấy, Hà Nội  
ĐT: 0986644553

### THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Đặng Văn Hợp  
Trung tâm Văn hóa Liễu Quán  
15A Lê Lợi, TP.Huế  
ĐT: 0905842219

### ĐÀ NẴNG

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,  
chùa Phổ Đà  
340 Phan Chu Trinh, TP.Đà Nẵng  
ĐT: 0914 018 093

### KHÁNH HÒA

Chị Hương,  
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn,  
chùa Long Sơn,  
số 20 đường 23 tháng 10  
TP.Nha Trang  
ĐT: 058 2241 868 - 038 2552 374

### LÂM ĐỒNG

Chị Nguyễn Thị Kim Cúc  
Số 9 hẻm 2 Đồng Tâm, P.8, TP.Đà Lạt  
ĐT: 0911442459

Phòng phát hành chùa Phước Huệ  
697 Trần Phú, TP.Bảo Lộc  
ĐT: 0169 8287 177  
(Cô Hường)

Trần Thị Linh Châu  
PPH Chùa Linh Sơn  
120 Nguyễn Văn Trỗi, P2, TP.Đà Lạt

### CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành  
128 Nguyễn An Ninh, Q.Ninh Kiều  
ĐT: 0939282636

### TIỀN GIANG

Đại lý Mây Hồng,  
57 Lý Thường Kiệt, TP.Mỹ Tho  
ĐT: 0733.877.054

### TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn  
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3  
ĐT: 028 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách  
và các sạp báo trong TP.HCM.

Giá: 22.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG